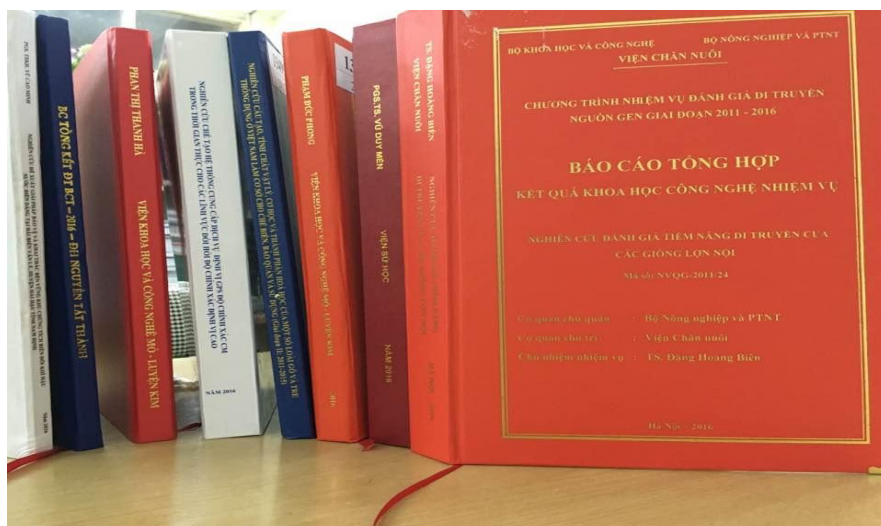


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 08**  
**2022**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN

*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Lời giới thiệu  | 2            |
| Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp      | 3            |
| Bảng traket quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu | 4            |
| Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp                | 8            |
| Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN                             | 95           |

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

## GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/ ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤

⑥

⑦

⑧

⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyên đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

|   |  |
|---|--|
| ① | Mã biểu ghi trong CSDL                           |
| ② | Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản                  |
| ③ | Tên nhiệm vụ                                     |
| ④ | Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu |
| ⑤ | Thời gian thực hiện nhiệm vụ                     |
| ⑥ | Cấp nhiệm vụ                                     |
| ⑦ | Nơi viết báo cáo                                 |
| ⑧ | Cơ quan chủ trì nhiệm vụ                         |
| ⑨ | Năm viết báo cáo                                 |
| ⑩ | Tóm tắt nội dung nghiên cứu                      |

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

|   |           |
|---|-----------|
| <b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>   | <b>8</b>  |
| 10101. Toán học cơ bản .....  | 8         |
| 10201. Khoa học máy tính .....  | 8         |
| 10202. Khoa học thông tin .....   | 9         |
| 10506. Địa lý tự nhiên.....   | 9         |
| 10508. Trắc địa học và bản đồ học .....   | 10        |
| 10509. Các khoa học môi trường .....  | 10        |
| 10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển .....  | 11        |
| <b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>   | <b>11</b> |
| 20101. Kỹ thuật kiến trúc.....  | 11        |
| 20102. Kỹ thuật xây dựng.....   | 12        |
| 20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....   | 13        |
| 20199. Kỹ thuật dân dụng khác.....  | 14        |
| 20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....   | 14        |
| 20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..... | 14        |
| 20304. Chế tạo máy động lực.....  | 15        |
| 20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....  | 15        |
| 20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ .....   | 17        |
| 20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....   | 17        |
| 20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác .....  | 18        |
| 20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung .....   | 19        |
| 20403. Kỹ thuật hoá dược .....  | 20        |
| 20507. Vật liệu xây dựng .....  | 20        |
| 20513. Gỗ, giấy, bột giấy .....   | 20        |
| 20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp .....   | 21        |

|   |           |
|---|-----------|
| 20515. Vật liệu tiên tiến .....   | 22        |
| 20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....   | 22        |
| 20704. Viễn thám .....  | 23        |
| 20799. Kỹ thuật môi trường khác .....   | 24        |
| 20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung.....   | 25        |
| 21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)..... | 25        |
| <b>3. Khoa học y, dược .....</b>  | <b>26</b> |
| 30201. Nam học .....  | 29        |
| 30202. Sản khoa và phụ khoa .....   | 29        |
| 30208. Điều trị tích cực và hồi sức cấp cứu.....  | 30        |
| 30210. Chấn thương, Chỉnh hình .....  | 31        |
| 30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật).....   | 31        |
| 30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng.....  | 32        |
| 30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hormone)...  | 33        |
| 30219. Tiêu hoá và gan mật học .....  | 33        |
| 30221. Ung thư học và phát sinh ung thư .....   | 34        |
| 30222. Nhãn khoa. Bệnh mắt.....   | 34        |
| 30225. Thần kinh học lâm sàng .....   | 35        |
| 30227. Y học thẩm mỹ, Phẫu thuật thẩm mỹ.....   | 35        |
| 30229. Y học bổ trợ và kết hợp.....   | 36        |
| 30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng .....   | 37        |
| 30305. Y tế môi trường và công cộng.....  | 37        |
| 30308. Bệnh truyền nhiễm .....  | 38        |
| 30309. Dịch tễ học .....  | 38        |
| 30312. Sức khoẻ sinh sản.....   | 39        |
| 30399. Các vấn đề y tế khác.....  | 39        |
| 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....  | 40        |

|   |                                     |
|---|-------------------------------------|
| 30404. Hoá dược học .....   | 41                                  |
| 30499. Dược học khác.....   | 42                                  |
| 30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế .....   | 43                                  |
| 30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc.....  | 44                                  |
| 30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen)..... | 44                                  |
| 39999. Y học, y tế và dược chưa xếp vào mục nào khác.....   | 44                                  |
| <b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>  | <b>45</b>                           |
| 40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....   | 47                                  |
| 40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả .....   | 49                                  |
| 40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....   | 51                                  |
| 40106. Bảo vệ thực vật.....   | 51                                  |
| 40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác .....   | 52                                  |
| 40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác .....  | 55                                  |
| 40403. Quản lý và bảo vệ rừng .....   | 56                                  |
| 40406. Nông lâm kết hợp .....   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| 40504. Nuôi trồng thủy sản.....   | 56                                  |
| 40507. Bảo quản và chế biến thủy sản.....   | 59                                  |
| 40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác.....  | 59                                  |
| 499. Khoa học nông nghiệp khác .....  | 60                                  |
| <b>5. Khoa học xã hội .....</b>   | <b>61</b>                           |
| 50199. Tâm lý học khác .....  | 63                                  |
| 50202. Kinh doanh và quản lý .....  | 64                                  |
| 50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....  | 67                                  |
| 50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..   | 71                                  |
| 50302. Giáo dục chuyên biệt.....  | 74                                  |

|   |           |
|---|-----------|
| 50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....  | 75        |
| 50404. Dân tộc học.....   | 77        |
| 50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội<br>Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội..... | 78        |
| 50499. Xã hội học khác.....   | 80        |
| 50501. Luật học.....  | 82        |
| 50599. Các vấn đề pháp luật khác.....   | 83        |
| 50601. Khoa học chính trị.....  | 84        |
| 50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....   | 85        |
| 50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....   | 86        |
| 50699. Khoa học chính trị khác .....  | 86        |
| 50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội .....   | 87        |
| 50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....   | 88        |
| 50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....   | 89        |
| 50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác.....   | 90        |
| 50802. Thông tin học .....  | 90        |
| <b>6. Khoa học nhân văn.....</b>  | <b>91</b> |
| 60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.....  | 91        |
| 60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung .....  | 91        |
| 60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác .....   | 92        |
| 60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....  | 92        |
| 60305. Nghiên cứu tôn giáo .....  | 94        |



## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 10101. Toán học cơ bản

82579. 08-2022 **Môđun đối đồng điều địa phương và cấu trúc của vành Noether địa phương/** GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân, TS. Nguyễn Thị Kiều Nga; TS. Trần Đỗ Minh Châu; PGS.TS. Nguyễn Văn Hoàng; PGS.TS. Nông Quốc Chinh; TS. Lưu Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Tâm - Thái Nguyên - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các bài toán về cấu trúc của môđun chính tắc của các môđun hữu hạn sinh khi vành cơ sở là thương của một vành Gorenstein. Khảo sát môđun đối đồng điều địa phương khi chuyển qua một số đồng cấu phẳng (chiều, tập idêan nguyên tố gắn kết, một số quỹ tích, một số bất biến). Xác định chỉ số khả quy cho môđun hữu hạn sinh. Nghiên cứu tính triệt tiêu và linh hóa tử của môđun đối đồng điều địa phương và đặc trưng cấu trúc một số lớp vành Noether địa phương.

Số hồ sơ lưu: 19774

#### 10201. Khoa học máy tính

82621. 08-2022 **Nâng cao hiệu quả nhận dạng hoạt động của người sử dụng kỹ thuật biểu diễn đa tạp và học sâu trên dữ liệu đa thể thức/** TS. Nguyễn Văn Tới, TS. Trần Thị Thanh Hải; PGS.TS. Lê Thị Lan; TS. Vũ Hải; TS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Đinh Viết Sang; TS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Đoàn Thị

Hương Giang; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Phạm Đình Tân - Hà Nội - Viện nghiên cứu quốc tế về thông tin đa phương tiện, truyền thông và ứng dụng, 2021; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất mô hình biểu diễn hoạt động của người dựa trên đa tạp, tích hợp thông tin đa thể thức, đa góc nhìn. Nghiên cứu phương pháp nhận dạng hoạt động của người sử dụng kỹ thuật học sâu trên dữ liệu đa thể thức, đa góc nhìn. Nghiên cứu phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật học sâu và mô hình biểu diễn dựa trên thông tin đa thể thức, đa góc nhìn. Triển khai ứng dụng dựa trên kết quả của những nghiên cứu trên.

Số hồ sơ lưu: 19787

82743. 08-2022 **Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin của Trung tâm tích hợp dữ liệu các cơ quan Đảng và Đoàn thể trong công tác quản lý, điều hành tại Tỉnh ủy Nam Định/** ThS. Lê Văn Thê, Nguyễn Tuấn Hùng - Nam Định - Văn phòng tỉnh ủy Nam Định, 2020; 09/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành nâng cấp, chuyển đổi giao diện web cho Lotus Notes, tích hợp ký số/ xác thực văn bản trong quy trình gửi nhận, xử lý văn bản nâng cao hiệu quả trong việc tham mưu giúp việc, đề xuất các chủ trương, chính sách phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy. Đầu tư trang thiết bị cho trung tâm tập trung dữ liệu của Tỉnh ủy và triển khai VMware hệ thống backup bảo mật

dữ liệu, thực hiện backup và restore dữ liệu. Đồng thời tiến hành đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, Đoàn thể của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: NDH-002-2021

### **10202. Khoa học thông tin**

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Trảng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử.

Số hồ sơ lưu: 19779

### **10506. Địa lý tự nhiên**

82629. 08-2022 **Nghiên cứu chuyển động kiến tạo Pliocen - hiện đại các đảo và thềm lục địa Việt Nam phục vụ đánh giá tai biến địa chất/** GS.TS. Phan Trọng Trịnh, TS. Mai Thành Tân; TS. Nguyễn Văn Hương; TS. Ngô Văn Liêm; TS. Cù Minh Hoàng; TS. Lê

Chi Mai; TS. Bùi Nhị Thanh; TS. Phạm Văn Hùng; ThS. Hoàng Quang Vinh; ThS. Trần Văn Phong; TS. Bùi Văn Thơm; TS. Phạm Thái Bình; ThS. Vũ Duy Vĩnh - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoạt động kiến tạo trong giai đoạn Pliocen các đảo và thềm lục địa Việt Nam. Nghiên cứu chuyển động kiến tạo trong Đệ tứ và chuyển động kiến tạo hiện đại các đảo, vùng ven biển và thềm lục địa Việt Nam. Xây dựng bản đồ kiến tạo Pliocen - Hiện đại thềm lục địa Việt Nam và các đảo chính, tỷ lệ 1/500.000. Xây dựng bản đồ trạng thái ứng suất kiến tạo Pliocen - Hiện đại thềm lục địa Việt Nam và các đảo chính, tỷ lệ 1/500.000. Xây dựng bản đồ gradient kiến tạo thẳng đứng Pliocen - Hiện đại thềm lục địa Việt Nam, tỷ lệ 1/500.000. Xây dựng hệ thống bản đồ chuyên đề và bản đồ tốc độ biến dạng kiến tạo hiện đại thềm lục địa Việt Nam, tỷ lệ 1/500.000. Nghiên cứu tai biến địa chất, định hướng công tác điều tra khoáng sản liên quan đến chuyển động kiến tạo Pliocen - Hiện đại các đảo và thềm lục địa Việt Nam, thành lập bản đồ tai biến địa chất tỷ lệ 1/500.000.

Số hồ sơ lưu: 19790

82732. 08-2022 **Nghiên cứu diễn biến xâm nhập mặn nước dưới đất thành phố Đà Nẵng, đề xuất các giải pháp khai thác hợp lý/** TS. Hoàng Thanh Sơn, - Hà Nội - Viện Địa lý, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên và kinh tế xã hội đến nước dưới đất thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, nghiên cứu đặc điểm các tầng chứa nước dưới đất, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất thành phố Đà Nẵng. Tìm hiểu hiện trạng, diễn biến tình hình xâm nhập mặn nước dưới đất. Dự báo xâm nhập mặn nước dưới đất đến năm 2030 theo các kịch bản lựa chọn để qua đó đưa ra các giải pháp ngăn ngừa xâm nhập mặn và khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước dưới đất thành phố Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-022-2021

### **10508. Trắc địa học và bản đồ học**

82623. 08-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học, xây dựng hệ thống quan trắc cảnh báo trượt tự động tại một số khu đô thị trọng điểm khu vực Tây Nguyên/ ThS. Nguyễn Việt Tiến, ThS. Trần Trọng Hiền; TS. Nguyễn Quốc Thành; TS. Nguyễn Xuân Huyền; PGS.TS. Đoàn Thế Tường; TS. Mai Thành Tân; TS. Lại Hợp Phòng; TS. Bùi Văn Thơm; TS. Hà Ngọc Anh; TS. Phạm Văn Hùng; TS. Phan Đông Pha; ThS. Nguyễn Minh Quảng; ThS. Nguyễn Trọng Tài; ThS. Nguyễn Đức Rỡ; ThS. Nguyễn Ánh Dương; ThS. Vy Thị Hồng Liên; ThS. Đoàn Anh Tuấn; ThS. Phạm Ngọc Đạt; ThS. Nguyễn Văn Tạo; TS. Phạm Thái Bình; ThS. Dương Thị Ninh - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, các yếu tố điều kiện, nguyên nhân và

dự báo nguy cơ trượt lở đất tại 05 khu đô thị trọng điểm, trong đó bốn đơn vị hành chính thuộc tỉnh Lâm Đồng là TP. Đà Lạt, TT. Lạc Dương, TT. Di Linh, TP. Bảo Lộc và một đơn vị hành chính thuộc tỉnh Đắk Nông là TP. Gia Nghĩa. Xác định điều kiện, nguyên nhân và cơ chế hình thành các khối trượt điển hình tại các khu đô thị. Xác lập cơ sở khoa học và thiết lập quy trình xây dựng hệ thống quan trắc trượt tự động tại các đô thị trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: 19777

### **10509. Các khoa học môi trường**

82576. 08-2022 Nghiên cứu sự biến đổi môi trường sinh thái vùng hạ lưu sông Mekong thuộc lãnh thổ Việt Nam và đánh giá tác hại của các hoạt động kinh tế không được kiểm soát tại vùng thượng lưu sông Mekong/ PGS.TS. Châu Nguyễn Xuân Quang, PGS.TS. Đào Nguyễn Khôi; PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Lâm Đạo Nguyên; TS. Phạm Gia Trân; TS. Dương Thị Thúy Nga; TS. Lê Bửu Thạch; TS. Phạm Kim Long; TS. Trần Đức Dũng; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Hồ Văn Hòa; ThS. Cù Ngọc Thắng - Bình Dương - Trung tâm Quản lý nước và Biến đổi khí hậu, 2021; 09/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập, tổng hợp các dữ liệu đã có và đo đạc hiện trường. Đánh giá biến đổi các yếu tố chính của môi trường sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá biến động thủ vãn, phù sa, chất lượng nước vùng thượng lưu châu thổ sông

Mekong. Dự báo tác động của biến động thủy văn, phù sa, chất lượng nước vùng thượng lưu châu thổ Mekong và nước biển dâng đến môi trường sinh thái đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá và dự báo tác động của biến đổi môi trường sinh thái đến sinh kế người dân đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất hành động thích ứng, giải pháp giảm thiểu tác động của biến đổi môi trường và phát triển hài hòa.

Số hồ sơ lưu: 19783

### **10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển**

82767. 08-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh/** ThS. Đặng Thanh Tâm, - Trà Vinh - Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Trà Vinh, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống thông tin KTTV phục vụ một cách tích cực các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần ứng phó và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai KTTV gây ra và ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Trà Vinh. Xây dựng bộ bản đồ khí hậu điện tử tỉnh Trà Vinh gồm các yếu tố: Gió, bốc hơi, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí, mưa, thời gian nắng. Xây dựng quy trình và cung cấp thông tin KTTV phục vụ kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh.

Số hồ sơ lưu: TVH-002-2021

### **2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

81486. 08-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến và**

**bảo quản t hực phẩm chức năng bột gạo mầm /** PGS.TS. Nguyễn Công Hà , PGS.TS. Đái Thị Xuân Trang; ThS. Phạm Quang Trung ; ThS. Huỳnh Thiên Trúc ; ThS. Nguyễn Thị Lệ Ngọc - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2020; 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cải tiến tính chất chức năng của sản phẩm gạo mầm và cải thiện khả năng chậm hấp thụ đường, tăng cường hiệu quả của các thành phần chức năng có trong gạo mầm. Kết quả nghiên cứu đã thu nhận được thành công hai quy trình chế biến bột gạo mầm sấy phun và rang, sản phẩm đã được thử nghiệm và cho thấy có những tính chất chức năng rất tốt, hàm lượng GABA cao, hàm lượng các chất chức năng khác, tinh bột chậm hấp thu và kháng hấp thu gia tăng đáng kể. Nghiên cứu cũng ghi nhận sản phẩm bột gạo mầm sấy phun có tác dụng tích cực trong hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường và ung thư gan. Sản phẩm bột gạo mầm rang chủ yếu mang lại hiệu quả dinh dưỡng và chỉ có tác dụng hỗ trợ người bệnh. Hơn thế nữa, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần sản xuất được các sản phẩm chế biến từ lúa gạo có giá trị gia tăng vượt bậc ở ĐCSCL, tiên tiến phát triển nền nông nghiệp bền vững cho đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-03/KQNC

### **20101. Kỹ thuật kiến trúc**

82186. 08-2022 **Nghiên cứu các giải pháp quản lý mái công trình**

kiến trúc tại Thành phố Hà Nội/ THS.KTS. TRẦN VIỆT THẮNG, TS. Lê Thị Bích Thuận; ThS. Đỗ Thu Vân; ThS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Trần Quang Tuyên; ThS. Lê Bảo Ngọc; ThS. Trần Hoàng Linh; KTS. Nguuyeenx Thi Phụng; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; KTS. Nguyễn Phương Linh; KS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; ThS. Nguyễn Ngọc Long; ThS. Lại Hoàng Tùng; ThS. Phùng Ngọc Minh; KTS. Nguyễn Ngọc Giang; ThS. Phạm Xuân Huy; ThS. Nguyễn Văn Hà; KTS. Chu Mạnh Tuấn; KTS. Vũ Mỹ Phương; KTS. Nguyễn Tuấn Vũ; ThS. Hoàng Đình Viễn Phương; KTS. Lê Thị Minh Thủy; ThS. Trịnh Ngọc Sơn; KTS. Lê Văn Bình - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc và Quy hoạch đô thị, nông thôn, 2021; 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về quản lý xây dựng phần mái các công trình kiến trúc trong và ngoài nước; Điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng phần mái các công trình kiến trúc trong khu vực trung tâm của thành phố Hà Nội; Cơ sở khoa học lập quy định quản lý phần mái các công trình kiến trúc trong khu vực đô thị trung tâm của thành phố Hà Nội; Đề xuất quản lý phần mái các công trình kiến trúc xây dựng tại thành phố Hà Nội; Dự thảo quy định về quản lý phần mái các công trình kiến trúc khu vực đô thị trung tâm của thành phố Hà Nội; Xây dựng tài liệu, báo cáo

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-06/ĐK-TTTT&TK

## 20102. Kỹ thuật xây dựng

82185. 08-2022 Nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu mẫu điển hình về công trình hạ tầng kỹ thuật áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội/ TS.CAO PHÚ CƯỜNG, ThS. Lê Hoàng Sơn; PGS.TS. Nguyễn Việt Phương; PGS.TS. Nguyễn Quang Đạo; PGS.TS. Hoàng Tùng; PGS.TS. Bùi Phú Doanh; TS. Bùi Thị Loan; ThS. Võ Văn Thân; ThS. Ứng Thị Thúy Hà; ThS. Đinh Đắc Quảng Nam; ThS. Nguyễn Mậu Lâm; KS. Nguyễn Xuân Toán; KS. Nguyễn Văn Công; Ông Nguyễn Hồng Sơn; Ông Nguyễn Tiến Lực; Ông Nguyễn Xuân Vũ; Ông Trần Văn Tuyên; Ông Lương Văn Vinh; Ông Phạm Duy Linh; Ông Nguyễn Văn Hùng; Bà Trịnh Thị Kim Oanh; Bà Trần Thanh Hương; Bà Lê Ngọc Yến; Bà Phan Thị Thanh Huyền; Ông Vũ Văn Cường; Bà Nguyễn Thị Loan; Ông Vũ Ngọc Sáng; Bà Dương Thị Thu Hiền - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2021; 08/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan mẫu điển hình về công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài nước; Khảo sát thực trạng một số công trình hạ tầng kỹ thuật tại Thủ đô Hà Nội; Đề xuất thiết kế điển hình về công trình hạ tầng, kỹ thuật thuộc không gian đường phố, bến bãi (cấu trúc, thành phần, giải pháp điển hình, bản vẽ); Xây dựng bộ tài liệu mẫu điển hình công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc không gian đường phố và Dự thảo hướng dẫn; Áp dụng thiết kế cho đoạn tuyến đường đô thị

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-04/ĐK-TTTT&TK

### **20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

75918. 08-2022 **Nghiên cứu nâng cao chất lượng và quản lý xây dựng hệ đường đô thị thành phố Hà Nội/** TS. Nguyễn Văn Tuyên, ThS. Dương Quỳnh Nga; PGS.TS. Phạm Thanh Tùng; TS. Phạm Đình Tuyển; PGS.TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Trần Xuân Hiếu; PGS.TS. Phạm Hùng Cường; TS. Nguyễn Sĩ Quý; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Trần Quý Dương; ThS. Lê Minh Khuê; ThS. Nguyễn Thanh Tú; ThS. Đào Hải Nam; ThS. Lê Ngọc Hải; ThS. Trương Thị Huyền Anh; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn; TS.PGS. Nguyễn Mạnh Phát; TS. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Văn Đồng; TS. Hà Duy Anh; TS. Trương Văn Quảng; TS. Tống Tôn Kiên; ThS. Nguyễn Mạnh Cường. - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2020; 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình quản lý xây dựng hệ đường đô thị trên thế giới và Việt Nam. Thực trạng quản lý và sử dụng hệ đường đô thị Thành phố Hà Nội. Cơ sở khoa học để nâng cao chất lượng quản lý xây dựng hệ đường đô thị Thành phố Hà Nội. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng quản lý xây dựng hệ đường đô thị Thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-13/ĐK-TTTT&TK

81616. 08-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý xây dựng công trình ngầm hạ tầng**

**kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tại trung tâm thành phố Hà Nội theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030/** PGS.TS. Vũ Thị Vinh, ThS. Nguyễn Phương Tú TS. Phạm Anh Tuấn; PGS.TSKH. Trần Mạnh Liễu; TS. Vũ Anh; ThS. Vũ Hoài Đức; PGS.TS. Nguyễn Quang Đạo; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Thân Đình Vinh; KS. Nguyễn Ngọc Vũ; TS. Lê Trần Phong; TS. Trần Đình Trọng; ThS. Bùi Ngọc Sơn; TS. Tống Ngọc Tú; TS. Phạm Khánh Minh; ThS. Nguyễn Xuân Nghĩa; ThS. Nguyễn Ngọc Hùng; CN. Đào Thị Minh Loan; CN. Đỗ Quang Minh; TS. Lê Thị Bích Thuận; TS. Tạ Thị Hoàng Vân; ThS. Lê Ngọc Yên; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; KS. Dương Thị Hiền; ThS. Lê Thị Thanh Vân - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2020; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về quản lý xây dựng hạ ngầm các đường dây, cáp nổi trên thế giới và Việt Nam. Khảo sát và đánh giá thực trạng về quản lý xây dựng hạ ngầm. Cơ sở khoa học và thực tiễn về quản lý xây dựng hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi tại các đô thị. Đề xuất các giải pháp. Xây dựng hồ sơ thiết kế mẫu cho một tuyến đường tại thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-63/ĐK-TTTT&TK

**20199. Kỹ thuật dân dụng khác**

82561. 08-2022 Xây dựng mô hình điện mặt trời mái nhà phục vụ đào tạo nghề và chuyển giao kỹ thuật cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh/ ThS. Phạm Đắc Lực, Phạm Đắc Lực; Nguyễn Anh Đức; Hoàng Thị Diệu Thúy; Đinh Như Quyển - Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Niên tỉnh Quảng Bình - Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh Quảng Bình, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình điện mặt trời mái nhà, hòa lưới điện quốc gia phục vụ công tác đào tạo nghề và chuyển giao kỹ thuật lắp đặt và sử dụng hệ thống năng lượng điện mặt trời mái nhà cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Lắp đặt và vận hành hệ thống cấp điện pin mặt trời mái nhà, hòa lưới điện quốc gia. Quan trắc, thu thập số liệu và đưa ra đánh giá hiệu quả của hệ thống; Xây dựng báo cáo tổng hợp, hoàn thiện quy trình. Giới thiệu tính ưu việt, hiệu quả đầu tư. Đặc biệt, đây là mô hình trực quan sinh động để học viên tìm hiểu, học tập tại chỗ và thông qua mô hình góp phần nâng cao nhận thức cho các đoàn viên thanh niên về sử dụng tiết kiệm năng lượng, về ý thức bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ mới, năng lượng sạch vào sản xuất và đời sống

Số hồ sơ lưu: 08/2021-QLKH-CN-CS

**20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

82609. 08-2022 Nghiên cứu phát triển và triển khai ứng dụng

các mô hình chiếu sáng điều khiển quang chu kỳ bằng đèn LED chuyên dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất hoa Cúc thương mại tại khu vực Tây Nguyên/ GS.TS. Phan Hồng Khôi, ThS. Đỗ Thị Gấm; TS. Nguyễn Văn Thao; PGS.TS. Chu Hoàng Hà; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Đỗ Tiến Phát; PGS.TS. Phạm Hồng Dương; TS. Trần Quốc Tiến; ThS. Lê Anh Tú; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Phan Thị Lan Anh; ThS. Hoàng Thị Thu Linh; TS. Lê Đồng Tấn; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Bá Nam; ThS. Phan Hoàng Đại - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển công nghệ chế tạo đèn LED và bộ điều khiển đa kênh dùng trong chiếu sáng hoa cúc. Xây dựng quy trình ứng dụng đèn LED NN trong sản xuất cây giống của một số loài hoa cúc. Xây dựng quy trình chiếu sáng điều khiển quang chu kỳ bằng đèn LED chuyên dụng trong sản xuất một số loại hoa cúc thương phẩm tại Tây Nguyên. Xây dựng, triển khai thí điểm và nhân rộng được mô hình chiếu sáng sử dụng hệ thống đèn LED chuyên dụng cho sản xuất hoa cúc thương mại trên địa bàn khu vực Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19776

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

82759. 08-2022 Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác

quản lý, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Nam Định./ CN. Lương Văn Kiểm, CN. Nguyễn Hải Tăng - Nam Định - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định, 2020; - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mới hệ thống mạng LAN nội bộ phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào công tác quản lý, điều hành chỉ đạo của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và tác nghiệp của cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang tỉnh. Trang bị thêm một số thiết bị CNTT để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Nam Định. Đồng thời, xây dựng, ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ quân nhân, Website Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định giúp cho việc trao đổi thông tin được thuận lợi, nâng cao chất lượng công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao. Tiến hành đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm ứng dụng cho cán bộ, chiến sỹ đáp ứng yêu cầu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: NDH-009-2021

#### **20304. Chế tạo máy động lực**

82602. 08-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, thử nghiệm máy bơm hỗn hợp chất xơ phục vụ cho dây chuyền sản xuất đường mía và giấy/ PGS.TS. Ngô Sỹ Lộc, TS. Nguyễn Minh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Văn Bày; ThS. Nguyễn Quốc Tuấn; KS. Nguyễn Đàm Nhật Minh; CN. Trịnh Diệu Linh; CN.

Trần Xuân Trường - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu tư vấn và chuyên gia công nghệ máy thủy khí, 2021; 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tình hình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy bơm hỗn hợp chất xơ (bơm xoáy) trên thế giới và ở Việt Nam. cứu cơ sở lý thuyết tính toán, thiết kế máy bơm hỗn hợp chất xơ. dựng quy trình công nghệ và chế tạo máy bơm hỗn hợp chất xơ công suất 55 kW. Thử nghiệm tại phòng thí nghiệm, lắp đặt tổ máy bơm hỗn hợp chất xơ tại hiện trường và nghiệm thu đề tài.

Số hồ sơ lưu: 19772

#### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

75920. 08-2022 Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và ứng dụng thiết bị hạ thủy phần mật ong kiểu bơm nhiệt tại vùng nuôi ong nội thành phố Hà Nội./ KS. Nguyễn Đức Lâm, ThS. Nguyễn Thông Thành; TS. Phạm Đức Hạnh; TS. Trương Anh Tuấn; ThS. Bùi Trọng Diên; KS. Phạm Văn Mạnh; KS. Nguyễn Quốc Hùng; KS. Đặng Văn Thắng; KS. Lê Thanh Sơn; KS. Nguyễn Văn Đường; KS. Nguyễn Thanh Tùng; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; KS. Nguyễn Trung Thành; Lò Văn Tiệp - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019; 08/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra đánh giá tình hình nuôi ong và khai thác sản phẩm tại huyện Ba Vì- Hà Nội. Hoàn thiện thiết kế. Chế tạo thiết bị sản xuất theo thiết kế. Vận chuyển, lắp đặt, chạy thử nghiệm và đào tạo vận hành sản xuất



cho cơ sở tiếp nhận. Tập huấn và hội thảo: Tập huấn cho 20 người nuôi ong trên địa bàn huyện Ba Vì-TP.Hà Nội; Hội thảo đánh giá.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-15/ĐK-TTTT&TK

77167. 08-2022 **Hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất viên phân viên nén nhà chậm năng suất 10.000 tấn/ năm/ CN.** Nguyễn Xuân Đoàn, CN. Lương Văn Sơn; CN. Nguyễn Thị Hương; TS. Đào Văn Lưu; TS. Bùi Mạnh Cường; KS. Vương Tiến Trung; KS. Vũ Thị Thủy; KS. Chu Mạnh Cường; KS. Đoàn Phú Hoan; KS. Nguyễn Trọng Cấp - Hà Nội - Công ty TNHH công nghệ phát triển Nông Nghiệp Xanh, 2019; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất và sử dụng phân viên nén nhà chậm trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất phân viên nén nhà chậm; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, hoàn thiện hệ thống thiết bị sản xuất phân viên nén nhà chậm năng suất 10.000 tấn/năm; Xây dựng mô hình thử nghiệm phân bón viên nén nhà chậm trên cây lúa, rau màu và cây ăn quả; Tổ chức sản xuất 100 tấn phân viên nén nhà chậm; Tổ chức đào tạo và tập huấn: quy trình công nghệ sản xuất phân viên nén nhà chậm, quy trình sử dụng phân viên nén cho các loại cây trồng; Tổ chức Hội thảo khoa học; Đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu Dự án

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-28/ĐK-TTTT&TK

82181. 08-2022 **Hoàn thiện, thiết kế chế tạo và ứng dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng/ THS.** LƯU VĂN CHIẾN, CN. Lương Văn Sơn; TS. Lê Văn Bích; TS. Lê Vũ Quân; ThS. Lương Thị Minh Châu; ThS. Vũ Công Cảnh; ThS. Nguyễn Hữu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Xuân Đoàn; CN. Nguyễn Thị Hương; KS. Bùi Anh Tuấn; CN. Chu Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; ThS. Nguyễn Ngọc Cường; ThS. Nguyễn Trọng Minh; ThS. Hoàng Xuân Anh; ThS. Đỗ Trung Thực - Hà Nội - Công ty TNHH công nghệ phát triển Nông Nghiệp Xanh, 2021; 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu tính toán, lựa chọn thiết kế thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Gia công, chế tạo, lắp ráp, hiệu chỉnh thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Khảo nghiệm sơ bộ xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Xây dựng quy trình vận hành bảo trì thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Mô hình thử nghiệm sử dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Tổ chức đào tạo và tập huấn: quy trình sử dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lắp trên máy cấy

có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng; Tổ chức Hội thảo khoa học.

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-14/ĐK-TTTT&TK

### **20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ**

82730. 08-2022 Nghiên cứu xây dựng giải pháp phát hiện vật ngoại lai và động vật trên khu bay/ TS. Phạm Hồng Quang, ThS. Phạm Trà My; TS. Phạm Cảnh Dương; TS. Phạm Hồng; KS. Nguyễn Đức Chung; KS. Phạm Ngọc Tiến; KS. Nguyễn Hữu Tình; KS. Nguyễn Quang Cẩn; ThS. Phạm Quang Chính - Đà Nẵng - Trung tâm tin học và tính toán, 2018; 12/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các cảm biến thu thập tự động và cung cấp thông tin nhận dạng, trợ giúp ra quyết định phát hiện vật thể lạ (FOD) trên đường băng sân bay. Phát triển các thuật toán và phần mềm nhúng xử lý hình ảnh, nhận dạng FOD, đồng thời nghiên cứu thiết kế và phát triển phần mềm trung tâm điều khiển hệ thống tự động phát hiện và điều phối xử lý FOD trong sân bay. Tiến hành xây dựng các quy trình nghiệp vụ kèm theo cung cấp thông tin cho đội tuần tra nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý, hạn chế tối thiểu sự ảnh hưởng của FOD đến các hoạt động bay. Qua đó, từng bước làm chủ quy trình công nghệ thiết kế chế tạo hệ thống hoàn chỉnh tự động phát hiện FOD và các vật thể bay trong khu vực an toàn bay quanh sân bay.

Số hồ sơ lưu: DNG-001-2021

### **20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

82595. 08-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy bơm chìm ly tâm công suất đến 55 kW phục vụ thoát nước cục bộ trong khai thác mỏ hầm lò/ ThS. Trần Việt Linh, TS. Nguyễn Minh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Văn Bày; KS. Vũ Anh Huân; ThS. Nguyễn Thế Hoàng; TS. Kiều Đức Thịnh; TS. Nguyễn Quốc Tuấn; KS. Nguyễn Lê Nam; TS. Nguyễn Văn Hải; CN. Trịnh Diệu Linh - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu tư vấn và chuyên gia công nghệ máy thủy khí, 2021; 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và sử dụng các máy bơm chìm ly tâm cột áp cao tại Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, tính toán, thiết kế máy bơm chìm ly tâm phục vụ thoát nước cục bộ trong khai thác mỏ hầm lò. Xây dựng quy trình công nghệ và chế tạo máy bơm chìm ly tâm công suất 22kW, phục vụ thoát nước cục bộ trong khai thác mỏ hầm lò. Thử nghiệm tại phòng thí nghiệm, lắp đặt tổ máy bơm chìm ly tâm phục vụ thoát nước cục bộ trong khai thác mỏ hầm lò tại hiện trường.

Số hồ sơ lưu: 19780

### **20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

82323. 08-2022 Nghiên cứu đánh giá và dự báo tiềm năng năng lượng mặt trời phục vụ phát triển năng lượng sạch cho Việt

**Nam sử dụng kết hợp công nghệ viễn thám và mô hình số trị/** ThS. Nguyễn Tiến Công, TS. Phạm Thị Thanh Ngà; PGS.TS. Vũ Thanh Hằng; ThS. Ngô Đức Anh; Nguyễn Thị Phương Hảo; Phạm Thanh Hà; ThS. Phan Thị Thùy Dương; ThS. Đoàn Thị The; TS. Thái Thị Thanh Minh; CN. Nguyễn Ngọc Bình; TS. Nguyễn Hồng Quảng; ThS. Lê Thị Thu Hằng; ThS. Đinh Văn Dương; Trần Xuân Hiền; Nguyễn Quốc Hội; Phạm Ngọc Sơn; Nguyễn Thị Hoàng Giang; Phạm Việt Hòa; Đỗ Trung Trực; ThS. Nguyễn Trung Thành; ThS. Nguyễn Công Quân; ThS. Nguyễn Thu Hằng - Hà Nội - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình sử dụng dữ liệu vệ tinh và công nghệ xử lý để ước tính năng lượng bức xạ mặt đất trên thế giới và tại Việt Nam. Xây dựng và thiết lập bộ cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán và phân tích năng lượng mặt trời. Nghiên cứu xây dựng mô hình kết hợp tính toán năng lượng bức xạ mặt trời từ vệ tinh Himawari-8 và mô hình khí hậu phù hợp với điều kiện Việt Nam. Sử dụng các kết quả tính toán bức xạ từ mô hình đã xây dựng để phân tích biến động của bức xạ mặt trời theo không gian và thời gian, cho toàn lãnh thổ đất liền. Tiến hành kiểm định và đánh giá các sản phẩm năng lượng mặt trời, phân tích về khả năng dự báo của các mô hình khí hậu cho biến động bức xạ ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu. Đồng thời xây dựng bản đồ phân vùng về tiềm năng phát triển năng lượng mặt

trờ cho tỉnh Đắk Nông dựa trên ước tính bức xạ và phân tích các yếu tố bề mặt.

Số hồ sơ lưu: 19676

### **20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác**

82182. 08-2022 **Nghiên cứu công nghệ, thiết kế chế tạo và đưa vào ứng dụng hệ thống thiết bị tự động phân loại tăm hương chất lượng cao/** PGS.TS. Tạ Thị Phương Hoa, KS. Lê Xuân Ngọc; PGS.TS. Vũ Huy Đại; TS. Hoàng Sơn; TS. Tống Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Bùi Đình Toàn; ThS. Nguyễn Thị Yên; KS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thế Nghiệp; KS. Vũ Văn Minh; KS. Phạm Đức Minh; KS. Trần Đình Duy; KS. Nguyễn Tuấn Phan; KS. Nguyễn Văn Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2021; 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan công nghệ sản xuất và phân loại tăm hương; Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị phân loại tăm hương tự động quy mô 80 – 100kg/giờ; Chế tạo, lắp đặt, vận hành thử nghiệm, khảo nghiệm hệ thống thiết bị phân loại tăm hương; Nghiên cứu công nghệ phân loại tăm hương; Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất tăm hương chất lượng cao; Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm tăm hương; Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống sản xuất và phân loại tăm hương chất lượng cao; Kiểm định sản phẩm; Tập huấn

và chuyên gia công nghệ; Nghiên cứu thu nhiệm vụ KHCN

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-16/ĐK-TTTT&TK

### **20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung**

82591. 08-2022 Nghiên cứu ứng dụng chất lỏng ion đặc nhiệm làm xúc tác cho phản ứng đa thành phần, môi trường phản ứng trong chuyển hóa sinh khối và chất điện giải cho pin mặt trời/ TS. Trần Hoàng Phương, ThS. Nguyễn Trường Hải; ThS. Nguyễn Thái Thế; TS. Nguyễn Tuyết Phương ; ThS. Châu Nguyễn Duy Khiêm; TS. Đoàn Lê Hoàng Tân - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 09/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các TSILs (làm xúc tác đồng thể), các TSILs dạng gel mang nhóm định chức acid Brønsted (làm xúc tác dị thể), và các TSILs gắn trên lõi mang từ tính (làm xúc tác dị thể), ứng dụng các TSILs điều chế được làm xúc tác xanh cho phản ứng đa thành phần. Ứng dụng các TSILs làm xúc tác xanh cho 4 loại phản ứng đa thành phần để tổng hợp một số hợp chất có hoạt tính sinh học như tổng hợp các dẫn xuất 2-aminothiophenes mang nhóm thế, tổng hợp dẫn xuất 2-(1H-indol-3-yl)(phenylmethyl)malonate, tổng hợp dẫn xuất propargylic amine và tổng hợp các dẫn xuất thienoindole. Sử dụng TSILs với 2 chức năng vừa làm dung môi vừa làm xúc tác cho phản ứng chuyển hóa fructose, glucose, và cellulose thành 5-

hydroxymethylfurfural (HMF) có tiềm năng ứng dụng trong nhiên liệu sinh học. Ứng dụng các TSILs vừa điều chế được làm chất điện giải cho pin DSC.

Số hồ sơ lưu: 19765

82603. 08-2022 **Tổng hợp, xác định cấu trúc và thăm dò hoạt tính sinh học các phức chất kim loại với phối tử là dẫn xuất các hợp chất thiên nhiên/ GS.TS. Triệu Thị Nguyệt, PGS.TS. Nguyễn Hùng Huy; TS. Nguyễn Minh Hải; CN. Phạm Thị Ngọc Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp một số phức chất kim loại chuyển tiếp d với curcumin - hoạt chất có sẵn nhóm tạo phức chất. Dẫn xuất hóa các hoạt chất tự nhiên gồm curcumin, axit gallic và zerumbon và tổng hợp các phối tử mới, có khả năng tạo phức chất tốt. Tổng hợp một số phức chất của ion kim loại chuyển tiếp với những phối tử đã được dẫn xuất từ các hoạt chất tự nhiên trên. Nghiên cứu phức chất tổng hợp được bằng các phương pháp hóa lý như phổ hồng ngoại, phổ cộng hưởng từ hạt nhân, phổ khối và phân tích hàm lượng nguyên tố. Xác định cấu trúc của hợp chất tổng hợp được bằng phương pháp nhiễu xạ tia X đơn tinh thể. Nghiên cứu hoạt tính kháng tế bào ung thư của các hợp chất tổng hợp được và mối liên hệ giữa cấu trúc của các phức chất với hoạt tính sinh học của chúng.

Số hồ sơ lưu: 19782

### 20403. Kỹ thuật hoá dược

82614. 08-2022 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính ức chế enzyme tyrosinase của cây Mè cá (*Buchanania lucida*) và cây Duối ô rô (*Streblus ilicifolius*)/ PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai, PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân; ThS. Đặng Hoàng Phú; ThS. Nguyễn Xuân Hải; ThS. Lê Hữu Thọ; CN. Đỗ Văn Nhật Trường - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều chế các mẫu cao có độ phân cực khác nhau từ thân cây mè cá (*Buchanania lucida*) thuộc họ Xoài (*Anacardiaceae*) và cây duối ô rô (*Streblus ilicifolius*) thuộc họ Dâu tằm (*Moraceae*). Thử nghiệm hoạt tính ức chế enzyme tyrosinase các mẫu cao. Phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất từ các mẫu cao có hoạt tính mạnh và thử hoạt tính ức chế enzyme tyrosinase các hợp chất phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 19775

### 20507. Vật liệu xây dựng

82184. 08-2022 Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu polyme nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan, ứng dụng xử lý vết nứt và chống thấm cho các công trình xây dựng/ TS. NGUYỄN HƯỜNG HẢO, PGS.TS. Phạm Thế Trinh; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thúy Bằng; ThS. Nguyễn Thị Phương Hòa; KS. Hà

Đại Phong; KS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Trần Văn Ngọc; KS. Phạm Thị Thu Chang; KTV. Đỗ Tuấn Việt; KS. Nguyễn Thiện Bảo; KS. Nguyễn Mạnh Thắng - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2021; 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu nhũ polymer nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan trong phòng thí nghiệm; Nghiên cứu chế tạo vật liệu chống thấm nhũ tương polyuretan trong phòng thí nghiệm; Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo vật liệu polymer nhũ tương chất lượng cao; Chế thử sản phẩm vật liệu polymer nhũ tương trên cơ sở polyuretan; Ứng dụng khả năng chống thấm và xử lý vết nứt cho các công trình xây dựng; Đánh giá phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật đối với vật liệu polyme chất lượng cao trên cơ sở Polyuretan

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-10/ĐK-TTTT&TK

### 20513. Gỗ, giấy, bột giấy

81606. 08-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất tấm trang trí 3D từ gỗ rừng trồng/ PGS.TS. Hoàng Tiến Dũng, PGS.TS. Phùng Xuân Sơn; TS. Tạ Thị Phương Hoa; TS. Chu Khắc Trung; ThS. Phạm Thị Thiệu Hoa; TS. Nguyễn Xuân Chung; ThS. Vũ Thị Huệ; ThS. Nguyễn Văn Cảnh; KS. Nguyễn Văn Thụy; TS. Nguyễn Văn Thiện - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình sử dụng và sản xuất gỗ trang trí 3D; Nghiên cứu lựa chọn, xác định yêu cầu nguyên liệu gỗ rừng trồng; Nghiên cứu thiết kế một số loại phần tử gỗ trang trí 3D; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy gia công profile đa năng; Nghiên cứu công nghệ sản xuất tấm trang trí gỗ 3D; Thử nghiệm sản xuất một số tấm trang trí gỗ 3D; Xây dựng mô hình công nghệ và thiết bị sản xuất gỗ trang trí 3D quy mô 300m<sup>3</sup> sản phẩm/năm; Tập huấn chuyên gia công nghệ sản xuất gỗ trang trí 3D

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-66/ĐK-TTTT&TK

82180. 08-2022 Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất gỗ dán gia cường sợi thủy tinh có độ bền cao dùng trong các công trình dân dụng/ TS. Vũ Mạnh Hải, TS. Ngô Hà Thanh; PGS.TS. Bùi Văn Huân; TS. Đoàn Anh Vũ; TS. Đào Anh Tuấn; KS. Nguyễn Tuấn Phan; KS. Vũ Ngọc Đồng; PGS.TS. Vũ Huy Đại - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo một số thiết bị phụ trợ tạo composite gỗ dán gia cường sợi thủy tinh; Nghiên cứu công nghệ sản xuất gỗ dán gia cường sợi thủy tinh trên bề mặt gỗ dán; Nghiên cứu công nghệ sản xuất gỗ dán composite gia cường sợi thủy tinh lớp trong để tăng cường tính chất cơ lý và độ bền sản phẩm; Nghiên cứu tính chất gia công vật liệu gỗ dán gia cường sợi thủy

tinh; Tạo thử nghiệm một số sản phẩm composite gia cường sợi thủy tinh dùng trong xây dựng và nội thất; Kiểm định chất lượng gỗ dán gia cường sợi thủy tinh; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật công nghệ sản xuất gỗ dán gia cường sợi thủy tinh; Hội thảo; Tập huấn chuyên gia công nghệ sản xuất gỗ dán gia cường sợi thủy tinh

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-12/ĐK-TTTT&TK

### **20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp**

82183. 08-2022 Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất khăn bông chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu từ xơ modal và xơ bông/ ThS. Phạm Văn Lượng, ThS. Nguyễn Đức Hóa; KS. Nguyễn Văn Huỳnh; ThS. Phạm Khánh Toàn; ThS. Trần Duy Lạc; KS. Nguyễn Thanh Hương; KS. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Nguyễn Hữu Đông; ThS. Nguyễn Diệp Linh; ThS. Nguyễn Phi Hùng; Ông Lê Văn Hậu; Bà Nguyễn Thị Hà; Ông Trần Đức Trung; Ông Nguyễn Hoàng Anh; Ông Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Công ty Cổ phần-Viện nghiên cứu Dệt may, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan công nghệ sản xuất khăn bông từ xơ modal và xơ bông trong và ngoài nước; Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sợi phục vụ sản xuất khăn bông chất lượng cao từ sợi Modal pha bông; Nghiên cứu ảnh hưởng tỷ lệ thành phần Modal và bông trong khăn tới chất lượng khăn; Xây dựng quy trình công nghệ

sản xuất khăn bông quy mô phòng thí nghiệm; Xây dựng quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm sơ phục vụ sản xuất khăn bông chất lượng cao quy mô công nghiệp phù hợp dây chuyền thiết bị hiện có của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội; Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất khăn bông từ sợi đã nhuộm màu quy mô công nghiệp; Xây dựng quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm khăn một màu quy mô công nghiệp phù hợp dây chuyền thiết bị hiện có của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội; Xây dựng quy trình công nghệ hoàn tất kháng khuẩn cho khăn bông từ xơ Modal pha bông.

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-15/ĐK-TTTT&TK

### **20515. Vật liệu tiên tiến**

82184. 08-2022 Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu polyme nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan, ứng dụng xử lý vết nứt và chống thấm cho các công trình xây dựng/ TS. Nguyễn Hương Hảo, PGS.TS. Phạm Thế Trinh; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thúy Bằng; ThS. Nguyễn Thị Phương Hòa; KS. Hà Đại Phong; KS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Trần Văn Ngọc; KS. Phạm Thị Thu Chang; KTV. Đỗ Tuấn Việt; KS. Nguyễn Thiện Bảo; KS. Nguyễn Mạnh Thắng - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2021; 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu nhũ polymer nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan

trong phòng thí nghiệm; Nghiên cứu chế tạo vật liệu chống thấm nhũ tương polyuretan trong phòng thí nghiệm; Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo vật liệu polymer nhũ tương chất lượng cao; Chế thử sản phẩm vật liệu polymer nhũ tương trên cơ sở polyuretan; Ứng dụng khả năng chống thấm và xử lý vết nứt cho các công trình xây dựng; Đánh giá phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật đối với vật liệu polyme chất lượng cao trên cơ sở Polyuretan.

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-10/ĐK-TTTT&TK

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

82737. 08-2022 Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt một cách có hiệu quả trên địa bàn Thị trấn Gôi – huyện Vụ Bản – tỉnh Nam Định/ CN. Trần Xuân Thành, KS. Trần Khắc Quang; CN. Trần Thị Huyền; ThS. Phạm Đăng Thái - Nam Định - Ủy ban Nhân dân Thị trấn Gôi, 2020; 05/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá và xây dựng quy trình thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày trên địa bàn Thị trấn Gôi. Xây dựng mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt rác LOSIHO tại Thị trấn Gôi. Tiến hành đào tạo kỹ thuật vận hành, xử lý khắc phục sự cố thải của lò đốt rác cho cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật; đào tạo kỹ năng thu gom, phân loại, xử lý rác thải cho công nhân làm việc tại mô hình. Đồng

thời, tổ chức các lớp tập huấn cho người dân tại 9 tổ dân phố của thị trấn về kỹ năng thu gom, phân loại rác thải.

Số hồ sơ lưu: NDH-004-2021

#### **20704. Viễn thám**

82589. 08-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý, đánh giá tổng hợp tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội và du lịch tỉnh Đắk Nông/** ThS. Lê Quang Toàn, ThS. Nguyễn Vũ Giang; TS. Trần Minh Ý; ThS. Lê Thu Thủy; TS. Tống Sĩ Sơn; ThS. Tống Thị Huyền Ái; TS. Nguyễn Hạnh Quyên; ThS. Nguyễn Phúc Hải; ThS. Chu Xuân Huy; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; KS. Nguyễn Quỳnh Anh; GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải; TS. Trần Thị Mai Phương; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Giang Văn Trọng; KS. Nguyễn Thị Mai; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Việt Lương; ThS. Trần Trung Kiên; CN. Hoàng Hải; TS. Nguyễn Thu Nhung; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Phạm Văn Mạnh; ThS. Vũ Phan Long; ThS. Hoàng Bắc - Hà Nội - Viện Công nghệ Vũ trụ, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý, đánh giá tổng hợp tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Thiết kế, thu thập và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông. Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng, tài nguyên nước mặt

và sử dụng đất. Ứng dụng công nghệ phân tích ảnh viễn thám UAV trong quản lý khai thác khoáng sản. Đánh giá tổng hợp và đề xuất phân vùng chức năng sinh thái môi trường phục vụ định hướng phát triển kinh tế xã hội và du lịch tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: 19767

82611. 08-2022 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống anten búp kiểu hexapod cho vệ tinh quan sát Trái đất/** TS. Ngô Duy Tân, ThS. Nguyễn Mạnh Đạt; TS. Bùi Trọng Tuyên; TS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Trần Anh Đức; ThS. Vũ Trung Kiên; ThS. Chu Xuân Huy; KS. Trương Tuấn Anh; TS. Hồ Mạnh Linh; TS. Phạm Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Đức Hiếu; ThS. Tô Vũ Thanh; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Lan Anh; TS. Tạ Sơn Xuất; KS. Phùng Đức Thương; CN. Bùi Quang Huy; ThS. Nguyễn Đức Việt; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; ThS. Bùi Doãn Cường; ThS. Đặng Quốc Đại; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Hán Trọng Thanh; ThS. Đoàn Thị Ngọc Hiền; TS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Nguyễn Bích Huyền; ThS. Doãn Thanh Bình; CN. Hoàng Hải; ThS. Đặng Mạnh Chính; TS. Lê Ngọc Giang; ThS. Vương Huy Hoàng; CN. Bùi Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Công nghệ Vũ trụ, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng thể hệ thống anten búp theo vệ tinh. Thiết kế hệ thống anten búp theo vệ tinh cho vệ tinh VNREDSat-1 kiểu Hexapod. Thiết kế, mô phỏng và chế tạo kết



cấu Hexapod. Thiết kế và phát triển bộ điều khiển Hexapod. Thiết kế và chế tạo các bộ phận cao tần băng S của vệ tinh VNREDSat-1. Đánh giá kết quả tích hợp, đo đạc và thử nghiệm hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19786

82628. 08-2022 **Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong giám sát và quản lý môi trường biển từ Khánh Hòa đến Cà Mau/** TS. Hồ Đình Duân, PGS.TS. Phạm Việt Hòa; ThS. Nguyễn An Bình; ThS. Giang Thị Phương Thảo; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Phượng; ThS. Trần Hà Phương; ThS. Hồ Nguyễn Nhật Hà; CN. Vũ Quang Huy; ThS. Phạm Việt Hồng; TS. Lê Văn Tình; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Thái Tiểu Minh; ThS. Phan Minh Thụ; TS. Bùi Hồng Long; TS. Lê Đình Mậu; TS. Trịnh Phi Hoàn; ThS. Đặng Nguyễn Nhã Khanh; ThS. Võ Thị Hồng Quyên; ThS. Dương Bá Mẫn; ThS. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Lê Vũ Hồng Hải; ThS. Trần Hoài Nam; CN. Huỳnh Song Nhựt; ThS. Nguyễn Cao Hanh - Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá, phân tích và hệ thống hóa các hệ thống giám sát môi trường biển trên thế giới và ở Việt Nam, trong đó bao gồm việc tổng quan các quy trình đã biết về cảnh báo sự cố môi trường biển, các mô hình đã sử dụng trên thế giới và tại Việt Nam, cũng như đi qua các hệ thống WebGIS hiện có về giám sát và quản lý môi trường biển. Xây dựng và cập nhật bộ cơ sở dữ liệu về

các yếu tố môi trường biển từ ảnh viễn thám và dữ liệu thu thập từ các phương pháp khác. Xây dựng các quy trình khai thác bộ cơ sở dữ liệu về các yếu tố môi trường biển, trên cơ sở đó xây dựng các quy trình cảnh báo nhanh 4 sự cố môi trường mà đề tài đã đề xuất: sự cố tràn dầu, tảo nở hoa, suy giảm chất lượng môi trường thủy vực ven bờ, và hiện tượng xói lở, bồi lắng đường bờ biển. Thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin WebGIS về giám sát, quản lý môi trường biển bao gồm cả chức năng đưa ra cảnh báo nhanh các sự cố môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19788

### **20799. Kỹ thuật môi trường khác**

77152. 08-2022 **Nghiên cứu xử lý vi khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí bằng ozon ứng dụng tại cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội/** BSCK II. Lê Hoàng Tú, TS.BS. Lê Hoàng Oanh; BSCKII. Trần Lê Tiến; BSCKI. Vương Danh Chính; KS. Hoàng Thế Hà; BSCKI. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Thiêm; ThS. Trịnh Đình Trung; ThS. Trịnh Ngọc Diệu; ThS. Nguyễn Chí Thành - Hà Nội - Bệnh viện đa khoa Hà Đông, 2020; 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá, tổng quan vấn đề nghiên cứu; Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị khử khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí bằng ozon; Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị khử khí ozon dư thừa trong môi trường không khí bằng luân chuyển khí sạch; Gia công chế tạo,

lắp ráp kỹ thuật tích hợp các cấu tử của hệ thống thiết bị khử vi khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí và hệ thống khử ozon thừa; Đo đạc, kiểm tra các thông số của hệ thống thiết bị; Đánh giá độ an toàn của thiết bị; Khảo nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc bằng tia UV truyền thống tại phòng mổ và sơ sinh với diện tích 30m<sup>2</sup>/phòng, trong điều kiện không có người (làm đối chứng); Thử nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc bằng Ozon với các thiết bị của đề tài chế tạo tại phòng mổ, của bệnh viện Đa khoa Hà Đông trong điều kiện không có người với không khí tĩnh và không khí động; Thử nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc bằng ozon với thiết bị của đề tài chế tạo tại phòng sơ sinh, của bệnh viện Đa khoa Hà Đông trong điều kiện không có người với không khí tĩnh và không khí động; Xác định được điều kiện kỹ thuật phù hợp đạt hiệu quả khử khuẩn, đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Xây dựng quy trình kỹ thuật khử vi khuẩn, nấm mốc bằng ozon ứng dụng tại cơ sở y tế; Xây dựng hồ sơ TCCS của thiết bị; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường của hệ thống thiết bị và công nghệ khử khuẩn không khí bằng ozon; Hội thảo khoa học

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-21/ĐK-TTTT&TK

### **20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung**

81642. 08-2022 Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường chăn

**nuôi bò tại huyện Gia Lâm, Hà Nội/ PGS.TS. TANG THỊ CHÍNH, ThS. Đặng Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Sỹ Nguyên; TS. Bùi Văn Cường; PGS.TS. Dương Thị Thủy; KS. Phùng Đức Hiếu; KS. Nguyễn Minh Thư; ThS. Ninh Thị Lành; Nguyễn Văn Tuấn; Ngô Thị Thùy Dương; Nguyễn Ánh Quang; Đào Văn Cải; Nguyễn Bạch Xuyên; Nguyễn Hải Yên - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Điều tra, đánh giá hiện trạng chăn nuôi bò sữa, bò thịt và hiện trạng môi trường trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt (chất thải rắn, nước thải và mùi) tại huyện Gia Lâm. Nghiên cứu đề xuất mô hình công nghệ xử lý phù hợp với điều kiện địa phương và lựa chọn địa điểm lắp đặt mô hình; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường chăn nuôi bò sữa tại Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá có các hộ chăn nuôi bò sữa nằm phân tán trong khu dân cư; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường chăn nuôi bò thịt cho khu chăn nuôi tập trung tại Lệ Chi; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của 2 mô hình (xử lý môi trường chăn nuôi bò tại thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá và mô hình tại Lệ Chi) và đề xuất phương án nhân rộng mô hình;

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-67/ĐK-TTTT&TK

### **21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu**

**sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)**

82608. 08-2022 **Xúc tác không kim loại trên cơ sở vật liệu carbon có cấu trúc nano (CNTs, CNFs) định hình trên phốt carbon và ứng dụng cho phản ứng oxy hóa chọn lọc H<sub>2</sub>S thành S đơn chất/ PGS.TS. Trương Hữu Trì, PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm; TS. Dương Thế Hy; TS. Dương Việt Cường; GS.TS. Phạm Hữu Cường - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 2021; 07/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp và định hình đồng thời vật liệu carbon có cấu trúc nano (CNTs, CNFs) trên phốt carbon (CF) được tạo hình ở dạng 3D bằng phương pháp lắng đọng hơi hóa học sử dụng nguồn nhiệt cảm ứng từ (inductive heating). Sản phẩm tổng hợp được chức năng hóa bề mặt bằng axit HNO<sub>3</sub> và sử dụng làm chất xúc tác không kim loại cho phản ứng oxy hóa chọn lọc H<sub>2</sub>S thành lưu huỳnh đơn chất. Xúc tác ở dạng 3D có nhiều ưu điểm so với vật liệu carbon nano ở dạng 1D như giảm đáng kể tổn thất áp suất trong tầng xúc tác hay quá trình thao tác (vận chuyển, đưa xúc tác vào thiết bị) sẽ đơn giản hơn.

Số hồ sơ lưu: 19778

**3. Khoa học y, dược**

78200. 08-2022 **Nghiên cứu đánh giá kết quả phẫu thuật tái tạo hình vú tức thì bằng vật da cơ lưng rộng trong điều trị ung thư tuyến vú giai đoạn I - II tại Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần**

**Thơ năm 2016 - 2018/ BS.CKII. Huỳnh Thảo Luật , TS.BS. Hồ Long Hiền PGS.TS.BS. Nguyễn Văn Qui ; ThS.BS. Nguyễn Minh Triết ; BS.CKII. Nguyễn Trường Giang ; BS.CKII. Trần Thanh Phong ; BS.CKII. Mai Văn Nhã ; BS.CKII. Lê Tiến Mạnh ; BS.CKII. Nguyễn Việt Quang ; BS.CKII. Tăng Kim Sơn; BS.CKII. Lê Thanh Vũ - Cần Thơ - Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ , 2020; 11/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu thực nghiệm lâm sàng không nhóm chứng thực hiện trên 60 bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-II được phẫu thuật đoạn nhũ tiết kiệm da – tái tạo vú tức thì tại Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ. Trung vị thời gian theo dõi là 30 tháng. Kết quả sống còn toàn bộ 3 năm là 96,7%, sống còn không bệnh 3 năm là 90%. Tái phát tại chỗ chiếm 5%, di căn xa chiếm 8,3%. Có 93,3% bệnh nhân hài lòng với kết quả tái tạo. Sau mổ 24 tháng, tỉ lệ thẩm mỹ xuất sắc, tốt, khá lần lượt là 63,8%, 20,7%, 15,5%. Chất lượng cuộc sống bệnh nhân sau mổ đoạn nhũ – tái tạo chấp nhận được. Yếu tố liên quan đến sống còn không bệnh là thụ thể nội tiết và di căn hạch; liên quan đến kết quả thẩm mỹ là BMI.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-08/KQNC

78201. 08-2022 **Nghiên cứu đánh giá hiệu quả và đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình an toàn vệ sinh thực phẩm đường phố tại thành phố Cần Thơ / BS.CKII. Nguyễn Trung Nghĩa , PGS.TS.BS.**

Huỳnh Văn Bá TS . Huỳnh Văn Tùng; BS. CKII. Lưu Hoàng Việt ; ThS. Trần Tố Loan ; BS. CKI. Vũ Tiến Đạt; ThS. Phạm Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thảo Nguyên ; ThS. BS. Nguyễn Tấn Đạt ; ThS. Huỳnh Trung Hậu - Cần Thơ - Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ, 2020; 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát 400 cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố tại các phường điểm của các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng và Ô Môn; 400 người tiêu dùng thức ăn đường phố và 26 cán bộ quản lý trong lĩnh vực an toàn thực phẩm nhằm đánh giá hiện trạng kiến thức, thực hành 10 tiêu chí an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố và nhận diện các mô hình kinh doanh thức ăn đường phố. Sau đó tiến hành can thiệp, đánh giá trước sau và lựa chọn Mô hình hiệu quả nhất để nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-09/KQNC

80672. 08-2022 **Nghiên cứu đặc điểm suy tim cấp tại Khoa Nội tim mạch - Lão khoa và Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2018 - 2019/** ThS. BS Đặng Thanh Huyền, BSCK1 Đoàn Xuân Thảo; BS Nguyễn An Hạ. - Bạc Liêu - Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu., 2019; 05/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Suy tim cấp là hậu quả chung của các bệnh lý tim mạch có tổn thương cấu trúc và chức năng cơ tim. Sự tiến triển nhanh chóng hoặc thay đổi đột

ngột triệu chứng của hội chứng này khiến bệnh nhân cần phải nhập viện điều trị khẩn cấp. Đồng thời suy tim là vấn đề của sức khỏe cộng đồng, tỷ lệ suy tim có xu hướng gia tăng do sự gia tăng tuổi thọ, bệnh cảnh lâm sàng suy tim cấp thường rất đa dạng và có nhiều bệnh lý phối hợp. Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh suy tim cấp tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2018 - 2019. Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân suy tim cấp. Khảo sát mối liên quan giữa tỷ lệ tử vong với một số đặc điểm lâm sàng (phân loại suy tim cấp), cận lâm sàng (phân suất tổng máu thất trái, BNP) và điều trị (lợi tiểu, Inotrope, Nitroglycerin) của bệnh nhân suy tim cấp.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

81590. 08-2022 **Khảo sát t hực trạng và đề xuất giải pháp trong thực hành chăm sóc y tế đối với một số bệnh lý phổ biến chuyên khoa nội hô hấp thông qua internet/** TS. BS. Nguyễn Văn Thành, TS. BS. Cao Thị Mỹ Thúy ; BS. Trần Nhật Minh ; BSCKI. Phan Lê Bích Hạ nh; Phạm Trần Mộng Thảo - Cần Thơ - Văn phòng Đại diện Hội Phổi Việt Nam tại TP . Cần Thơ, 2020; 01/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án thực hiện xây dựng phần mềm đánh giá kiến thức thực hành chăm sóc y tế đối với ba bệnh lý phổ biến trong chuyên khoa hô hấp là Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, Hen phế quản và Viêm phổi. Dự án đã xây dựng được phần mềm có chức năng tạo lập hồ sơ,

tổng kết đánh giá liên tục chất lượng thực hành trên cơ sở các bệnh án đăng nhập đồng thời cung cấp thông tin hướng dẫn tham khảo cần thiết cho người tham gia đăng nhập. Qua khảo sát thông tin đăng nhập, các nội dung kỹ thuật có liên quan tới COPD, Hen và Viêm phổi cộng đồng cần được ưu tiên cải thiện bao gồm: Chẩn đoán sớm, chẩn đoán kiểu hình (phenotype) COPD và tiếp cận quản lý điều trị; Nhận dạng SRA và tiếp cận quản lý điều trị, và Chẩn đoán Viêm phổi cộng đồng và xác định mức độ nặng, quyết định điều trị kháng sinh hợp lý.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-04/KQNC

81601. 08-2022 **Ứng dụng xạ trị ung thư cổ tử cung giai đoạn IIB-IVA bằng máy xạ trị ngoài Cobalt 60 phối hợp xạ trị áp sát với suất liều cao nạp nguồn sau với mô phỏng lập kế hoạch xạ trị 3D/** BS. CKII. Trần Thanh Phong, BS. CKII. Nguyễn Trường Giang ThS. BS. Nguyễn Minh Trí; BS. CKII. Lê Quốc Chánh; TS. BS. Võ Văn Kha; BS. CKII. Trần Minh Khôi; ThS. BS. Lê Bảo Toàn; CN. Trần Kim Hoa; ThS. Nguyễn Văn Minh Kha; KS. Biện Minh Tâm - Cần Thơ - Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ, 2021; 04/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu: “Ứng dụng xạ trị ung thư cổ tử cung giai đoạn IIB-IVA bằng máy xạ ngoài Cobalt 60 phối hợp xạ trị áp sát với suất liều cao nạp nguồn sau với mô phỏng lập kế hoạch xạ trị 3D” với các mục

tiêu: Mô tả một số đặc điểm bệnh nhân, khảo sát liều xạ trị trên thể tích bướu, các mô lành xung quanh. Đánh giá kết quả điều trị (tỷ lệ đáp ứng, độc tính điều trị, tỷ lệ tái phát, sống còn không bệnh, sống còn toàn bộ 2 năm). Phân tích một số yếu tố liên quan có ảnh hưởng tới kết quả điều trị.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-05/KQNC

81614. 08-2022 **Đánh giá hiệu quả mô hình can thiệp phòng chống HIV (Human immunodeficiency virus )/STI (sexually transmitted infections ) trên nhóm MSM (Men who have Sex with Men ) tại thành phố Cần Thơ/** BS. CKII. Nguyễn Quang Thông, BS. CKII. Bùi Thị Lệ Phi TS. Trần Phúc Hậu; BS. CKI. Huỳnh Văn Nhanh; BS. CKII. Phạm Phú Trường Giang; BS. CKI. Nguyễn Danh Lam; ThS. Khưu Văn Nghĩa; ThS. Đoàn Duy Dậm; ThS. Đinh Công Thức; ThS. Dáp Thanh Giang - Cần Thơ - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Cần Thơ, 2020; 09/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án khoa học công nghệ được triển khai từ tháng 9/2018 đến tháng 11/2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, dự án triển khai 01 mô hình can thiệp và 02 nghiên cứu chính nhằm trả lời các câu hỏi về thực trạng hành vi nguy cơ cao trong nhóm MSM; các yếu tố liên quan đến nhiễm HIV trong nhóm MSM. Nghiên cứu cho thấy có các yếu tố liên quan đến việc gia tăng tỷ lệ nhiễm HIV/giang mai trên nhóm MSM. Kết quả do dự án

khoa học và công nghệ triển khai: 01 tài khoản Facebook truyền thông của dự án được thiết kế và hoạt động, có 40 thông điệp được đăng tải. Số MSM tiếp cận thông qua các tài khoản cá nhân là 19.864 lượt và 2.008 lượt tương tác.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-09/KQNC

82661. 08-2022 **Nghiên cứu sản xuất trà hòa tan từ cây cỏ bắc *Leersia hexandra***/ DS.CKI. Nguyễn Thị Kim Ngọc, DS.CKI. Nguyễn Thị Kim Ngọc; ThS.DS. Tô Hoàng Thít; DS. Trần Chính Kiệt; KS. Đỗ Thanh Phương; ThS. Đoàn Văn Nhanh - Trường Cao đẳng Y tế - Trường cao đẳng y tế Đồng Tháp, 2021; 08/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Vườn quốc gia Tràm Chim là nơi bảo tồn nhiều loài động thực vật, trong đó có cỏ bắc với diện tích trên 100 ha. Cỏ bắc có tên khoa học là *Leersia hexandra*, còn được gọi là lúa dại sáu nhị, cỏ môi. Cỏ bắc hiện được người dân sử dụng làm thuốc định hướng điều trị các bệnh về gan. Trà hòa tan giúp đưa được tối đa lượng hoạt chất có trong dược liệu vào mỗi túi trà vừa giúp người dùng dễ sử dụng và bảo quản để đảm bảo tối đa công hiệu của sản phẩm. Chế phẩm trà từ cỏ bắc giúp phòng bệnh, hỗ trợ điều trị các bệnh về gan và giúp nâng cao sức khỏe.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-003

### **30201. Nam học**

81631. 08-2022 **Ứng dụng quy trình kỹ thuật Micro TESE để thu nhận tinh trùng từ tinh hoàn của**

**bệnh nhân vô tinh không do tắc tại Hà Nội/ PGS.TS. Trịnh Thế Sơn, PGS.TS. Quản Hoàng Lâm, TS. Đoàn Thị Hằng; GS.TS. Nguyễn Đình Tảo; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Trịnh Quốc Thành; TS. Dương Đình Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp; BS. Lê Phúc Linh; ThS. Lê Thanh Huyền - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu lựa chọn bệnh nhân; Nghiên cứu đặc điểm của bệnh nhân vô tinh – azoospermia không do tắc; Thử nghiệm đánh giá hiệu quả TESE xây dựng được trên lâm sàng; Đánh giá một số yếu tố liên quan đến khả năng thu nhận tinh trùng từ tinh hoàn của bệnh nhân vô tinh không do tắc bằng kỹ thuật Micro TESE; Nghiên cứu cấu trúc, siêu cấu trúc tinh trùng, mô tinh hoàn thu được bằng kỹ thuật Micro TESE; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-62/ĐK-TTTT&TK

### **30202. Sản khoa và phụ khoa**

81622. 08-2022 **Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử tìm mối liên quan của kiểu gen KIR và HLA-C để xác định yếu tố nguy cơ di truyền trong các thai phụ mắc tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội/ PGS.TS. Nguyễn Duy Ánh, PGS.TS. Nguyễn Thanh Thúy ThS. Nguyễn Thị Minh Thanh; TS. Lê Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thị Phương Lan; NHS. Phạm Thị Tuyết Chinh; NHS. Hoàng Thị Liên; CN. Nguyễn Minh Huyền; CN. Đỗ Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Thanh Bình - Hà**

nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2020; 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về tiền sản giật, tế bào NK và các gen KIR, HLA-C, tương tác giữa gen KIR/dNK mẹ và HLA-C/nguyên bào nuôi; Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các cặp mẹ con nhóm tiền sản giật và nhóm bình thường. Đặc điểm kiểu gen KIR ở mẹ và HLA-C ở con. Mối liên quan giữa kiểu gen KIR ở mẹ và kiểu gen HLA-C ở con. Mối liên quan giữa kiểu gen KIR với một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở thai phụ tiền sản giật.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-40/ĐK-TTTT&TK

**82771. 08-2022 Nghiên cứu tỷ lệ các yếu tố liên quan đến tế bào cổ tử cung bất thường ở phụ nữ trong độ tuổi từ 25 đến 65 tuổi tại Trà Vinh/ TS. BS. Cao Mỹ Phượng, - Trà Vinh - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định tỷ lệ tổn thương tiền ung thư, ung thư cổ tử cung ở phụ nữ từ 25 đến 65 tuổi tại Trà Vinh. Xác định các yếu tố liên quan của phụ nữ tham gia nghiên cứu với kết quả phết tế bào cổ tử cung bất thường. Nâng cao sự hiểu biết của người dân trong tỉnh về lĩnh vực y tế nói chung và bệnh lý cổ tử cung nói riêng, tuyên truyền cho người dân nhất là người phụ nữ hiểu được lợi ích khi tham gia tầm soát ung thư cổ tử cung và việc khám phụ khoa định kỳ bằng biện pháp truyền thông gián tiếp

hoặc trực tiếp thông qua đội ngũ cộng tác viên y tế thôn bản tại địa phương. Khám phụ khoa bắt đầu từ tuổi đã lập gia đình đến tuổi sau mãn kinh, khám phụ khoa định kỳ để điều trị viêm nhiễm sinh dục kịp thời và điều trị đúng phác đồ theo hướng dẫn của bác sĩ.

Số hồ sơ lưu: TVH-006-2021

### **30208. Điều trị tích cực và hồi sức cấp cứu**

**81624. 08-2022 Nghiên cứu ứng dụng gây tê thần kinh ngoại vi dưới hướng dẫn của siêu âm để giảm đau trong cấp cứu chấn thương chi thể ở một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội/ PGS.TS Nguyễn Trung Kiên, GS.TS. Nguyễn Huuwx Tú, ThS. Nguyễn Đăng Thử; TS. Nguyễn Quang Hải; PGS. TS Công Quyết Thắng; TS. Lưu Quang Thùy; BS. Phạm Mạnh Cường; BS. Lê Hữu Trí; BS. Trương Văn Khương; BS. Ngô Văn Định; BS. Nguyễn Mạnh Cường; BS. Nguyễn Lưu Phương Thúy; CN. Đỗ Văn Phong; CN. Khuất Đình Huyền; CN. Nguyễn Thị Giáng Hương; CN. Nguyễn Đình Tân; CN. Phạm Văn Thành - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2020; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu xây dựng quy trình gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm giảm đau trong tổn thương chi trên phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu xây dựng quy trình gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm giảm đau trong tổn thương gãy

xương chi dưới phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu hiệu quả giảm đau trong tổn thương gãy xương chi trên bằng phương pháp gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm; Nghiên cứu hiệu quả giảm đau trong tổn thương gãy xương chi dưới bằng phương pháp gây tê thần kinh đùi, thần kinh khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm; Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảm đau của tiêm bắp morphin với gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm trong tổn thương gãy xương chi trên phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảm đau của tiêm bắp morphin với gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm trong tổn thương gãy xương chi dưới phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu triển khai ứng dụng kỹ thuật gây tê thần kinh ngoại vi dưới hướng dẫn của siêu âm để giảm đau trong cấp cứu chấn thương chi thể ở một số bệnh viện Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-35/ĐK-TTTT&TK

### **30210. Chấn thương, Chỉnh hình**

81608. 08-2022 Nghiên cứu chế tạo mảnh vá hộp sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D từ vật liệu carbon polyether ether ketone (C-PEEK)/ PGS.TS. Trần Trung Dũng, GS. TS. Trịnh Bình; Lê Thị Hồng Nhung; BS. Lưu Đình Mùi; KS. Bùi Công Khê; ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc; TS. Nguyễn Thành Hùng; ThS. Mâu Văn Cảnh; Khuất Duy Thái; Trần Lê Giang; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN.

Đoàn Thị Quỳnh Mai; Vũ Thị Dâu; Đào Huy Thành; Nguyễn Thị Hằng; Đặng Thị Huyền Nhung; Đoàn Phương Thảo; Nguyễn Thị Mến; Lê Ngọc Dung; Nguyễn Thị Thanh Thảo; Lưu Xuân Kỳ; Dương Công Nguyên; Hà Mai Linh; Nguyễn Thị Thúy; Nguyễn Thùy Linh; Nguyễn Văn Hoàng - hà nội - Viện nghiên cứu và phát triển vật liệu y sinh, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thuyết minh đề cương. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mảnh vá hộp sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. Nghiên cứu chế tạo sản phẩm mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới. Thử nghiệm đánh giá an toàn sinh học và khả năng cấy ghép của mẫu sản phẩm sau khi chế tạo trên động vật. Thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 1 trên 3-5 bệnh nhân. Xây dựng quy trình chế tạo mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-39/ĐK-TTTT&TK

### **30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)**

81624. 08-2022 Nghiên cứu ứng dụng gây tê thần kinh ngoại vi dưới hướng dẫn của siêu âm để giảm đau trong cấp cứu chấn thương chi thể ở một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội/ PGS.TS Nguyễn Trung Kiên, GS.TS. Nguyễn Hữu Tú, ThS. Nguyễn Đăng Thử; TS. Nguyễn Quang Hải; PGS. TS Công Quyết Thắng; TS. Lưu Quang



Thùy; BS. Phạm Mạnh Cường; BS. Lê Hữu Trí; BS. Trương Văn Khương; BS. Ngô Văn Định; BS. Nguyễn Mạnh Cường; BS. Nguyễn Lưu Phương Thúy; CN. Đỗ Văn Phong; CN. Khuất Đình Huyền; CN. Nguyễn Thị Giáng Hương; CN. Nguyễn Đình Tân; CN. Phạm Văn Thành - hà nội - Bệnh viện Quân y 103, 2020; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu xây dựng quy trình gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm giảm đau trong tổn thương chi trên phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu xây dựng quy trình gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm giảm đau trong tổn thương gãy xương chi dưới phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu hiệu quả giảm đau trong tổn thương gãy xương chi trên bằng phương pháp gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm; Nghiên cứu hiệu quả giảm đau trong tổn thương gãy xương chi dưới bằng phương pháp gây tê thần kinh đùi, thần kinh khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm; Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảm đau của tiêm bắp morphin với gây tê đám rối thần kinh cánh tay dưới hướng dẫn của siêu âm trong tổn thương gãy xương chi trên phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảm đau của tiêm bắp morphin với gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông khoeo dưới hướng dẫn của siêu âm trong tổn thương gãy xương chi dưới phục vụ cấp cứu; Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu triển khai

ứng dụng kỹ thuật gây tê thần kinh ngoại vi dưới hướng dẫn của siêu âm để giảm đau trong cấp cứu chấn thương chi thể ở một số bệnh viện Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-35/ĐK-TTTT&TK

### **30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng**

81628. 08-2022 **Xây dựng hệ thống hỗ trợ chuẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động và ứng dụng tại một số cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Võ Trương Như Ngọc, BS. Trương Đình Khởi; TS. Nguyễn Khánh Long; ThS. Phùng Thị Thu Hà; BS. Hoàng Thị Đợi; ThS. Hoàng Bảo Duy; TS. Chu Đình Tới; BS. Chu Văn Tuệ Bình; BS. Nguyễn Lê Hùng; BS. Phạm Thị Thanh Bình; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Nguyễn Trung Hiếu; TS. Lê Hoàng Sơn; ThS. Nguyễn Thọ Thông; ThS. Phạm Huy Thông; TS. Trần Mạnh Tuấn; BS. Đỗ Hải Vân; BS. Dương Thái Thành; BS. Lê Quỳnh Anh; BS. Nguyễn Thị Thanh Quỳnh; BS. Nguyễn Phương Huyền; BS. Mai Thị Giang Thanh; BS. Trần Quang Hà; BS. Vũ Văn Tài; ThS. Hoàng Tuấn Linh; Nguyễn Thu Trà; BS. Lê Hoàng Anh; ThS. Cù Nguyên Giáp; BS. Hà Thị Mai; CN. Trần Thị Diệu Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; BS. Vũ Văn Xiêm; BS. Nguyễn Hùng Hiệp; BS. Đinh Diệu Hồng - hà nội - Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, 2020; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu xây dựng kho dữ liệu về 5 nhóm bệnh lý răng miệng phổ biến; Nghiên cứu khảo sát, đánh giá thực trạng hỗ trợ chuẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng; Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ chuẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động; Nghiên cứu triển khai thử nghiệm tại một số cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-51/ĐK-TTTT&TK

### **30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)**

82658. 08-2022 Nghiên cứu thuần tập 5 năm về bệnh đái tháo đường týp 2 và hội chứng chuyển hoá ở người Việt Nam: vai trò yếu tố di truyền và lối sống/ PGS.TS. Trần Quang Bình, TS. Phạm Trần Phương; PGS.TS. Bùi Thị Nhung; TS. Đỗ Đình Tùng; TS. Lê Thị Kim Chung; TS. Dương Tuấn Linh; ThS. Nguyễn Ánh Ngọc; ThS. Bùi Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Thành Chung; ThS. Bùi Thị Khánh Thuận; ThS. Trần Quang Thuyên - Hà Nội - Viện Dinh Dưỡng, 2021; 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định tỷ lệ phát triển trong 5 năm của bệnh đái tháo đường týp 2 và hội chứng chuyển hoá. Mở rộng phân tích đa hình của các gen ứng viên đối với đái tháo đường týp 2 và hội chứng chuyển hoá trong quần thể ở người Việt. Nghiên cứu ảnh hưởng và sự tương tác gen-gen, gen-môi trường đối với

sự phát triển của bệnh đái tháo đường và hội chứng chuyển hoá. Xây dựng mô hình xác định sớm và tiên lượng trong 5 năm các bệnh này. Xác định sự liên quan giữa mức độ methyl hóa gen FTO đối với sự phát triển bệnh đái tháo đường. Xác định vai trò của yếu tố di truyền trong đáp ứng can thiệp phòng chống đái tháo đường ở những người bị tiền đái tháo đường. Xác định một số biến quan trọng về gen, đặc điểm nhân trắc và lâm sàng để định hướng chọn thuốc phù hợp cho điều trị bệnh nhân đái tháo đường mới phát hiện.

Số hồ sơ lưu: 19794

### **30219. Tiêu hoá và gan mật học**

81625. 08-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng và đánh giá sự biến động tải lượng HBV – RNA huyết tương trong đáp ứng điều trị ở bệnh nhân viêm gan B mạn tính tại Hà Nội/ TS.BS. Nguyễn Hồng Thắng, TS. BS. Hồ Hữu Thọ; ThS. BS. Nguyễn Đình Ứng; PGS.TS. Nguyễn Trọng Chính; TS.BS. Hoàng Tiến Tuyên; PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn; ThS. BS. Phạm Châu; ThS. BS. Đỗ Quốc Thịnh; ThS. BS. Nguyễn Thị Bạch Liễu; BSCKI. Trần Thị Kim Anh - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020; 08/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thuyết minh đề tài, nghiên cứu tổng quan; Lựa chọn bệnh nhân và thu thập, bảo quản mẫu bệnh phẩm bệnh nhân CHB và nhóm chứng; Xây dựng và tối ưu qui trình phản ứng realtime RT-PCR định lượng nồng độ RNA của virus

viêm gan B (HBV-RNA) trong huyết tương bệnh nhân CHB với độ nhạy từ 70 copy/mL, độ đặc hiệu 100%; Đánh giá sự biến động tải lượng của HBV-RNA huyết tương trong đáp ứng điều trị bệnh nhân CHB bằng các đồng đẳng nucleoside; Đề xuất khả năng ứng dụng vai trò của tải lượng HBV-RNA trong tiên lượng đáp ứng virus sớm, đáp ứng virus duy trì trong quá trình điều trị và đáp ứng virus bền vững sau điều trị bằng thuốc Nas ở bệnh nhân CHB cho các bệnh viện của Hà Nội; Tổng kết, đánh giá.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-47/ĐK-TTTT&TK

### **30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

81632. 08-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc trừ sâu nhóm Clo hữu cơ đến sự methyl hóa DNA của một số gen liên quan với ung thư vú trên địa bàn Hà Nội/** TS. Đặng Thế Hưng, TS. Đặng Vũ Phương Linh; CN. Nguyễn Văn Anh; ThS. Phạm Thị Vinh Hoa; CN. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Văn Long; DS. Đinh Thị Thanh; TS. Trần Đăng Khoa; PGS.TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; TS. Lê Thị Kim Ánh - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Thu thập mẫu máu của bệnh nhân ung thư vú và người khỏe mạnh trên lâm sàng; Thu thập thông tin đối tượng nghiên cứu; Xác định dư lượng thuốc trừ sâu nhóm Clo hữu cơ trong

máu bệnh nhân ung thư vú và người bình thường bằng kỹ thuật phân tích GC-MS; Đánh giá tình trạng methyl hóa tổng số DNA liên quan đến ung thư vú; Đánh giá ảnh hưởng của thuốc trừ sâu nhóm Clo hữu cơ đến sự methyl hóa DNA liên quan đến ung thư vú; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-71/ĐK-TTTT&TK

### **30222. Nhãn khoa. Bệnh mắt**

81623. 08-2022 **Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị bệnh glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính tại khu vực Hà Nội/** PGS.TS. NGUYỄN XUÂN HIỆP, TS. Đỗ Tấn; TS. Nguyễn Đình Ngân; TS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Trần Tiên Đạt; TS. Phạm Thị Thu Hà; TS. Dương Quỳnh Chi; ThS. Ngô Hải Long; ThS. Nguyễn Văn Cường; ThS. Võ Thị Hằng; BSCKI. Nguyễn Đức Doanh; KTV. Trần Thanh Trúc; KTV. Nguyễn Thị Thúy Hà; KTV. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Hoàng Thị Ngọc Yên; Bs. Nguyễn Dương Hồng - Hà Nội - Bệnh viện Mắt Trung ương, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các hình thái Glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính tại khu vực Hà Nội; Quy trình điều trị và theo dõi bệnh Glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính tại khu vực Hà Nội; Xác định lựa chọn cho điều trị Glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính sau khi cắt con bằng nội khoa; Xác định lựa chọn điều trị Glôcôm góc đóng

nguyên phát cấp tính không cắt được cơn có kèm theo đục thể thủy tinh; Xác định lựa chọn điều trị Glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính không cắt được cơn không kèm theo đục thể thủy tinh; Xác định điều trị dự phòng bệnh Glôcôm góc đóng nguyên phát tiềm tàng; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-46/ĐK-TTTT&TK

### **30225. Thần kinh học lâm sàng**

82195. 08-2022 **Đánh giá hiệu quả mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại Thành phố Hà Nội/ PGS.TS. Phạm Văn Minh, ThS.BS. Hoàng Khánh Chi, ThS.BS. Lý Thị Lan Hương; BSCK I. Nguyễn Quan Anh; BS. Nguyễn Khánh Chi; BS. Hoàng Thị Hương Giang; ThS.BS. Đặng Đức Hoàn; BS. Nguyễn Phan Tâm; ThS.BS. Phạm Bá Hiền; ThS.BS. Đinh Thị Lam - hà nội - Bệnh viện Phục hồi chức năng, 2021; 10/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan; Xây dựng mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi; Triển khai mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi; Đánh giá kết quả phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Nội; Áp dụng và đánh giá kết quả triển khai mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại các bệnh viện đa khoa của thành phố Hà

Nội; Đề xuất, kiến nghị nhằm áp dụng rộng rãi mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại thành phố Hà Nội; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-08/ĐK-TTTT&TK

### **30227. Y học thẩm mỹ, Phẫu thuật thẩm mỹ**

81629. 08-2022 **Nghiên cứu sự thay đổi một số hormone sinh dục và hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường thể vừa và nặng bằng Isotretinoin kết hợp bôi kem lô hội AL-04 tại một số bệnh viện Hà Nội/ PGS.TS. Trần Đăng Quyết, ThS. Vũ Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; PGS.TS. Phạm Văn Trân; ThS. Nguyễn Duy Thành; BSCKII. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Phạm Thị Mỹ Hằng; BSNT. Nguyễn Phú Cường - hà nội - Bệnh viện Quân y 103, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan; Khảo sát một số yếu tố liên quan, đặc điểm lâm sàng bệnh trứng cá thông thường tại một số bệnh viện khu vực Hà Nội (BVQY 103, BVTƯQĐ 108, BVDLTƯ, BVDLHN) trong 2 năm 2017, 2018; Đánh giá sự thay đổi các Hormon trong máu bệnh nhân trứng cá và người khỏe tình nguyện; Đánh giá sự thay đổi các Hormon trong bệnh trứng cá sau điều trị Isotretinoin 10 và kem Lô hội AL-04; So sánh độ chênh lệch số học của hệ thống hormon namtestostremon) và hệ thống hormon nữ (estradiol) giữa bệnh

nhân trứng cá với người khỏe tình nguyện; Đánh giá hiệu quả lâm sàng và nội tiết trên bệnh nhân trứng cá thông thường sau điều trị bằng Isotretinoin đơn thuần và Isotretinoin kết hợp với kem lô hội – AL04; Đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu các Hormon trong điều trị bệnh trứng cá bằng thuốc Isotretinoin kết hợp kem Lô hội AL-04

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-52/ĐK-TTTT&TK

81634. 08-2022 **Nghiên cứu bào chế và đánh giá hoạt tính của cream trắng da chống lão hóa chứa peptide từ đậu xanh (vignia radiate)/** ThS. Phạm Văn Hiền, PGS.TS. Vũ Bình Dương; ThS. Ngô Xuân Trình; ThS. Hồ Bá Ngọc Minh; BSCK I. Ngô Thị Tuyết Mai; ThS. Lê Thị Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; BSCK II. Lê Hoàng Tú; ThS. Nguyễn Xuân Quỳnh - hà nội - Học viện Quân y, 2020; 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương pháp định lượng protein toàn phần từ sản phẩm giàu protein chiết được; Khảo sát lựa chọn nguyên liệu cho thủy phân tạo peptide; Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết xuất protein từ đậu xanh; Nghiên cứu xây dựng quy trình thủy phân protein thành các peptide có khối lượng phân tử nhỏ và tinh chế sản phẩm; Xây dựng TCCS bột peptide nguyên liệu; Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế cream chống lão hóa làm trắng da từ peptide đậu xanh; Nghiên cứu xây dựng quy trình bào chế

cream chống lão hóa làm trắng da từ peptide đậu xanh; Xây dựng TCCS của cream chống lão hóa làm trắng da từ peptide đậu xanh; Đánh giá độc tính kích ứng da của chế phẩm; Đánh giá tác dụng chống viêm, chống oxy hóa và làm trắng da của chế phẩm trên in vitro; Nghiên cứu độ ổn định của chế phẩm cream trắng da chống lão hóa chứa peptide từ đậu xanh; Sản xuất 0,5 kg bột peptide đậu xanh và 1000 lọ Cream chống lão hóa, làm trắng da từ peptide đậu xanh đạt TCCS; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-74/ĐK-TTTT&TK

### **30229. Y học bổ trợ và kết hợp**

82195. 08-2022 **Đánh giá hiệu quả mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại Thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Phạm Văn Minh, ThS.BS. Hoàng Khánh Chi, ThS.BS. Lý Thị Lan Hương; BSCK I. Nguyễn Quang Anh; BS. Nguyễn Khánh Chi; BS. Hoàng Thị Hương Giang; ThS.BS. Đặng Đức Hoàn; BS. Nguyễn Phan Tâm; ThS.BS. Phạm Bá Hiền; ThS.BS. Đinh Thị Lam - hà nội - Bệnh viện Phục hồi chức năng, 2021; 10/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Xây dựng mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi; Triển khai mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi; Đánh giá kết quả phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới

6 tuổi tại bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Nội; Áp dụng và đánh giá kết quả triển khai mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại các bệnh viện đa khoa của thành phố Hà Nội; Đề xuất, kiến nghị nhằm áp dụng rộng rãi mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại thành phố Hà Nội; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-08/ĐK-TTTT&TK

### **30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng**

82194. 08-2022 **Thực trạng hành vi về dinh dưỡng, thừa cân, béo phì ở người từ 15 đến 64 tuổi tại Thành phố Hà Nội/ GS.TS. Phan Thị Kim, PGS.TS. Bùi Thị An; PGS.TS. Nguyễn Quang Dũng; KS. Đào Mai Phương; GS.TS. Lê Thị Hương; BS. Đào Thị Tố Nga; KS. Đặng Thị Lý; BS. Mai Thị Nam; BS. Đặng Văn Khoát; KS. Trần Thị Hương - Hà Nội - Hội Nữ Trí thức Hà Nội, 2021; 08/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng thuyết minh đề tài; Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ và phương án điều tra; Tiến hành điều tra, thu thập số liệu, lấy mẫu, phân tích mẫu xét nghiệm adiponectin; Nghiên cứu mô tả thực trạng kiến thức, thực hành, thái độ về dinh dưỡng, tần suất tiêu thụ thực phẩm giàu năng lượng và khẩu phần ăn 24 giờ ở người từ 15 - 64 tuổi tại thành phố Hà Nội; Nghiên cứu đánh giá thực trạng thừa cân, béo phì và nồng độ

Adiponectin máu ở người từ 15 - 64 tuổi tại thành phố Hà Nội; Nghiên cứu xác định mối liên quan giữa kiến thức, thực hành, thái độ về dinh dưỡng, nồng độ Adiponectin máu và thừa cân, béo phì

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-01/ĐK-TTTT&TK

### **30305. Y tế môi trường và công cộng**

77152. 08-2022 **Nghiên cứu xử lý vi khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí bằng ozon ứng dụng tại cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội/ BSCK II. Lê Hoàng Tú, TS.BS. Lê Hoàng Oanh; BSCKII. Trần Lệ Tiến; BSCKI. Vương Danh Chính; KS. Hoàng Thế Hà; BSCKI. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Thiêm; ThS. Trịnh Đình Trung; ThS. Trịnh Ngọc Diệu; ThS. Nguyễn Chí Thành - Hà Nội - Bệnh viện đa khoa Hà Đông, 2020; 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá, tổng quan vấn đề nghiên cứu; Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị khử khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí bằng ozon; Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị khử khí ozon dư thừa trong môi trường không khí bằng luân chuyển khí sạch; Gia công chế tạo, lắp ráp kỹ thuật tích hợp các cấu tử của hệ thống thiết bị khử vi khuẩn, nấm mốc trong môi trường không khí và hệ thống khử ozon thừa; Đo đạc, kiểm tra các thông số của hệ thống thiết bị; Đánh giá độ an toàn của thiết bị; Khảo nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc

bằng tia UV truyền thông tại phòng mổ và sơ sinh với diện tích 30m<sup>2</sup>/phòng, trong điều kiện không có người (làm đối chứng); Thử nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc bằng Ozon với các thiết bị của đề tài chế tạo tại phòng mổ, của bệnh viện Đa khoa Hà Đông trong điều kiện không có người với không khí tĩnh và không khí động; Thử nghiệm khả năng khử khuẩn không khí và nấm mốc bằng ozon với thiết bị của đề tài chế tạo tại phòng sơ sinh, của bệnh viện Đa khoa Hà Đông trong điều kiện không có người với không khí tĩnh và không khí động; Xác định được điều kiện kỹ thuật phù hợp đạt hiệu quả khử khuẩn, đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Xây dựng quy trình kỹ thuật khử vi khuẩn, nấm mốc bằng ozon ứng dụng tại cơ sở y tế; Xây dựng hồ sơ TCCS của thiết bị; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường của hệ thống thiết bị và công nghệ khử khuẩn không khí bằng ozon; Hội thảo khoa học

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-21/ĐK-TTTT&TK

### 30308. Bệnh truyền nhiễm

82193. 08-2022 **Hiệu quả can thiệp giảm nguy cơ mắc sởi ở mẹ và con đến 9 tháng tuổi tại huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội năm 2017-2018/** TS. Nguyễn Khắc Hiền, PGS.TS. Nguyễn Thị Kiều Anh; ThS. Đào Hữu Thần; ThS. Đặng Thị Kim Hạnh; TS. Nguyễn Minh Hải; PGS.TS Hoàng Đức Hạnh; BSCK I. Nguyễn Bá Minh; BSCK II. Nguyễn Quốc Hùng - hà nội - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Hà

Nội, 2021; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Xác định mức độ tồn lưu kháng thể kháng vi rút sởi ở phụ nữ tuổi sinh đẻ từ 18 đến 30 tuổi tại huyện Ba Vì, Hà Nội năm 2017; Đánh giá hiệu quả can thiệp giảm nguy cơ mắc sởi ở mẹ và con đến 9 tháng tuổi sau tiêm phòng vắc xin sởi cho mẹ trước khi mang thai; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-07/ĐK-TTTT&TK

### 30309. Dịch tễ học

81627. 08-2022 **Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel), nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội/** ThS. Vũ Thị Kim Liên, ThS. Trần Thị Hải Âu TS.BS. Hoàng Vũ Mai Phương; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS.BS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Đỗ Thị Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Vũ Sơn; ThS. Hà Thị Phương Mai; ThS. Trần Diệu Linh; ThS. Tăng Thị Nga; BSCKII. Trần Lệ Tiên - hà nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu chế tạo bộ mẫu chuẩn đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho phản ứng RT-PCR phát hiện cúm A (A/A/H1pdm; A/H3; A/H5) và cúm B; Nghiên cứu chế tạo bộ mẫu chuẩn huyết thanh học đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu của kỹ thuật ELISA phát hiện IgM đặc hiệu virut

Dengue; Ứng dụng các bộ mẫu chuẩn đã chế tạo để đánh giá chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội; Xây dựng bản hướng dẫn sử dụng

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-50/ĐK-TTTT&TK

### 30312. Sức khoẻ sinh sản

81633. 08-2022 Ứng dụng kỹ thuật Multiplex PCR phân tích các trình tự lặp ngắn trong chẩn đoán bệnh Hemophilia A trước chuyển phôi tại Hà Nội/ TS. Đặng Tiến Trường, TS. Nguyễn Thanh Tùng, BS. Nguyễn Văn Điều; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; ThS. Lê Kim Dung; PGS.TS. Trịnh Thế Sơn; ThS. Nguyễn Minh Tâm; CN. Đặng Xuân Lâm; ThS. Nguyễn Thị Sim - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Lựa chọn các marker STR phục vụ cho chuẩn đoán Hemophilia A; Xây dựng quy trình chuẩn đoán Hemophilia A trước chuyển phôi sử dụng kỹ thuật Multiplex PCR; Áp dụng quy trình xây dựng được chuẩn đoán các cặp vợ chồng mang gen bệnh; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-72/ĐK-TTTT&TK

82193. 08-2022 Hiệu quả can thiệp giảm nguy cơ mắc sởi ở mẹ và con đến 9 tháng tuổi tại huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội năm 2017-2018/ TS. Nguyễn Khắc Hiền,

PGS.TS. Nguyễn Thị Kiều Anh; ThS. Đào Hữu Thần; ThS. Đặng Thị Kim Hạnh; TS. Nguyễn Minh Hải; PGS.TS Hoàng Đức Hạnh; BSCK I. Nguyễn Bá Minh; BSCK II. Nguyễn Quốc Hùng - Hà Nội - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Hà Nội, 2021; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Xác định mức độ tồn lưu kháng thể kháng vi rút sởi ở phụ nữ tuổi sinh đẻ từ 18 đến 30 tuổi tại huyện Ba Vì, Hà Nội năm 2017; Đánh giá hiệu quả can thiệp giảm nguy cơ mắc sởi ở mẹ và con đến 9 tháng tuổi sau tiêm phòng vắc xin sởi cho mẹ trước khi mang thai; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-07/ĐK-TTTT&TK

### 30399. Các vấn đề y tế khác

81689. 08-2022 Xây dựng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại các Câu lạc bộ, nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Thành phố Hà Nội hiện nay/ TS. BSCK I Nguyễn Thị Liễu, ThS. BS. Nguyễn Thùy Anh; ThS. BS. Lê Thu Nga; ThS. Phan Thị Hồng Thắm; ThS. Hoàng Minh Hiền; ThS. BS. Phạm Đăng Hưng; CN. Đỗ Minh Huệ; BS. Phạm Thùy Linh; BS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; CN. Nguyễn Phương Trà; BSCK I. Phạm Thị Liên; ThS. Hoàng Thị Ánh Ngọc; ThS. Vũ Thị Kiều Oanh - Hà Nội - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)



Nghiên cứu; Cơ sở khoa học về chất lượng cuộc sống và hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS; Phân tích thực trạng chất lượng cuộc sống và nhu cầu hỗ trợ xã hội để cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội; Xác định một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống và phân tích các rào cản hỗ trợ xã hội nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS sinh hoạt tại CLB/NTL tại thành phố Hà Nội; Xây dựng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội; Thí điểm và đánh giá kết quả thực hiện mô hình hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS sinh hoạt tại câu lạc bộ/nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS (cá nhân, gia đình, cộng đồng-xã hội, nhà nước) khuyến khích áp dụng nhằm nhân rộng mô hình hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS tại các CLB/NTL người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-59/ĐK-TTTT&TK

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

81629. 08-2022 **Nghiên cứu sự thay đổi một số hormone sinh dục và hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường thể vừa và nặng bằng Isotretinoin kết hợp bôi kem lô hội AL-04 tại một số bệnh viện Hà Nội/ PGS.TS. Trần Đăng Quyết,**

ThS. Vũ Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; PGS.TS. Phạm Văn Trân; ThS. Nguyễn Duy Thành; BSCKII. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Phạm Thị Mỹ Hằng; BSNT. Nguyễn Phú Cường - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Khảo sát một số yếu tố liên quan, đặc điểm lâm sàng bệnh trứng cá thông thường tại một số bệnh viện khu vực Hà Nội (BVQY 103, BVTƯQĐ 108, BVDLTƯ, BVDLHN) trong 2 năm 2017, 2018; Đánh giá sự thay đổi các Hormon trong máu bệnh nhân trứng cá và người khỏe tình nguyện; Đánh giá sự thay đổi các Hormon trong bệnh trứng cá sau điều trị Isotretinoin 10 và kem Lô hội AL-04; So sánh độ chênh lệch số học của hệ thống hormon nam (testostreron) và hệ thống hormon nữ (estradiol) giữa bệnh nhân trứng cá với người khỏe tình nguyện; Đánh giá hiệu quả lâm sàng và nội tiết trên bệnh nhân trứng cá thông thường sau điều trị bằng Isotretinoin đơn thuần và Isotretinoin kết hợp với kem lô hội – AL04; Đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu các Hormon trong điều trị bệnh trứng cá bằng thuốc Isotretinoin kết hợp kem Lô hội AL-04

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-52/ĐK-TTTT&TK

81630. 08-2022 **Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Tứ Quân trên thực nghiệm và trên bệnh nhân suy**

**nhược cơ thể/ PGS.TS. Hoàng Minh Chung, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Trần Thị Minh Quyên; TS. Phạm Thị Vân Anh; Đỗ Thị Thanh Hiền; Trần Thị Mai Vân; TS. Dương Trọng Nghĩa; BSCK2. Vũ Văn Hoàng; ThS. Trần Quốc Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan; Xây dựng quy trình công nghệ chiết xuất cao lỏng tiêu chuẩn giàu axit amin từ dư phẩm men bia; Nghiên cứu công thức, quy trình bào chế và tiêu chuẩn của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Tứ quân; Nghiên cứu đánh giá tác dụng của cao lỏng (cao lỏng thành phẩm) từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Tứ quân trên thực nghiệm và trên lâm sàng đối với bệnh nhân suy nhược cơ thể

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-53/ĐK-TTTT&TK

**82774. 08-2022 Nghiên cứu các sản phẩm từ tinh dầu chóc (*Citrus hystrix*) được trồng tại An Giang có tác dụng kháng khuẩn và khử mùi/ PGS. TS. Phạm Thành Suôi, ThS. Lê Thanh Vĩnh Tuyên; ThS. Lê Thị Minh Ngọc; ThS. Trần Hoàng Yến; BS. CKII. Nguyễn Duy Tân; CN. Bành Thanh Hùng - An Giang - Trường Đại học Y dược Cần Thơ, 2019; 01/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện thu hoạch, bảo quản lên chất lượng tinh dầu chóc, xác định thành

phần hóa học chính trong tinh dầu lá và vỏ quả chóc tại An Giang đồng thời xác định điều kiện tối ưu để chiết xuất và xử lý tinh dầu. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm tinh dầu chóc và đánh giá độc tính của tinh dầu chóc trên động vật thực nghiệm, đánh giá tác dụng kháng khuẩn, khử mùi, xông hơi của tinh dầu chóc thu được. Xây dựng công thức bào chế kẹo ngậm, viên xông từ tinh dầu chóc và đánh giá tác dụng dự phòng và hỗ trợ điều trị viêm họng của kẹo ngậm, viên xông. Tiến hành đào tạo, chuyển giao các quy trình thu hái, bảo quản, chiết xuất, bào chế, kiểm nghiệm các sản phẩm từ tinh dầu chóc và đăng ký nhãn hiệu góp phần xây dựng thương hiệu và thị trường cho sản phẩm từ cây chóc An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-012-2021

### **30404. Hoá dược học**

**82598. 08-2022 Nghiên cứu thành phần hóa học và đánh giá tác dụng hạ đường huyết của 2 loài *Dregea volubilis* và *Dregea cuneifolia* ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Kim Thúy, PGS.TS. Nguyễn Thị Mai; TS. Trương Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Văn Huân; ThS. Phan Thị Lan Anh - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2021; 08/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu mẫu thực vật, xác định tên loài cho 2 mẫu *Dregea volubilis* và *Dregea cuneifolia*. Tạo chiết phẩm thô và các phân đoạn dịch chiết cho nghiên cứu hóa học của 2 loài *Dregea volubilis* và *Dregea*

*cuneifolia*. Đánh giá sàng lọc hoạt tính theo hướng ức chế enzyme  $\alpha$ -glucosidase và  $\alpha$ -amylase. Phân lập và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất từ 2 loài *Dregea volubilis* và *Dregea cuneifolia*, đánh giá tác dụng ức chế enzyme  $\alpha$ -glucosidase và  $\alpha$ -amylase của các hợp chất tinh khiết phân lập được từ 2 loài *Dregea volubilis* và *Dregea cuneifolia*.

Số hồ sơ lưu: 19769

82619. 08-2022 **Tìm kiếm các chất có hoạt tính gây độc tế bào từ một số loài thực vật chọn lọc thuộc họ Dây gối (*Celastraceae*) và họ Dương đầu (*Olacaceae*) theo phương pháp thử hoạt tính sinh học dẫn đường.**/ TS. Trần Đăng Thạch, TS. Nguyễn Phi Hùng; TS. Đoàn Thị Mai Hương; TS. Trương Bích Ngân; ThS. Trần Thị Tuyền; CN. Đỗ Thị Thúy; CN. Nguyễn Hồng Oanh - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021; 07/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành thu hái mẫu của một số loài thuộc chi *Gymnosporia* (*Celastraceae*) và *Anacolosa* (*Olacaceae*) phân bố ở Việt Nam với lượng lớn. Định hướng ban đầu, tập trung thu hái 2 loài *Anacolosa poilanei* Gagnep (*Olacaceae*) và *Gymnosporia stylosa* Pierre (*Celastraceae*). Chiết các mẫu cây được lựa chọn với dung môi n-hexane, EtOAc, CH<sub>2</sub>Cl<sub>2</sub> và MeOH. Tinh chế các cặn dịch chiết trên sắc ký cột để thu được các phân đoạn. Thử hoạt tính gây độc tế bào đối với dòng tế bào ung thư biểu mô KB của các phân đoạn thu được. Tinh chế

các phân đoạn có hoạt tính tốt để thu được các hợp chất sạch. Thử hoạt tính gây độc tế bào in vitro đối với 4 dòng tế bào ung thư như KB, MCF-7, HepG2, Lu-1 của các hợp chất sạch phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 19789

### 30499. Dược học khác

81626. 08-2022 **Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa 1000mg amoxicilin và 62,5mg acid clavulanic giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38/** ThS. LÊ ĐÌNH QUANG, ThS. Nguyễn Phương Nhung; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chiến; TS. Phạm Bảo Tùng; ThS. Đoàn Thị Thu Hương; DS. Bùi Thảo Nguyên; ThS. Ngô Quốc Trung; TS. Trần Thị Hồng Anh; TS. Tạ Mạnh Hùng; DS. Trần Trọng Biên - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thuyết minh đề tài; Xây dựng và tối ưu hóa công thức bào chế viên nén 2 lớp amoxicilin/acid clavulanic 1000/62,5 giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38 ở qui mô phòng thí nghiệm; Nâng cấp qui trình bào chế ở qui mô 10.000 viên; Đánh giá khả dụng và tương đương sinh học viên nén bào chế ở trạng thái no; Theo dõi độ ổn định của viên nén bào chế; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-49/ĐK-TTTT&TK

81630. 08-2022 **Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp**

với bài thuốc Tứ Quân trên thực nghiệm và trên bệnh nhân suy nhược cơ thể/ PGS.TS. Hoàng Minh Chung, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Trần Thị Minh Quyên; TS. Phạm Thị Vân Anh; Đỗ Thị Thanh Hiền; Trần Thị Mai Vân; TS. Dương Trọng Nghĩa; BSCK2. Vũ Văn Hoàng; ThS. Trần Quốc Hùng - hà nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Xây dựng quy trình công nghệ chiết xuất cao lỏng tiêu chuẩn giàu axit amin từ dư phẩm men bia; Nghiên cứu công thức, quy trình bào chế và tiêu chuẩn của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Tứ quân; Nghiên cứu đánh giá tác dụng của cao lỏng (cao lỏng thành phẩm) từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Tứ quân trên thực nghiệm và trên lâm sàng đối với bệnh nhân suy nhược cơ thể

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-53/ĐK-TTTT&TK

82196. 08-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất dung dịch Ceri nitrat và gel Ceri nitrat điều trị vết thương, vết bỏng/ PGS.TS. NGUYỄN NGỌC TUẤN, ThS. Lương Quang Anh; ThS. Lê Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; ThS. Nguyễn Băng Tâm; ThS. Phan Thị Thục Trang; BSCK II. Phạm Thị Mai Phương; TS. Đỗ Lương Tuấn; TS. Nguyễn Hải An; ThS. Lâm Đan Chi - hà nội - Bệnh viện Bỏng Quốc gia Lê Hữu

Trác, 2021; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án; Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ; Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-13/ĐK-TTTT&TK

### **30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế**

81627. 08-2022 Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel), nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội/ ThS. Vũ Thị Kim Liên, ThS. Trần Thị Hải Âu, TS.BS. Hoàng Vũ Mai Phương; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS.BS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Đỗ Thị Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Vũ Sơn; ThS. Hà Thị Phương Mai; ThS. Trần Diệu Linh; ThS. Tăng Thị Nga; BSCKII. Trần Lệ Tiên - hà nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu chế tạo bộ mẫu chuẩn đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho phản ứng RT-PCR phát hiện cúm A (A;A/H1pdm; A/H3; A/H5) và cúm B; Nghiên cứu chế tạo bộ mẫu chuẩn

huyết thanh học đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu của kỹ thuật ELISA phát hiện IgM đặc hiệu virut Dengue; Ứng dụng các bộ mẫu chuẩn đã chế tạo để đánh giá chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội; Xây dựng bản hướng dẫn sử dụng

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-50/ĐK-TTTT&TK

**30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc**

81633. 08-2022 Ứng dụng kỹ thuật Multiplex PCR phân tích các trình tự lặp ngắn trong chẩn đoán bệnh Hemophilia A trước chuyển phôi tại Hà Nội/ TS. Đặng Tiến Trường, TS. Nguyễn Thanh Tùng, BS. Nguyễn Văn Điều; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; ThS. Lê Kim Dung; PGS.TS. Trịnh Thế Sơn; ThS. Nguyễn Minh Tâm; CN. Đặng Xuân Lâm; ThS. Nguyễn Thị Sim - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Lựa chọn các marker STR phục vụ cho chuẩn đoán Hemophilia A; Xây dựng quy trình chuẩn đoán Hemophilia A trước chuyển phôi sử dụng kỹ thuật Multiplex PCR; Áp dụng quy trình xây dựng được chuẩn đoán các cặp vợ chồng mang gen bệnh; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-72/ĐK-TTTT&TK

**30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen**

81633. 08-2022 Ứng dụng kỹ thuật Multiplex PCR phân tích các trình tự lặp ngắn trong chẩn đoán bệnh Hemophilia A trước chuyển phôi tại Hà Nội/ TS. Đặng Tiến Trường, TS. Nguyễn Thanh Tùng, BS. Nguyễn Văn Điều; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; ThS. Lê Kim Dung; PGS.TS. Trịnh Thế Sơn; ThS. Nguyễn Minh Tâm; CN. Đặng Xuân Lâm; ThS. Nguyễn Thị Sim - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Lựa chọn các marker STR phục vụ cho chuẩn đoán Hemophilia A; Xây dựng quy trình chuẩn đoán Hemophilia A trước chuyển phôi sử dụng kỹ thuật Multiplex PCR; Áp dụng quy trình xây dựng được chuẩn đoán các cặp vợ chồng mang gen bệnh; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-72/ĐK-TTTT&TK

**39999. Y học, y tế và dược chưa xếp vào mục nào khác**

81626. 08-2022 Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa 1000mg amoxicilin và 62,5mg acid clavulanic giải phóng kéo dài đạt

**tiêu chuẩn USP38/** ThS. Lê Đình Quang, ThS. Nguyễn Phương Nhung; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chiến; TS. Phạm Bảo Tùng; ThS. Đoàn Thị Thu Hương; DS. Bùi Thảo Nguyên; ThS. Ngô Quốc Trung; TS. Trần Thị Hồng Anh; TS. Tạ Mạnh Hùng; DS. Trần Trọng Biên - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thuyết minh đề tài; Xây dựng và tối ưu hóa công thức bào chế viên nén 2 lớp amoxicilin/acid clavulanic 1000/62,5 giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38 ở qui mô phòng thí nghiệm; Nâng cấp qui trình bào chế ở qui mô 10.000 viên; Đánh giá khả dụng và tương đương sinh học viên nén bào chế ở trạng thái no; Theo dõi độ ổn định của viên nén bào chế; Tổng kết, đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-49/ĐK-TTTT&TK

#### 4. Khoa học nông nghiệp

77321. 08-2022 **Xây dựng và khảo nghiệm quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo rũ (*Fusarium oxysporum*) và thối gốc (*Phytophthora nicotianae*) trên mè/** PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga, PGS.TS. Lê Vĩnh Thúc; TS. Huỳnh Nguyễn Bảo Loan; ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên; ThS. Trương Thị Hương; ThS. Cao Kiều Thùy Linh; KS. Huỳnh Anh Tuấn - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ, 2018; 09/2015 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo rũ (*Fusarium oxysporum*) và thối gốc (*Phytophthora nicotianae*) trên mè nhằm góp phần giúp nông dân quản lý hai bệnh này một cách hiệu quả, giảm việc sử dụng thuốc hóa học. Đánh giá hiệu quả phòng trị của xạ khuẩn và thuốc hóa học đối với bệnh héo rũ và thối gốc trên mè trong điều kiện nhà lưới. Đánh giá quy trình quản lý tổng hợp đối với bệnh héo rũ (*F. oxysporum*) và thối gốc (*P. nicotianae*) ở điều kiện ngoài đồng. Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-01/KQNC

77323. 08-2022 **Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất rau non (rau baby) an toàn cho vùng rau thành phố Cần Thơ** / ThS. Lê Thị Thúy Kiều, PGS.TS. Trần Thị Ba; ThS. Nguyễn Thị Mỹ An; ThS. Nguyễn Thị Thu An; KS. Đặng Hoài Ân; ThS. Nguyễn Ý Nguyễn; KS. Tiêu Thanh Vũ; ThS. Huỳnh Thị Ngọc Linh; CN. Lâm Như Thùy - Cần Thơ - Trung tâm Dịch vụ Khoa học và Công nghệ Cần Thơ, 2019; 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất rau non (rau baby) an toàn cho vùng rau thành phố Cần Thơ, thực hiện từ tháng 07/2018 đến tháng 10/2019 tại 2 hộ dân thuộc quận Ninh Kiều và Bình Thủy. Một số giải pháp trọng tâm giúp nâng cao niềm tin của người tiêu dùng như sau: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao ý thức trách nhiệm của người tiêu dùng đối với nông sản an toàn, quảng bá, xây

dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, về các tiêu chuẩn chất lượng của rau an toàn. Xây dựng kênh phân phối rau an toàn đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đa dạng hóa sản phẩm rau an toàn. Chuỗi sản xuất rau an toàn thành phố Cần Thơ qua 3 kênh với 4 tác nhân, trong đó kênh 1 là chủ lực chi phối hoạt động cung ứng rau an toàn cho thành phố.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-03/KQNC

78561. 08-2022 **Xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới của huyện cung ứng dịch vụ kết hợp sản xuất nông nghiệp huyện Vĩnh Thạnh** / PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, ThS. Lê Bửu Minh Quân; ThS. Lê Văn Dẽ ; TS. Trần Thanh Bé; CN. Trần Hoàng Tuyên ; KS. Nguyễn Thanh Phong; TS. Trần Hoàng Hiếu - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2020; 05/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá hiện trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh và năng lực quản lý điều hành của các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh nhằm xác định các nhu cầu nâng cao năng lực, xây dựng các dịch vụ phục vụ sản xuất và liên kết tiêu thụ. sản phẩm nông nghiệp của HTX; Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tiếp cận thị trường đáp ứng theo yêu cầu HTX kiểu mới cho lực lượng cán bộ HTX, xã viên của các HTX nông nghiệp điển hình của huyện Vĩnh Thạnh thông qua tập huấn; Xây dựng 03 mô hình thí điểm thực hiện hoạt động dịch vụ cung ứng đầu vào, liên kết tiêu thụ tập trung thông qua HTX

theo hình thức kiểu mới. Gắn với hoạt động sản xuất sản phẩm theo hướng an toàn cho 03 HTX nông nghiệp thực hiện mô hình điển hình HTX kiểu mới trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh; Đánh giá tổng kết và rút ra bài học kinh nghiệm cho các mô hình dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh và liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa của HTX trong thời gian của dự án, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn huyện.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-10/KQNC

80001. 08-2022 **Phân tích, định danh và đánh giá hoạt tính kháng cỏ dại của các hợp chất hóa học trong cây mai dương (*Mimosa pigra*)**/ TS. Đỗ Tấn Khang, TS. Trần Thanh Mến ; TS. Nguyễn Văn Ấy ; TS. Nguyễn Trọng Tuấn ; TS. Nguyễn Phúc Đảm ; ThS. Trần Văn Bé Năm ; TS. Nguyễn Phạm Anh Thi; TS. Huỳnh Nguyễn Bảo LoanL; CN. Nguyễn Lê Trâm Anh - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2020; 09/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng ức chế sinh trưởng thực vật của cây mai dương, phân lập và định danh các hợp chất liên quan đến hoạt tính ức chế thực vật của cao phân đoạn, đồng thời tối ưu quy trình ly trích hợp chất có hoạt tính cao nhất. Kết quả ghi nhận hoạt tính ức chế thực vật của các bộ phận cho thấy trái và lá có hoạt tính cao hơn cao chiết các bộ phận khác; Cao phân đoạn ethyl acetate của lá và trái đều thể hiện hoạt tính ức chế

cỏ mạnh; Có sáu hợp chất đã được phân tách từ phân đoạn ethyl acetate bao gồm MD01-Chrysoeriol, MD03-Methyl gallate, MD04-Daucosterol, MD05-Quercetin, MD06-Lupeol, MD07-Stigmastane-3,6-dione. Trong đó hợp chất MD05 – Quercetin có hoạt tính ức chế thực vật cao nhất đối với cỏ lồng vực. Quy trình ly trích cao chiết có hàm lượng quercetin cao được tối ưu dựa trên nồng độ dung môi ethanol 60% với sự hỗ trợ của sóng siêu âm ở 500W trong 1h. Hoạt chất được ly trích có thể ứng dụng trong công thức hóa thuốc diệt cỏ sinh học.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-01/KQNC

81612. 08-2022 **Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá heo (*Yasuhikotakia modesta* Bleeker, 1865) tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ** / ThS. Nguyễn Thanh Hiệu, PGS.TS. Dương Nhật Long ; PGS.TS. Lam Mỹ Lan ; ThS. Phạm Thị Cẩm Lài ; ThS. Nguyễn Hồng Quyết Thắng ; KS. Đoàn Anh Thư ; KS. Nguyễn Thanh Bình ; KS. Trần Văn Đáp; ThS. Chung Khánh Nghị - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá heo (*Yasuhikotakia modesta* Bleeker, 1865) tại quận Thốt Nốt Thành Phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020. Triển khai thành công 01 lớp tập huấn kỹ thuật về một số đặc điểm sinh học và xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá heo tại quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Thực

nghiệm nuôi cá heo trong vèo đặt trong ao ở mật độ 300 con/m<sup>2</sup> cho tỷ lệ sống khác biệt không có ý nghĩa (p>0,05) so với mật độ 200 và 250 con/m<sup>2</sup>. Thực nghiệm nuôi cá heo trong vèo đặc trong ao cho tăng trưởng tuyệt đối về khối lượng từ 0,028 – 0,034 g/ngày, Thực nghiệm nuôi cá heo trong bè trên sông sau 10 tháng nuôi đạt khối lượng 16,38 - 17,43 g/con, tăng trưởng tuyệt đối về khối lượng, mô hình chưa mang lại lợi nhuận cho hộ nuôi.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-08/KQNC

### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

72821. 08-2022 **Phát triển mô hình thâm canh đậu tương ĐT 26 trên đất lúa Hà Nội**/ ThS. Nguyễn Thị Loan, ThS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Nguyễn Đạt Thuận; TS. Trần Thị Trường; KS Lê Thị Thoa; KS. Vũ Kim Dung; KS. Trần Thị Thanh Thủy; KS. Nguyễn Thị Diệu Linh; ThS. Nguyễn Ngọc An. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ, 2018; 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh, phù hợp với điều kiện canh tác đậu tương vụ đông tại vùng đất vùn cao, đất vùn và đất vùn thấp của Hà Nội nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế cho giống đậu tương ĐT26; Sản xuất hạt giống đậu tương ĐT26: 2,0 tấn hạt giống siêu nguyên chủng; 27 tấn hạt giống nguyên chủng và 600 tấn hạt giống xác nhận; Xây dựng 03 mô hình thâm canh đậu tương đông trên 3



vùng đất lúa, đại diện cho vùng đất vùn cao, vùn, vùn thấp của Hà Nội. Qui mô 100 ha/mô hình, năng suất vượt đại trà 15-20%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-20/ĐK-TTTT&TK

82769. 08-2022 **Nghiên cứu, tuyển chọn giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Trà Vinh/** TS. Lê Quang Tuyền, - Trà Vinh - Viện nghiên cứu mía đường, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn 1 – 2 giống mía có năng suất cao và chất lượng tốt, năng suất quy 10 CCS vượt giống đối chứng từ 10% trở lên, phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Trà Vinh. Đề xuất quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống mía mới được tuyển chọn phù hợp với vùng đất của tỉnh Trà Vinh. Kết quả theo dõi, đánh giá và đã tuyển chọn được 2 giống mía mới triển vọng có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh hại và chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của vùng. Cụ thể giống Suphanburi 50 và Uthong 1 trong khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất có năng suất mía thực thu đạt từ 112,24 đến 130,82 tấn/ha/vụ, vượt đối chứng từ 15,78 đến 39,38%. Chứ đường đạt 11,70 đến 13,23 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt từ 133,47 đến 164,63 tấn/ha/vụ và vượt đối chứng từ 18,86 đến 45,15%.

Số hồ sơ lưu: TVH-004-2021

82773. 08-2022 **Sản xuất giống khoai tây cấp xác nhận quy mô hàng hóa/** ThS. Nguyễn Văn Hữu,

ThS. Lê Văn Chiến - Nam Định - Trung tâm giống cây trồng Nam Định, 2020; 10/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sửa chữa 25 kho bảo quản lạnh đảm bảo đủ các điều kiện để bảo quản giống khoai tây cấp xác nhận theo nội dung dự án. Tập huấn kỹ thuật sản xuất giống khoai tây cấp xác nhận cho 750 người và tập huấn kỹ thuật vận hành kho lạnh bảo quản củ giống khoai tây cho 25 người. Sản xuất khoai tây giống sạch bệnh cấp xác nhận tại 4 xã trong tỉnh, quy mô 170 ha trong 02 vụ (vụ đông năm 2017 là 70 ha, vụ đông 2018 là 100 ha), sản phẩm thu được 1.700 - 2.040 tấn củ giống khoai tây cấp xác nhận đạt chất lượng theo tiêu chuẩn QCVN 01-52:2011/BNNPTNT.

Số hồ sơ lưu: NDH-006-2021

82825. 08-2022 **Tuyển chọn các giống lúa mùa nổi chất lượng cao phù hợp điều kiện tỉnh An Giang/** TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân, ThS. Lê Hữu Phước; TS. Nguyễn Văn Kiên; TS. Hồ Thanh Bình; ThS. Lê Thanh Phong; ThS. Trang T Mỹ Duyên; ThS. Trịnh Thanh Duy; ThS. Huỳnh Đào Nguyên; Nguyễn Thị Mỹ Linh - An Giang - Trường đại học An Giang, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát đặc tính sinh học, điều kiện sinh trưởng, phát triển và phân tích đa dạng di truyền của các giống/dòng lúa nổi ở địa phương. Tiến hành tuyển chọn các dòng có năng suất cao hơn giống địa phương, có phẩm chất cao. Khảo sát 15

giống/dòng lúa mùa nổi và so sánh năng suất 8 giống/dòng lúa mùa nổi ở các vùng chịu ảnh hưởng của lũ. Qua đó, phân tích đánh giá và lựa chọn giải pháp để phát triển, bảo tồn các giống lúa mùa nổi đặc sắc và kết hợp phát triển du lịch.

Số hồ sơ lưu: AGG-009-2021

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

77153. 08-2022 **Nghiên cứu tuyển chọn và kỹ thuật canh tác một số giống hoa lay ơn mới tại Hà Nội/** ThS. Trần Văn Tam, ThS. Đặng Văn Lãm; ThS Hà Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Xuân Kết; ThS. Ngô Văn Kỳ; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền; KS. Trần Hải An; KS. Trần Thị Xuân; KTV. Nguyễn Ngọc Sơn; KTV. Ngô Hồng Thu; KTV. Nguyễn Văn Thành; KTV. Nguyễn Xuân Hải; KTV. Bùi Thị Thanh; KTV Quách Thị Hảo - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hoa, cây cảnh, 2020; 08/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tuyển chọn một số giống lay ơn mới phù hợp với điều kiện sinh thái Hà Nội; Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống hoa lay ơn tại Hà Nội; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng và canh tác giống lay ơn; Xây dựng mô hình sản xuất giống hoa lay ơn triển vọng trong vụ xuân hè và vụ thu đông; Xây dựng mô hình sản xuất hoa lay ơn thương phẩm trong vụ đông và vụ xuân hè

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-22/ĐK-TTTT&TK

82187. 08-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đơn bội chọn tạo giống bí xanh lai F1 năng suất cao, chất lượng tốt tại Hà Nội/** TS. LÊ VĂN HẢI, ThS. Nguyễn Hải Yên; ThS. Bùi Văn Duy; ThS. Nguyễn Hồng Tiến; KS. Nguyễn Thị Quỳnh; KS. Nguyễn Thị Hằng Nga; KS. Nguyễn Thị Thanh; KS. Phạm Duy Đức; KS. Đặng Thị Phương; KS. Trần Quốc Cường; TS. Đoàn Xuân Cảnh; TS. Ngô Thị Minh Tâm; ThS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Nguyễn Đình Cấp; KS. Doãn Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Doãn Thảo; Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích; Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền; Bà Bùi Thị Thúy; KS. Trần Thị Thu Hương; KS. Nguyễn Thị Huyền; KS. Bùi Đức Hải; KS. Nguyễn Văn Tài; CN. Nguyễn Thị Minh Hương; KS. Phạm Mạnh Thắng; KS. Nguyễn Quang Trung - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao Tiến bộ kỹ thuật Ngô, 2021; 08/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu chọn tạo 05 tổ hợp bí xanh lai mới triển vọng có năng suất cao, chất lượng tốt và sản xuất hạt lai của 05 tổ hợp lai; Nghiên cứu xác định 01 giống bí xanh lai có năng suất ít nhất 45 tấn/ha/vụ, thời gian sinh trưởng ngắn (110-120 ngày trong vụ xuân, 90-100 ngày trong vụ Thu Đông), chất lượng tốt; Nghiên cứu xây dựng quy trình thâm canh cho giống bí xanh lai F1 triển vọng; Xây dựng mô hình thâm canh giống bí xanh lai F1 (Khảo nghiệm diện rộng)

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-05/ĐK-TTTT&TK

82191. 08-2022 **Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển một số giống nhãn chín sớm có triển vọng tại Hà Nội/** ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng, ThS. Hoàng Thị Minh Lý; ThS. Đào Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Đoàn Đức Hoàng; ThS. Võ Văn Thắng; KS. Ngô Xuân Tùng; ThS. Ngô Thị Hoàng Liên; ThS. Vũ Thị Hương; KTV. Phạm Thị Kim Oanh - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2021; 08/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định một số giống nhãn chín sớm thích hợp tại Hà Nội.; Nghiên cứu, bình tuyển cây đầu dòng của một số giống nhãn chín sớm có triển vọng; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống nhãn chín sớm; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình trồng và chăm sóc nhãn chín sớm; Xây dựng mô hình trồng mới, mô hình ghép cải tạo một số giống nhãn chín sớm được tuyển chọn tại Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-03/ĐK-TTTT&TK

82772. 08-2022 **Tuyển chọn và phát triển giống/ dòng quýt đường ưu tú cho tỉnh Trà Vinh/** TS. Trần Thị Oanh Yến, TS. Trần Thị Oanh Yến; ThS. Nguyễn Nhật Trường; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diễm; TS. Nguyễn Phương Thủy; ThS. Đào Thị Bé Bảy; ThS. Phạm Thành Chul; TS. Bùi Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Nga; Lê Văn Bé; KS. Nguyễn Hùng Mạn - Trà Vinh - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng và đặc tính giống/ dòng quýt Đường đang được trồng thương phẩm tại tỉnh Trà Vinh. Tuyển chọn và công nhận 02 - 03 cá thể quýt Đường đầu dòng có năng suất, chất lượng cao, ổn định cho tỉnh Trà Vinh. Chuyển giao kỹ thuật bình tuyển và nhân giống vô tính quýt Đường. Nhân và sản xuất cây giống quýt Đường phục vụ phát triển sản xuất (200 cây/cây đầu dòng).

Số hồ sơ lưu: TVH-007-2021

82826. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng và phát triển các loại cây ăn quả vùng Bảy Núi phục vụ du lịch tỉnh An Giang/** GS. TS. Trần Văn Hậu, ThS. Phạm Thành Tôn; TS. Trần Sỹ Hiếu; PGS. TS. Dương Ngọc Thành; ThS. Nguyễn Công Toàn - An Giang - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020; 12/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình cải tạo và trồng mới diện tích 1,4ha vườn cây ăn quả có chất lượng cao theo hướng chuyên canh, xen canh vùng Bảy Núi phục vụ phát triển du lịch và kinh tế địa phương. Xây dựng mô hình sản xuất xoài cát Hòa Lộc đạt tiêu chuẩn VietGAP và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm xoài cát Hòa Lộc của địa phương. Tiến hành bình tuyển cây vú sữa trắng đầu dòng phục vụ cho công tác bảo tồn nguồn gen, nghiên cứu phát triển và hỗ trợ chuyển giao quy trình sản xuất giống cây ăn quả. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật canh tác cây ăn quả cho cán bộ kỹ thuật và nông dân. Đồng thời, phân tích chuỗi giá trị các mô hình cây ăn quả đặc sản vùng Bảy núi, tỉnh An Giang. Qua đó đưa

ra định hướng và giải pháp phát triển các loại cây ăn quả phù hợp tại các địa phương, kết hợp xây dựng phát triển du lịch.

Số hồ sơ lưu: AGG-008-2021

82829. 08-2022 **Nghiên cứu, chọn lọc một số giống cam mới thu hoạch rải vụ có năng suất và chất lượng cao cho vùng cam huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang/** KS. Phạm Quốc Hùng, KS. Tạ Thị Thu, KS. Ma Thị Thuận; KS. Nguyễn Tiến Nghiệp; KS. Nông Văn Sản; KS. Hà Văn Hưng; KS. Lô Văn Cấp; KS. Nguyễn Trương Toàn; TS. Lương Thị Huyền; TS. Nguyễn Thị Bích Lan - Hàm Yên - Trung tâm cây ăn quả Hàm Yên, 2021; 01/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát địa điểm xây dựng mô hình trồng và thâm canh 5 giống cam mới, rải vụ, sạch bệnh, gồm: Giống cam V2 (giống chín muộn), cam CT36, cam CT9 (giống chín trung bình) và giống BH, giống CS1 (giống chín sớm); sử dụng giống cam sành Hàm Yên làm đối chứng trên quy mô 1.0ha/1 giống (tổng 6,0ha). Nghiên cứu, chọn lọc 2-3 giống cam mới thu hoạch rải vụ, có năng suất và chất lượng cao cho vùng cam huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tiến hành đào tạo 30 kỹ thuật viên và tập huấn cho 150 người dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc và thâm canh các giống cam mới, rải vụ. Đồng thời, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và thâm canh các giống cam mới được lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: TQG-003-2021

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

81619. 08-2022 **Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển giống cỏ ngọt mới cho Hà Nội/** ThS. Nguyễn Hoài Thu, KS. Nguyễn Thị Mỹ Châu; PGS. TS. Lê Khả Tường; ThS. Hoàng Thị Huệ; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương; KS. Trần Thị Thùy Dương; ThS. Hoàng Thị Thụy Thủy - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020; 08/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tuyển chọn giống cỏ ngọt mới; Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống cỏ ngọt mới; Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cho giống cỏ ngọt mới; Nghiên cứu xây dựng quy trình thu hoạch, sơ chế và bảo quản giống cỏ ngọt mới; Xây dựng mô hình trình diễn giống cỏ ngọt mới (Kết hợp khảo nghiệm sản xuất giống cỏ ngọt mới)

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-37/ĐK-TTTT&TK

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

82189. 08-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội/** TS. Lã Nguyên Khang, TS. Lê Sỹ Doanh; GS.TS. Trần Văn Mão; TS. Phạm Văn Duẩn; PGS. TS. Trần Quang Bảo; PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh; PGS.TS. Vũ Tiến Thịnh; ThS. Nguyễn Văn Thi; ThS. Nguyễn Hữu Văn; ThS. Nguyễn Thị Mai

Dương; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Kiều Đăng Anh; KS. Lê Sỹ Hòa; ThS. Lê Thành Công; TS. Phạm Hoàng Phi; ThS. Lại Thị Loan; TS. Dương Thanh Hải; KS. Nguyễn Trường Giang - Hà Nội - Viện Sinh thái rừng và Môi trường, 2021; 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quần thể Lim xanh tại Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và; Nghiên cứu nguyên nhân và các yếu tố tác động tới quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử cấp quốc gia Đền Và; Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và; Đề xuất giải pháp tổng hợp bảo tồn quần thể Lim xanh tại di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-11/ĐK-TTTT&TK

82828. 08-2022 **Nghiên cứu sản phẩm vi khuẩn *Bacillus* spp. tự do và nội sinh trong cây cao su từ quy mô ex-vivo đến in-vivo nhằm phòng trừ sinh học bệnh rụng lá cao su corynespora tại tỉnh Bình Phước/** ThS. Nguyễn Văn Minh, TS. Nguyễn Bảo Quốc; TS. Nguyễn Anh Nghĩa; TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu; ThS. Dương Nhật Linh; TS. Trịnh Ngọc Nam; ThS. Lý Văn Dưỡng; CN. Trần Thị Á Ni; CN. Dương Thị Hà; CN. Đỗ Ngọc Nam - Bình Phước - Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 2020; 03/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân lập và xác định các chủng nấm rụng lá cao su *C. cassiicola*, xác định các chủng nấm *C. cassiicola* có khả năng gây bệnh mạnh nhất dựa trên việc quan sát hình thành các cấu trúc xâm nhiễm, gây bệnh ex-vivo trên lá cao su. Đánh giá hiệu quả phòng trừ sinh học nấm *C. cassiicola* của chế phẩm kháng nấm trên mô hình đĩa petri và sau khi gây nhiễm nhân tạo trên lá cao su cắt rời. Tối ưu hóa môi trường nuôi cấy các dòng vi khuẩn tự do và nội sinh phân lập được từ cây cao su để nâng cao hạt tính kháng nấm, tiến hành sản xuất và đánh giá chất lượng chế phẩm kháng nấm, đồng thời đánh giá hiệu quả phòng trừ sinh học bệnh rụng lá *Corynespora* của chế phẩm kháng nấm khi lây nhiễm trên cây cao su trong quy mô nhà lưới. Tiến hành trình diễn, đánh giá hiệu quả, định danh các chủng vi sinh vật tiềm năng bằng phương pháp truyền thống và phương pháp phân tử. Xây dựng quy trình ứng dụng chế phẩm vi sinh nhằm kiểm soát nấm *C. cassiicola* trên cây cao su thực tế.

Số hồ sơ lưu: BPC-001-2021

#### **40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác**

77168. 08-2022 **Nghiên cứu phát triển mô hình sản xuất rau gia vị hữu cơ gắn với du lịch nông nghiệp tại Ba Vì, Hà Nội/** TS. Ngô Kiều Oanh, ThS. Vũ Văn Tùng; ThS. Đào Hữu Hào; TS. Bùi Thị Thu Huyền; CN. Vũ Đức Chí; CN. Đoàn Trần Nhân; TS. Trần Thị Thanh Bình; ThS. Kiều Thị Thuyên; ThS. Lê Trung Hưng; CN. Đoàn Thị Ngọc Tam - Hà Nội - Công ty TNHH ATC

Việt Nam, 2020; 07/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định 05-10 loại rau gia vị thích hợp đủ điều kiện sản xuất và cung ứng hàng hóa nguồn rau gia vị hữu cơ cho vùng Ba Vì, Hà Nội. Nghiên cứu quy trình sản xuất rau hữu cơ gia vị cho các loại rau được xác định. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất, tiêu thụ, gắn với du lịch nông nghiệp, quy mô 3ha (hiệu quả kinh tế tăng 20% so với trước khi xây dựng mô hình).

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-29/ĐK-TTTT&TK

**82482. 08-2022 Xây dựng mô hình liên kết bưởi da xanh xen trong vườn dừa theo tiêu chuẩn hữu cơ – PGS tại xã Tân Trung, huyện Mỹ Xuyên/ Kỹ sư Đặng Thanh Tùng, KS Đặng Thanh Tùng; KS Nguyễn Chánh Bình; ThS Lê Trí Nhân; KS Võ Công Nuôi; KS Trần Thị Vân; KS Nguyễn Thị Xuân Hồng - Bến Tre - Hội Nông dân tỉnh Bến Tre, 2021; 02/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng mô hình bưởi xen vườn dừa theo tiêu chuẩn hữu cơ - PGS với diện tích 5 ha. Tổ chức tập huấn chuyển giao công nghệ cho cán bộ huyện, nông dân của hợp tác xã 2 lớp 50 nông dân. Xây dựng chuỗi liên kết bưởi da xanh (có hợp đồng đầu ra của hợp tác xã với doanh nghiệp).

Số hồ sơ lưu: BTE-160-2021

**82654. 08-2022 Nghiên cứu đề xuất định hướng bảo tồn, phát triển cây mận Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp./ TS.**

Nguyễn Kim Búp, TS. Nguyễn Kim Búp; TS. Vân Hồng Thiện; TS. Lu Ngọc Trâm Anh; ThS. Võ Thị Phụng; ThS. Phạm Văn Hiệp - Trường Đại học Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong số những giống mận được trồng ở Việt Nam, mận Hòa An là giống cây ăn trái đặc sản của xã Hòa An thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trái mận này có hình chuông úp, vỏ trái màu ửng hồng, đặc ruột, bên trong có vài hạt nhỏ như hạt tiêu. Khi trái chín có vị ngọt thanh, không quá nhiều nước và cũng không có vị chát như những loại mận khác. Nhờ những tính chất rất riêng này mận Hòa An nổi tiếng với món cá lóc đồng hấp mận mà không có loại mận nào sánh bằng hay thay thế được. Trong thời gian dài, trái mận Hòa An đã tạo nên bản sắc văn hóa ẩm thực độc đáo của người Đồng Tháp, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện kinh tế của nhà vườn.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-005

**82655. 08-2022 Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ đạt hiệu quả kinh tế cao đối với cây rau tại xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự/ TS. Trần Kim Cương, TS. Trần Kim Cương; ThS. Nguyễn Ngọc Vũ; ThS. Nguyễn Việt Thanh; TS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Nguyễn Khánh Ngọc; ThS. Đặng Linh Mẫn - Viện Cây ăn quả miền Nam - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020; 02/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Để có được những mối liên kết hiệu quả và bền vững, việc sản xuất của các dạng hợp tác (nhóm/ tổ hợp tác/ hợp tác xã) phải được thực hiện theo GAP (quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt), áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất chung bao gồm các giải pháp kỹ thuật (giống, canh tác, bảo vệ thực vật, sau thu hoạch) phù hợp nhất. Mối liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ chi bền chặt khi sản phẩm được tiếp cận và đầu tư các công nghệ như công nghệ bảo quản, công nghệ bao bì, tem nhãn truy xuất nguồn gốc... giúp quản lý chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, giảm các tổn thất sau thu hoạch và tăng giá trị sản phẩm, từ đó tăng khả năng tiếp cận các thị trường mới, phát triển và mở rộng thị trường nhằm giải quyết các vấn đề giá cả cho sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-002

**81620. 08-2022 Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng gừng trong bao và phát triển một số giống gừng mới chất lượng cao tại Hà Nội phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu/** ThS. Trịnh Thùy Dương, ThS. Phạm Thị Kim Hạnh; PGS. TS. Lê Khả Tường; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Phương Quý; ThS. Phí Đình Nam; ThS. Lê Văn Tú; CN. Bùi Văn Mạnh; KS. Nguyễn Ngân Trang; KS. Nguyễn Minh Giang - hà nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020; 08/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống invitro, Nghiên cứu hoàn thiện quy

trình chăm sóc ngoài vườn ươm, Nghiên cứu hoàn thiện quy trình trồng trong bao sản xuất củ giống và củ thương phẩm từ cây invitro cho 2 giống gừng mới; Đào tạo, tập huấn; Sản xuất thử nghiệm

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-36/ĐK-TTTT&TK

**82179. 08-2022 Hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế lắp đặt dây chuyền sản xuất nắm hương và nắm linh chi theo hướng công nghiệp/** THS. Trần Sỹ Hùng, ThS. Mai Thị Anh Đào; TS. Trịnh Quốc Dũng; GS.TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Nguyễn Tiến Cường; ThS. Vũ Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Ngô Xuân Nghiễn; PGS.TS. Đỗ Thị Hà; KS. Nguyễn Tấn Quốc; KS. Nguyễn Danh Thịnh; KS. Vũ Việt Hải; ThS. Trần Đông Anh; ThS. Nguyễn Thị Luyện; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Trịnh Việt Thiệu; TS. Hồ Hữu Phong; ThS. Vũ Thị Diệp - hà nội - Hợp tác xã nắm Nghĩa Minh, 2021; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, chế biến nắm hương và linh chi; Chuẩn bị cơ sở vật chất cho dự án sản xuất thử nghiệm gồm 01 dây chuyền sản xuất nắm hương khô và 01 dây chuyền sản xuất linh chi khô công suất 02 tấn/năm mỗi loại; Sản xuất thử nghiệm; Đào tạo cho đội ngũ công nhân cán bộ kỹ thuật; Kiểm định sản phẩm, xây dựng bộ tiêu chuẩn sản phẩm dự án; Tổng kết, đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật của dự án

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-17/ĐK-TTTT&TK

82717. 08-2022 **Quản lý, phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm xoài Tứ Quý huyện Thạnh Phú/** CN Nguyễn Ngọc Tân, CN Nguyễn Ngọc Tân; KS Nguyễn Khuyến Khích; KS Lê Hoàng Quốc Huy; CN Võ Văn Hiện; KS. Lê Minh Hoàng; CN Nguyễn Văn Bảo; CN Nguyễn Văn Tại; KS Phạm Thị Viễn; Nguyễn Văn Trường. - Bến Tre - UBND huyện Thạnh Phú, 2021; 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật và phát triển nhãn hiệu, kết nối thương mại cho sản phẩm xoài Tứ Quý huyện Thạnh Phú.

Số hồ sơ lưu: BTE-159-2021

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

75920. 08-2022 **Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và ứng dụng thiết bị hạ thủy phần mật ong kiểu bơm nhiệt tại vùng nuôi ong nội thành phố Hà Nội./** KS. Nguyễn Đức Lâm, ThS. Nguyễn Thông Thành; TS. Phạm Đức Hạnh; TS. Trương Anh Tuấn; ThS. Bùi Trọng Diễm; KS. Phạm Văn Mạnh; KS. Nguyễn Quốc Hùng; KS. Đặng Văn Thắng; KS. Lê Thanh Sơn; KS. Nguyễn Văn Đường; KS. Nguyễn Thanh Tùng; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; KS. Nguyễn Trung Thành; Lò Văn Tiếp - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019; 08/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra đánh giá tình hình nuôi ong và khai thác sản phẩm tại huyện Ba Vì- Hà Nội. Hoàn thiện thiết kế. Chế tạo thiết bị sản xuất theo thiết kế. Vận chuyển, lắp đặt, chạy thử nghiệm và đào tạo vận hành sản xuất cho cơ sở tiếp nhận. Hội thảo đánh giá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-15/ĐK-TTTT&TK

81642. 08-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường chăn nuôi bò tại huyện Gia Lâm, Hà Nội/** PGS.TS. Tăng Thị Chính, ThS. Đặng Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Sỹ Nguyên; TS. Bùi Văn Cường; PGS.TS. Dương Thị Thủy; KS. Phùng Đức Hiếu; KS. Nguyễn Minh Thư; ThS. Ninh Thị Lành; Ông Nguyễn Văn Tuấn; Bà Ngô Thị Thùy Dương; Ông Nguyễn Ánh Quang; Ông Đào Văn Cải; Ông Nguyễn Bạch Xuyên; Bà Nguyễn Hải Yến - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2020; 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng chăn nuôi bò sữa, bò thịt và hiện trạng môi trường trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt (chất thải rắn, nước thải và mùi) tại huyện Gia Lâm. Nghiên cứu đề xuất mô hình công nghệ xử lý phù hợp với điều kiện địa phương và lựa chọn địa điểm lắp đặt mô hình; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường chăn nuôi bò sữa tại Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá có các hộ chăn nuôi bò sữa nằm phân tán trong khu dân cư; Nghiên cứu ứng dụng công



nghệ sinh học để xử lý môi trường chăn nuôi bò thịt cho khu chăn nuôi tập trung tại Lệ Chi; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của 2 mô hình (xử lý môi trường chăn nuôi bò tại thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá và mô hình tại Lệ Chi) và đề xuất phương án nhân rộng mô hình;

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-67/ĐK-TTTT&TK

#### **40403. Quản lý và bảo vệ rừng**

82189. 08-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội/** TS. Lã Nguyên Khang, TS. Lê Sỹ Doanh; GS.TS. Trần Văn Mão; TS. Phạm Văn Duẩn; PGS. TS. Trần Quang Bảo; PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh; PGS.TS. Vũ Tiến Thịnh; ThS. Nguyễn Văn Thị; ThS. Nguyễn Hữu Văn; ThS. Nguyễn Thị Mai Dương; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Kiều Đăng Anh; KS. Lê Sỹ Hòa; ThS. Lê Thành Công; TS. Phạm Hoàng Phi; ThS. Lại Thị Loan; TS. Dương Thanh Hải; KS. Nguyễn Trường Giang - Hà Nội - Viện Sinh thái rừng và Môi trường, 2021; 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quần thể Lim xanh tại Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và; Nghiên cứu nguyên nhân và các yếu tố tác động tới quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử cấp quốc gia Đền Và; Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu quần thể Lim xanh tại Di tích lịch sử văn hóa

cấp quốc gia Đền Và; Đề xuất giải pháp tổng hợp bảo tồn quần thể Lim xanh tại di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền Và

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-11/ĐK-TTTT&TK

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

78497. 08-2022 **Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình nuôi xen ghép tôm thẻ chân trắng và cá Dìa trong ao đất tại Hà Tĩnh/** KS. Phạm Văn Huy, KS. Bùi Thị Thùy Dương; KS. Nguyễn Văn Hùng; Bùi Quốc Việt; Phan Văn Thúc; Nguyễn Văn Thắng - Hà Tĩnh - Công ty TNHH Trí Đức Hà Tĩnh, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi xen ghép tôm thẻ chân trắng và cá Dìa trong ao đất với quy mô 02 ha (01 ha nuôi tôm làm đối tượng nuôi chính, 01 ha lấy cá Dìa làm đối tượng chính), tổng sản lượng tôm đạt 8 tấn và sản lượng cá đạt 7 tấn, trọng lượng bình quân khi thu hoạch cá Dìa đạt 0,25 kg/con, tôm kích cỡ 70 con/kg. Hoàn thiện quy trình nuôi xen ghép tôm thẻ chân trắng và cá Dìa trong ao đất phù hợp với điều kiện Hà Tĩnh góp phần phát triển và nhân rộng mô hìnhra diện rộng. Đề xuất các giải pháp, định hướng phát triển, nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 2020 – 30 –004/ KQNC

78501. 08-2022 **Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình nuôi**

**Cua đồng (Somanniathelphusa sinensis) thương phẩm tại xã Xuân Liên - Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh/** ThS. Nguyễn Đức Khánh, Ks. Lê Văn Mạnh; Ks. Lê Quang Sáng; Ks. Nguyễn Văn Cảnh. - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Nghi Xuân, 2019; 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi cua đồng trên diện tích 6.000 m<sup>2</sup> (0,6 ha), mật độ nuôi 35 con/m<sup>2</sup>, thời gian nuôi 04 tháng/vụ; 02 vụ/năm; tỷ lệ nuôi sống 60 - 70%; sản lượng thu hoạch dự kiến 2,73 tấn cua thương phẩm/vụ và 5,46 tấn/năm; cho năng suất dự kiến 4,55 tấn cua thương phẩm/ha/năm. Thông qua dự án có 100 lượt người dân trên địa bàn được tập huấn nắm vững quy trình kỹ thuật nuôi cua đồng thương phẩm. Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi cua đồng thương phẩm phù hợp với điều kiện sinh thái tại huyện Nghi Xuân.

Số hồ sơ lưu: 2020 – 30 –005/ KQNC

**79031. 08-2022 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm chim Yến tại xã Nam Hương- Thạch Hà/** ThS. Bùi Quốc Sơn, CN. Nguyễn Hoàng Mai Chi; ThS. Phan Tuấn Cường; ThS. Trương Thị Liên; ThS. Ngô Thị Hằng; CN. Phan Thành Nam - Hà Tĩnh - Trung tâm UDKHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Thạch Hà, 2019; 10/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đào tạo, chuyển giao quy trình công nghệ xây dựng nhà nuôi chim yến theo công nghệ giữ nhiệt. Chuyển giao quy trình công nghệ: Công nghệ dẫn dụ chim yến tự nhiên, Kỹ thuật thu hoạch tổ Yến, Kỹ thuật sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm, Công nghệ tạo thức ăn nhân tạo cho chim trong nhà Yến; Xây dựng 01 mô hình nhà nuôi chim yến bằng công nghệ giữ nhiệt với quy mô diện tích 300m<sup>2</sup> sản nuôi, năng suất đạt 2,5-3 kg tổ yến/300 m<sup>2</sup> trong năm đầu khi đi vào thu hoạch và các năm tiếp theo năng suất tăng lên từ 1,5- 2 lần so với năm đầu

Số hồ sơ lưu: 2020 – 30 –002/ KQNC

**81618. 08-2022 Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ biofloc nuôi thâm canh cá rô phi thương phẩm trong ao trên địa bàn Hà Nội/** ThS. TẠ VĂN SƠN, TS. Lê Văn Khôi; ThS. Vũ Văn Trung; ThS. Nguyễn Thị Biên Thùy; ThS. Nguyễn Đình Tiệp; ThS. Nguyễn Quế Hương; KS. Lê Thị Long; KS. Nguyễn Thị Thùy - Hà Nội - Chi cục Thủy sản Hà Nội, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nuôi cá rô phi thâm canh trong ao ứng dụng công nghệ biofloc tại Hà Nội; Đào tạo, tập huấn; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ biofloc nuôi cá rô phi thâm canh trong ao tại Hà Nội; Xây dựng sổ tay hướng dẫn công nghệ biofloc nuôi cá rô phi thâm canh trong ao

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-32/ĐK-TTTT&TK

82667. 08-2022 **Nghiên cứu ứng dụng nuôi cá rô đầu vuông (*Anabas* sp) tại Quảng Ninh/** KS. Nguyễn Đức Trường, Trần Việt An; Nguyễn Ánh Hồng; Nguyễn Văn Nhiên; Trần Thị Thúc - Quảng Ninh - Trung tâm KHKT & SX giống thủy sản Quảng Ninh, 2014 - 01/2012 - 12/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của mật độ và thức ăn đến trọng lượng, năng suất và tỷ lệ sống của cá rô đầu vuông ở các nghiệm thức nuôi 20 và 30 con/m<sup>2</sup> khi sử dụng thức ăn Kinh Bắc và thức ăn chế biến. Quá quá trình nghiên cứu cho thấy cá rô đầu vuông có sức sống khỏe, kháng bệnh tốt và khả năng thích ứng với điều kiện môi trường sống cao xong khả năng chịu rét của cá kém. Từ đó, khuyến cáo người dân nuôi nên thả giống vào các tháng 4, tháng 5 dương lịch trong năm để thu hoạch cá trước những tháng mùa đông ở Miền Bắc. Đồng thời tiến hành tổ chức tập huấn kỹ thuật và xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá rô đầu vuông phù hợp với điều kiện nuôi, điều kiện khí hậu và điều kiện thủy lý, thủy hóa tại những vùng có diện tích nuôi cá nước ngọt tại tỉnh Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: QNH-001-2021

82770. 08-2022 **Xác định nguyên nhân tôm vằn mang và biện pháp phòng trị/** PGS. TS. Đặng Thị Hoàng Oanh, Ths. Trần Việt Tiên; PGS. TS. Trương Quốc

Phú; ThS. Lê Ngọc Huyền; KS. Nguyễn Trọng Nghĩa; KS. Trần Quốc Phong; KS. Châu Lan Anh - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện tượng tôm vằn mang xảy ra ở những hộ nuôi sử dụng và không sử dụng thức ăn Hanaro. Nhiều loại chất khác nhau được bổ sung vào thức ăn cho tôm ăn, nhiều loại hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để cải tạo ao và xử lý nước ao nuôi, thuốc và hóa chất cũng được sử dụng điều trị tôm vằn mang nhưng không có hiệu quả. Ngoài trừ một số mẫu tôm vằn mang nhiễm virus gây bệnh đốm trắng, không phát hiện các mầm bệnh nguy hiểm (như vi khuẩn gây hoại tử gan tụy cấp tính, virus gây bệnh đầu vàng, vi bào tử trùng gây bệnh chậm lớn) ở các mẫu tôm vằn mang. Không phát hiện bất thường ở mang và gan tụy tôm vằn mang qua phân tích mô bệnh học. Thức ăn Hanaro, vi khuẩn *Vibrio*, nước có độ kiềm hay độ cứng cao các hoạt chất cypermethrin và dipterex không gây vằn mang ở hai loài tôm thẻ chân trắng và tôm sú. Riêng hoạt chất deltamethrin ở nồng độ từ 5%-15%LC50 gây vằn mang ở cả hai loài tôm này. Sử dụng chorine (0,2 mg/L) hay than hoạt tính (1 mg/L) có thể phòng vằn mang ở tôm do tiếp xúc với deltamethrin. Tuy nhiên, khi tôm đã vằn mang thì hai hoạt chất trên không có tác dụng điều trị.

Số hồ sơ lưu: TVH-005-2021

**40507. Bảo quản và chế biến thủy sản**

82596. 08-2022 **Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để tạo chuỗi sản phẩm có giá trị cao từ hải sản (hàu, cá và rong) Việt Nam/ TS. Trần Quốc Toàn, TS. Phạm Minh Quân; TS. Hoàng Thị Bích; TS. Đỗ Hữu Nghị; TS. Chăm Thị Ính; KS. Đặng Việt Anh; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; PGS.TS. Đàm Đức Tiên; GS.TS. Phạm Quốc Long - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng quan đánh giá tình hình nghiên cứu phát triển công nghệ tiên tiến và thiết bị trong kỹ thuật công nghệ trong chế biến một số đối tượng sinh vật biển tạo các sản phẩm giá trị sử dụng cao. Quy trình tạo các sản phẩm có giá trị từ nguồn cá biển và hàu Việt Nam bằng các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến quy mô phòng thí nghiệm. Sử dụng các kỹ thuật tiên tiến kết hợp chế biến rong biển thành các sản phẩm có giá trị cao quy mô phòng thí nghiệm. Nghiên cứu độ an toàn và xây dựng hồ sơ đánh giá hiệu lực sản phẩm, hồ sơ tiêu chuẩn cơ sở các sản phẩm. Thiết kế mô hình thiết bị - công nghệ sản xuất các dạng sản phẩm có giá trị từ nguồn lợi hải sản (hàu, cá và rong biển). Hoàn thiện các quy trình công nghệ chế biến nguồn lợi hải sản (hàu, cá và rong biển) Việt Nam tạo sản phẩm lên quy mô pilot ( $\geq 50$  kg nguyên liệu/mẻ). Nghiên cứu các quy trình công nghệ chế biến tạo các sản phẩm phụ quy mô pilot ( $> 50$  kg

nguyên liệu/mẻ). Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội các công nghệ chế biến tạo sản phẩm có giá trị từ nguồn lợi hải sản (hàu, cá và rong biển) Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19768

**40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác**

81743. 08-2022 **Đánh giá hiện trạng công nghệ bảo quản sản phẩm thủy sản sau khai thác và đề xuất giải pháp giảm tổn thất sau thu hoạch trên tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Bến Tre/ KS. Phan Nhật Thanh, KS Phan Nhật Thanh; ThS Nguyễn Hải Bằng; KS Nguyễn Hữu Nhơn; KS Trần Phước Thụ; KS Huỳnh Thanh Triều; KS Đoàn Văn Đăng; CN Lê Nhựt Chiêu; ThS Nguyễn Như Sơn; KS Nguyễn Trí Ái; KS Nguyễn Phan Phước Long - Bến Tre - Chi cục Thủy sản Bến Tre, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nhằm đánh giá thực trạng công tác bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản và đề xuất giải pháp tổn thất thủy sản sau khai thác cho nghề lưới kéo và lưới vây khai thác xa bờ của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: BTE-158-2021

82644. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch cơm (Macrognathus siamensis) tại tỉnh Đồng Tháp./ ThS. Nguyễn Hữu Tân, ThS. Nguyễn Hữu Tân; ThS. Trần Thị Cẩm Hồng; KS. Võ Thị Kim Duyên; KS. Nguyễn Văn Vũ Phương; KS. Nguyễn Thanh Thuận -**

Trường Đại học Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2020; 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài "Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch com (*Macrognathus siamensis*) tại tỉnh Đồng Tháp" được thực hiện từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020 tại trại giống thủy sản Hữu Tân, số 02, ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Qua theo dõi vỗ cá bố mẹ trên bể từ tháng 04/2019 đến 03/2020 cho thấy cá chạch thành thực tập trung từ tháng 05 đến tháng 11. Sinh sản bán nhân tạo cá chạch com bằng 100µg LRHa + 10 mg DOM/kg cá cái, cho kết quả tốt, đạt tỷ lệ sinh sản 70,12%, tỷ lệ thụ tinh là 82,165 và tỷ lệ nở là 72,20%.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-006

#### **499. Khoa học nông nghiệp khác**

81685. 08-2022 **Giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội/** TS. Trịnh Quang Thoại, TS. Hồ Ngọc Ninh; PGS.TS. Trần Đình Thao; TS. Đỗ Trường Lâm; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Trần Hương Giang; ThS. Lại Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Chu Thị Hồng Phượng; TS. Đặng Vũ Hòa - Hà Nội - Viện Kinh tế và Phát triển, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; Thực trạng thu hút doanh nghiệp đầu tư vào

nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội trong thời gian qua (tính đến 6 tháng đầu năm 2019); Xác định nhu cầu và tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội; Định hướng và giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-54/ĐK-TTTT&TK

81687. 08-2022 **Giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Trương Đình Chiến, ThS.NCS. Nguyễn Minh Hiền; TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Trần Thị Bình; ThS.NCS. Nguyễn Thị Mai; ThS.NCS. Nguyễn Quang Dũng; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; TS. Doãn Hoàng Minh; TS. Phạm Văn Tuấn; ThS.NCS. Nguyễn Đình Toàn; ThS. Trần Thị Việt Hà; TS. Lương Minh Huân; CHV. Vũ Thu Trang; ThS.NCS. Bùi Hồng Quý; ThS. Trần Mạnh Chiến; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Phạm Thị Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; Cơ sở thực tiễn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, bảo học kinh nghiệm thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cho Hà Nội; Đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm

nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội; tiềm năng, các điều kiện cần thiết để thúc đẩy sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội; Nghiên cứu thực trạng thị trường tiêu thụ, các yếu tố tác động đến thị trường và hành vi tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tiềm năng thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ tại Hà Nội; Định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-55/ĐK-TTTT&TK

## 5. Khoa học xã hội

77346. 08-2022 **Nghiên cứu mô hình tư vấn học đường tại các trường trung học trên địa bàn thành phố Cần Thơ/ GS.TS. Huỳnh Văn Sơn, TS. Bùi Hồng Quân ; TS. Trần Hồng Thẩm ; ThS. Sầm Vĩnh Lộc; TS. Đỗ Tất Thiên ; ThS. Nguyễn Hữu Nhân; TS. Trần Lương; ThS. Mai Mỹ Hạnh ; ThS. Trần Thanh Chánh; TS. Nguyễn Thị Bích Phượng - Cần Thơ - Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh , 2020; 05/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Vào tháng 10 năm 2017, Bộ GD&ĐT ra dự thảo thông tư Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông. Thông tư này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức, điều kiện đảm bảo và tổ chức thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông. Thông tư

này áp dụng đối với người học, cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ tư vấn tâm lý, nhân viên cơ sở giáo dục phổ thông cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp có dạy chương trình bổ túc trung học cơ sở, trung học phổ thông (gọi chung là trường phổ thông) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần tiến hành các nghiên cứu bài bản, quy mô để xây dựng mô hình TVHD tại các trường trung học trên địa bàn TP. Cần Thơ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đời sống tinh thần cho sinh thành phố cũng như góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-06/KQNC

78650. 08-2022 **Xây dựng chiến lược tiếp thị địa phương của thành phố Cần Thơ định hướng đến năm 2030/ ThS. Võ Minh Cảnh , ThS. Phạm Trung Hiếu ; TS. Lưu Tiến Thuận; ThS. Nguyễn Khánh Tùng ; CN. Trần Lê Bình ; TS. Võ Minh Sang; ThS. Tăng Quốc Cường; ThS. Trần Thế Như Hiệp; ThS. Huỳnh Thị Thùy Dương; CN. Võ Huỳnh Loan - Cần Thơ - Viện kinh tế – Xã hội thành phố Cần Thơ , 2020; 04/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đề tài đã tiến hành khảo sát ý kiến của các nhóm đáp viên gồm cư dân, doanh nghiệp, đại diện cơ quan chính quyền và các chuyên gia. Bằng các phương pháp như thống kê mô tả, ma trận SWOT, ma trận hoạch

định chiến lược QSPM, phân tích tổng hợp, đề tài đã đề ra bốn chiến lược tiếp thị địa phương của thành phố định hướng đến năm 2030. Đề chiến lược đảm bảo triển khai thành công và hiệu quả, đề tài đã đề xuất bốn nhóm biện pháp gồm ứng dụng công nghệ; hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu; tổ chức sự kiện, truyền thông, quan hệ công chúng và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đồng thời, đề tài đã đề xuất danh mục phân công nhiệm vụ triển khai, tổ chức thực hiện chiến lược.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-11/KQNC

78912. 08-2022 **Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở thành phố Cần Thơ : thực trạng và giải pháp cải thiện** / CN. Nguyễn Mỹ Thuận, TS. Nguyễn Quốc Nghi PGS.TS. Bùi Văn Trịnh ; TS. La Nguyễn Thùy Dung ; ThS. Nguyễn Hoàng Phương; ThS. Nguyễn Thanh Liêm; ThS. Cao Thị Kim Chi ; CN. Đỗ Đâu Tranh ; CN. Nguyễn Tri Khâm; ThS. Hoàng Thị Hồng Lộc - Cần Thơ - Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Cần Thơ, 2020; 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng thua lỗ của doanh nghiệp xuất phát từ yếu tố nội tại (hạn chế về cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chưa liên kết và hoàn thiện chuỗi cung ứng, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh còn hạn chế, nguồn tài lực chưa đủ mạnh) lẫn yếu tố ngoại tác (môi trường cạnh tranh khốc liệt, môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, hạn

chế tiếp cận chính sách hỗ trợ). Dựa vào đánh giá, nhận định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp đối với chính quyền địa phương nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2020-12/KQNC

80018. 08-2022 **Đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong đồng bào dân tộc Khmer ở thành phố Cần Thơ** / TS. Trần Việt Trường , ThS. Nguyễn Ngọc Quy; ThS. Lê Thị Sương Mai ; ThS. Trần Thanh Bình; CN. Lương Văn Trừ ; ThS. Trần Thế Như Hiệp ; ThS. Lê Văn Thảo; ThS. Nguyễn Khánh Duy ; ThS. Trần Hữu Nghĩa; ThS. Nguyễn Biên Soạn - Cần Thơ - Văn phòng Thành ủy Cần Thơ, 2020; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thành phố Cần Thơ (TPCT) hiện có 27 DTTS sinh sống, gồm 38.929 người, chiếm tỷ lệ 3,04%/tổng số dân toàn thành phố. Trong đó, dân tộc Khmer có 5 74 hộ với 22 7 5 người, tập trung chủ yếu ở quận Ninh Kiều có 2401 khẩu, huyện Thới Lai có 4157 khẩu, quận Ô Môn có 4981 khẩu và Cờ Đỏ có 8477 khẩu; Trải qua hàng trăm năm, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer tại Cần Thơ vẫn được bảo tồn và phát triển, tạo nên bản sắc, góp phần làm đa dạng đời sống văn hóa ở Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-02/KQNC

81607. 08-2022 **Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong nước và đăng ký nhãn hiệu ở nước ngoài/** KS. Phạm Chà My , ThS. Võ Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thúy Hằng ; CN. Đỗ Trần Nguyệt Khánh ; ThS. Châu Thiệu Ngọc; ThS. Vũ Minh Hải; ThS. Lê Nguyễn Trung Khanh; CN. Nguyễn Hoàng Oanh - Cần Thơ - Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ, 2020; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong nước và đăng ký nhãn hiệu ở nước ngoài” thuộc chương trình Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016 – 2020 đã được triển khai thực hiện nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tạo lập, bảo vệ và phát triển TSTT góp phần đẩy mạnh việc đăng ký, tạo lập và phát triển TSTT trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm và dịch vụ của thành phố Cần Thơ khi gia nhập thị trường trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2021-06/KQNC

81610. 08-2022 **Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ** / CN. Nguyễn Thúy Hằng, ThS. Lê Thị Ngọc Hương; ThS. Châu Thiệu Ngọc; ThS. Vũ Minh Hải; ThS. Lê Nguyễn Trung Khanh; KS. Phạm Chà My; ThS. Võ Thị Vân Anh; CN.

Nguyễn Hoàng Oanh; CN. Đỗ Trần Nguyệt Khánh ; CN. Lương Thị Ngọc Anh - Cần Thơ - Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ, 2020; 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án “Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình TP. Cần Thơ” thuộc “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ TP. Cần Thơ giai đoạn 2016-2020” được triển khai từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020. Tổ chức sản xuất và phát sóng 09 chương trình Sở hữu trí tuệ và Cuộc sống xoay quanh các nội dung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong đăng ký, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; truyền thông nhằm thông tin rộng rãi đến tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp về dự án và các chương trình phát sóng. Dự án góp phần nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ về tầm quan trọng của việc đăng ký xác lập cũng như bảo vệ quyền SHTT và phát triển tài sản trí tuệ, từ đó thúc đẩy cá nhân, doanh nghiệp tiến hành đăng ký xác lập quyền SHTT.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ20210-07/KQNC

### **50199. Tâm lý học khác**

82085. 08-2022 **Ảnh hưởng của một số trang mạng xã hội tới giá trị niềm tin và hành vi của học sinh THPT Hà Nội/** ThS. Đỗ Thị Liên Vân, ThS. Hoàng Thị Thúy An; TS. Nguyễn Đức Hòa; ThS. Đặng



Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Trọng Cường; TS. Nguyễn Đình Dương; TS. Vũ Quốc Bình; ThS. Phạm Dũng - hà nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2020; 01/2013 - 06/2014. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về giá trị niềm tin và hành vi của học sinh THPT, đặc điểm và sự hình thành của các trang mạng xã hội ở Hà Nội; Thực trạng về sự ảnh hưởng của các trang mạng xã hội tới giá trị niềm tin và hành vi của học sinh THPT Hà Nội; Một số giải pháp định hướng việc quản lý và sử dụng hợp lý các trang mạng xã hội đối với học sinh THPT Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-42/ĐK-TTTT&TK

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

81685. 08-2022 **Giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội/** TS. Trịnh Quang Thoại, TS. Hồ Ngọc Ninh; PGS.TS. Trần Đình Thao; TS. Đỗ Trường Lâm; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Trần Hương Giang; ThS. Lại Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Chu Thị Hồng Phượng; TS. Đặng Vũ Hòa - hà nội - Viện Kinh tế và Phát triển, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; Thực trạng thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội trong thời gian qua (tính đến 6 tháng đầu năm

2019); Xác định nhu cầu và tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội; Định hướng và giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-54/ĐK-TTTT&TK

81690. 08-2022 **Thực trạng, giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2030/** TS. Đoàn Xuân Hậu, PGS.TS. Lê Hà Thanh; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Vũ Thu Trang; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; TS. Nguyễn Diệu Hằng; ThS. Nguyễn Minh Hiền; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; ThS. Bùi Thị Phương Thảo; ThS. Phạm Tùng Lâm; Cn. Mai Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Đoàn Thị Thêu; TS. Chu Thị Bích Ngọc - hà nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về khởi nghiệp và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua; Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-60/ĐK-TTTT&TK

81867. 08-2022 **Xây dựng hệ thống thông tin quản trị chiến lược dựa trên phương pháp thẻ điểm cân bằng của ngân hàng thương mại- nghiên cứu áp dụng tại NHTMCP Công thương Việt Nam/** TS. Phan Thanh Đức , ThS. Chu Văn Huy ; ThS. Trần Thị Huế ; ThS. An Phương Điệp ; ThS. Mai Tân Tài ; ThS. Trần Hồng Thắng ; ThS. Nguyễn Tuấn Cường ; TS. Nguyễn Văn Thủy ; CN. Nguyễn Thanh Tùng ; ThS. Đỗ Việt Hà - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018; 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các Hệ thống thông tin quản trị chiến lược tại ngân hàng;Đánh giá thực trạng, nhu cầu, phân tích sự cần thiết việc xây dựng Hệ thống thông tin quản trị chiến lược tại các NHTM Việt Nam;Giới thiệu về Thẻ điểm cân bằng và áp dụng Thẻ điểm cân bằng trong công tác quản trị chiến lược tại các NHTM;Khảo sát, phân tích thiết kế mô hình chuẩn cho hệ thống thông tin quản trị chiến lược áp dụng tại NHTMCP Công thương Việt Nam;Xây dựng phần mềm Hệ thống thông tin quản trị chiến lược dựa trên phương pháp Thẻ điểm cân bằng áp dụng tại NHTMCP Công thương Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-068

82060. 08-2022 **Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến hệ thống ngân hàng Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, TS. Phạm Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Phi

Lân; ThS. Phạm Tiến Sỹ; ThS. Tạ Thành Long; ThS. Nguyễn Vĩnh Hưng; PGS.TS. Lê Thanh Tâm; ThS. Vũ Thị Hồng Nhung; TS. Phạm Đức Anh; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 09/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam (dưới góc độ vĩ mô và góc độ ngành nghề kinh doanh) và các biện pháp ứng phó của Chính phủ.Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động điều hành của NHNN bao gồm: chính sách tiền tệ (lãi suất, tỷ giá, vàng), chính sách tín dụng, chính sách an toàn vĩ mô, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt...Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động của ngân hàng thương mại;Đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến nợ xấu của hệ thống ngân hàng;Đánh giá hiệu quả của các biện pháp ứng phó của Chính phủ Việt Nam;Đề xuất một số khuyến nghị chính sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chính phủ nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến ngành Ngân hàng giai đoạn hậu Covid-19.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-076

82744. 08-2022 **Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển đổi của các cơ sở kinh tế cá thể lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh/** TS. Lê Thị Thu Diễm, - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh., 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá được thực trạng sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh tế các thể trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đánh giá thực trạng chuyển đổi của các hộ kinh tế cá thể chuyển đổi lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển đổi của các cơ sở kinh doanh các thể lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đánh giá các chính sách mà tỉnh đã thực hiện để đẩy nhanh quyết định chuyển đổi thành doanh nghiệp của các cơ sở kinh tế cá thể. Xây dựng các nhóm giải pháp, kiến nghị tổ chức thực hiện các chương trình chính sách hành động cụ thể để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi thành doanh nghiệp của các cơ sở kinh tế cá thể trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn 2050

Số hồ sơ lưu: TVH-001-2021

82763. 08-2022 **Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, chỉ đạo hoạt động tại cơ quan Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Nam Định/** ThS. Bùi Hoàng Tùng, KS. Trần Hoàng Long - Nam Định - Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Nam Định, 2020; 11/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp để đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành chỉ đạo. Triển khai ứng dụng phần mềm phần mềm quản lý thông tin về hoạt động của doanh nghiệp trong Khối, xây dựng Website và các phần mềm hiện có phục vụ trực tiếp các cấp uỷ Đảng trong việc xây dựng, tiếp nhận các

văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tại Đảng ủy Khối.

Số hồ sơ lưu: NDH-003-2021

82823. 08-2022 **Đánh giá chất lượng nguồn lao động, tình hình sử dụng, phân công lao động nông thôn ở An Giang/** ThS. Trần Thị Kim Liên, ThS. Hoàng Thu Hằng; ThS. Phạm Thái Bình; ThS. Nguyễn Văn Toàn; PGS. TS. Nguyễn Trung Thành; CN. Nguyễn Lan Tuyền; TS. Thái Huỳnh Phương Lan - An Giang - Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn, 2020; 03/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn đánh giá chất lượng nguồn lao động và hiện trạng sử dụng, phân công, phân bố lao động đối với cộng đồng dân cư khu vực nông thôn An Giang. Đánh giá chất lượng nguồn lao động và hiện trạng sử dụng phân công, phân bố lao động đối với cộng đồng dân cư khu vực nông thôn tỉnh An Giang. Xây dựng mô hình điểm đào tạo nghề cho lực lượng lao động nông thôn và đề xuất các định hướng, giải pháp phát triển cho các mô hình đã xây dựng. Qua đó, đề xuất các giải pháp phát triển nguồn lao động, sử dụng và phân công, phân bố lao động đối với cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang và dự báo xu hướng việc làm, nhu cầu lao động của người lao động và người sử dụng lao động.

Số hồ sơ lưu: AGG-011-2021

82827. 08-2022 **Nghiên cứu đánh giá tiềm năng phát triển khởi nghiệp và thu hút đầu tư tại tỉnh An Giang/** TS. Trần Thị Út, TS. Nguyễn Hữu Trí; ThS. Hồ Bạch Nhật; ThS. Trần Minh Trí; ThS. Huỳnh Thanh; ThS. Trịnh Thanh Duy; TS. Hồ Thanh Bình; ThS. Lê Minh Tuấn Lâm; ThS. Đặng Tường Vy; ThS. Nguyễn Ngọc Quý - An Giang - Trường Đại học Hoa Sen, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng khởi nghiệp và thu hút đầu tư tỉnh An Giang và phân tích hệ số khởi nghiệp (Entrepreneurship monitor - EM) tỉnh An Giang. Tiến hành xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh, đồng thời xây dựng phát triển mô hình mẫu về khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang để từ đó đưa ra những đề xuất về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp cho tỉnh.

Số hồ sơ lưu: AGG-007-2021

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

81687. 08-2022 **Giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Trương Đình Chiến, ThS.NCS. Nguyễn Minh Hiền; TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Trần Thị Bình; ThS.NCS. Nguyễn Thị Mai; ThS.NCS. Nguyễn Quang Dũng; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; TS. Doãn Hoàng Minh; TS. Phạm Văn Tuấn; ThS.NCS. Nguyễn Đình Toàn; ThS. Trần Thị Việt Hà; TS. Lương Minh Huân; CHV. Vũ Thu

Trang; ThS.NCS. Bùi Hồng Quý; ThS. Trần Mạnh Chiến; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Phạm Thị Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; Cơ sở thực tiễn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, bảo học kinh nghiệm thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cho Hà Nội; Đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội; tiềm năng, các điều kiện cần thiết để thúc đẩy sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội; Nghiên cứu thực trạng thị trường tiêu thụ, các yếu tố tác động đến thị trường và hành vi tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tiềm năng thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ tại Hà Nội; Định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-55/ĐK-TTTT&TK

82047. 08-2022 **Tiêu chí về phát triển thị trường tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Thực trạng và đề xuất/** PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào, TS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Vũ Ngọc Lan; ThS. Phạm Xuân Hòe; ThS. Phan Minh Anh; ThS. Dương Thị Thanh Bình; Bùi

Thị Kim Ngân; ThS. Thái Thị An Hoa; ThS. Phạm Thị Minh Huệ; ThS. Ngô Thuận Trung - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2020; 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tiêu chí phát triển thị trường tiền tệ - ngân hàng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tổng kết được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường tiền tệ - ngân hàng theo thông lệ quốc tế được áp dụng tại Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF). Khái quát thực trạng phát triển thị trường tiền tệ - ngân hàng ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới và phát triển, từ đó rút ra đánh giá về thành tựu đạt được cũng các điểm hạn chế và tồn tại; xác định tầm nhìn và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Đề xuất tiêu chí khung về phát triển thị trường tiền tệ - ngân hàng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cụ thể hóa thông qua các chỉ tiêu đo lường sự phát triển.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-075

77377. 08-2022 **Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng/** ThS. Tạ Quang Đôn,, ThS. Phạm Tiến Sỹ; ThS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Nguyễn Thị Lương Trà - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vấn đề lý luận về giao dịch bảo đảm và mối quan hệ giữa pháp luật về giao dịch bảo đảm với hoạt động xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (TCTD). Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm và thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm trong hoạt động xử lý nợ xấu của TCTD. Phân tích bối cảnh kinh tế vĩ mô và hệ thống các TCTD Việt Nam hiện nay; đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các TCTD và một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý về giao dịch bảo đảm nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu của các TCTD.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-003

77412. 08-2022 **Thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam – một số khuyến nghị/** TS. Đào Nam Giang, Phó Chủ nhiệm, TS. Nguyễn Thị Lê Thanh; TS. Nguyễn Diệu Linh; TS. Nguyễn Thị Khánh Phương; TS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Đình Trọng; TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Phan Thị Anh Đào; TS. Bùi Thị Thủy; ThS. Lê Thị Tuyết Nhung. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 12/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về thao túng lợi nhuận công bố, phân tích một số nghiên cứu thực chứng về thao túng lợi nhuận và các cách tiếp cận để đo lường, phân tích một số mô hình phổ biến đánh giá chất lượng các biến kế toán dồn tích và mô hình đánh giá thao túng lợi nhuận dựa trên giả định

về các động cơ thao túng. Khái quát về sự phát triển của khung pháp lý liên quan đến kế toán kiểm toán và quản trị công ty đối với các công ty niêm yết Việt Nam và đánh giá mức độ thao túng lợi nhuận đưa ra khuyến nghị về mặt chính sách đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán; đối với củng cố khung pháp lý và vai trò của quản trị công ty và đề xuất các vấn đề về pháp lý cần ban hành trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-014

77414. 08-2022 **Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam/** TS. Phạm Đức Anh, TS. Lê Thị Minh Ngọc; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; TS. Bùi Thị Mên; TS. Phạm Thị Vân Huyền; ThS. Hoàng Phương Dung; ThS. Trần Hữu Tuyên ; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài; ThS. Trần Quang Hưng; TS. Đặng Thu Thủy - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 12/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về hoạt động khởi nghiệp, làm rõ khái niệm và các đặc trưng của doanh nghiệp khởi nghiệp. Đánh giá thực trạng giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam, gồm: tổng quan về doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam; thực hiện điều tra khảo sát về khả năng tiếp cận tài chính của các Start-up với các giải pháp tài chính được triển khai từ hai nhóm đối tượng là các doanh nghiệp khởi nghiệp và các thủ thể cung cấp giải pháp tài chính; phân tích thực trạng triển khai nhóm giải pháp từ phía Chính phủ; từ các tổ chức như quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức tín

dụng hoặc từ phía doanh nghiệp khởi nghiệp hay cộng đồng. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả các nhóm giải pháp từ phía nhà nước, từ phía các tổ chức tài chính và phi tài chính, từ phía bản thân doanh nghiệp khởi nghiệp và từ phía cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-015

77415. 08-2022 **Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân vãng lai và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Đức Trung, TS. Lê Hoàng Anh; PGS.TS. Hà Văn Dũng; TS. Hồ Thúy Ái ; TS. Phạm Đức Anh; ThS. Hoàng Việt Phương; TS. Nguyễn Hoàng Chung; ThS. Lưu Xuân Khôi ; ThS. Đặng Ngọc Hà; ThS. Lê Phan Ái Nhân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2021; 12/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng tổng quan lý thuyết về mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân vãng lai và tăng trưởng kinh tế. Xác định bản chất mối quan hệ giữa vốn FDI, cán cân vãng lai với tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam cũng như thực trạng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011 trở lại đây; Xây dựng và kiểm định mô hình đánh giá mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân vãng lai và tăng trưởng kinh tế; Xây dựng các kịch bản mô phỏng về thay đổi bất ngờ dòng vốn FDI và đánh giá tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế, cán cân vãng lai của Việt Nam theo từng kịch bản. Xây dựng nhóm giải pháp duy trì quy mô dòng vốn FDI đảm

bảo sự ổn định của kinh tế vĩ mô Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đề xuất 03 nhóm giải pháp, gồm: nhóm giải pháp duy trì dòng vốn FDI, nhóm giải pháp phòng ngừa rủi ro dòng vốn FDI và nhóm giải pháp phát triển bền vững FDI. Nhóm tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị chính sách hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của dòng vốn FDI và tận dụng tối đa nguồn vốn này cho phát triển bền vững kinh tế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-016

77416. 08-2022 **Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán điện tử liên ngân hàng/** ThS. Lê Mạnh Hùng, Cục trưởng, Cục Công nghệ thông tin, CN.Vũ Công Hùng; ThS. Lê Anh Dũng; ThS. Nguyễn Trung Anh; CN. Nguyễn Anh Tú; CN. Trần Trí Mạnh; CN. Lê Văn Lãng; ThS. Trương Hồng Quân; KS. Bùi Xuân Trường; TS. Lưu Thế Lợi - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2021; 12/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hiện trạng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) Việt Nam. Nghiên cứu tổng quan về công nghệ Blockchain và các ứng dụng công nghệ Blockchain cho TTĐTLNH trên thế giới, qua đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong các nội dung như bảo đảm giá trị của tiền điện tử; sử dụng cơ chế bù trừ trong TTĐTLNH; tích hợp hệ thống mới với các hệ thống hiện có; đánh đổi lợi ích (như tính sẵn sàng, khả năng phục hồi, chi phí vận hành thấp..) để có được quyền riêng tư,

khả năng bảo vệ người dùng; hợp tác trong ứng dụng công nghệ Blockchain và thử nghiệm từng bước để tìm ra hướng đi phù hợp. Đề xuất các nền tảng Blockchain cho hệ thống TTĐTLNH tại Việt Nam; Đánh giá hành lang pháp lý của ứng dụng công nghệ Blockchain trong thanh toán và đề xuất lộ trình ứng dụng ứng dụng công nghệ Blockchain trong TTLNH tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-017

81835. 08-2022 **Xây dựng chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ thu – chi đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, ThS. Phạm Thị Thanh Huyền; KS. Nguyễn Hòa Bình; CN. Đào Tiến Đông; CN. Nguyễn Đức Bình; CN. Phạm Ngọc Khánh; CN. Nguyễn Thị Ngân; CN. Lưu Văn Hùng; CN. Võ Khắc Vinh; CN. Phạm Thị Hương - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019; 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng nghiệp vụ thu – chi đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xây dựng phần mềm xử lý nghiệp vụ thu – chi đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên (Phân tích bài toán; Sơ đồ xử lý nghiệp vụ; Thông tin tích hợp...). Qua quá trình triển khai, việc ứng dụng phần mềm xây dựng đã hỗ trợ việc quản lý tức

thời các giao dịch tiền mặt, từ đó, tạo thuận lợi cho việc khai thác, chiết xuất thông tin bằng kê thu – chi, xuất – nhập tại thời điểm giao dịch, đảm bảo tính hiệu quả trong các khâu quản lý, theo dõi số lượng, cơ cấu và mệnh giá tiền mặt hiện có tại kho tiền của Sở Giao dịch cũng như của khách hàng có nhu cầu giao dịch tiền mặt tại Quỹ Nghiệp vụ phát hành.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-043

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

82612. 08-2022 **Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng xuất khẩu tại vùng đồng bằng Sông Hồng trong bối cảnh mới/** TS. Nguyễn Đức Chính, ThS. Trần Thanh Tùng; TS. Đỗ Đức Quân; TS. Tạ Thị Đoàn; TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; TS. Hoàng Ngọc Hải; TS. Hồ Sỹ Ngọc; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; CN. Hoàng Khánh Lam; CN. Hoàng Lâm Oanh; ThS. Trịnh Thị Hồng Yên; ThS. Mai Hải Châu; TS. Nguyễn Kế Nghĩa - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng xuất khẩu trong bối cảnh mới. Phân tích và đánh giá thực trạng tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng xuất khẩu ở vùng Đồng bằng sông Hồng; từ đó rút ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Trên cơ sở quan điểm, phương hướng và mục tiêu phát triển kinh tế

nông nghiệp theo hướng xuất khẩu vùng Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh mới đề tài đề xuất giải pháp khoa học để phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng xuất khẩu ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 19800

82794. 08-2022 **Nghiên cứu khả năng niêm yết chứng khoán tại nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam/** TS. Bùi Thu Hiền, PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Cao Đình Kiên; TS. Kim Hương Trang; TS. Nguyễn Thúy Anh; TS. Trần Tú Uyên; ThS. Nguyễn Thị Hoa Hồng; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Phan Thị Hương Giang - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2020; - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích kinh nghiệm của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài về niêm yết chứng khoán trên thị trường nước ngoài, qua đó rút ra bài học cho Việt Nam. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới việc niêm yết chứng khoán tại nước ngoài và thực trạng khả năng niêm yết chứng khoán tại nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng niêm yết chứng khoán tại nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19773

### **50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

81712. 08-2022 **Vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên,**



**người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay - Thực trạng và giải pháp/** TS. Lê Quang Long, ThS. Hà Kiều Oanh; ThS. Phạm Khắc Tuấn; ThS. Phùng Thị Huyền; TS. Nguyễn Văn Phong; TS. Nguyễn Thị Tuyền; PGS.TS. Nguyễn Xuân Phong; PGS.TS. Vũ Quang Vinh; PGS.TS. Nguyễn Chí Hiếu; ThS.NCS. Nguyễn Mạnh Thắng; ThS.NCS. Đoàn Minh Đức; CN Ngô Tiến Hùng; CN. Vũ Thu Hương; ThS.NCS. Nguyễn Phương Lan; ThS. Lê Thị Huyền Trang; CN. Nguyễn Thị Mộng Hoa; CN. Phạm Ngọc Thu - hà nội - Đảng ủy các Khu công nghiệp & Chế xuất Hà Nội, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động; Thực trạng chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và những vấn đề đặt ra; Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội; Bản kiến nghị với các cấp, ngành liên quan; Xây dựng bộ tài liệu bồi dưỡng về giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-45/ĐK-TTTT&TK

81714. 08-2022 **Dạy học khám phá ở các trường tiểu học tại Hà Nội/** PGS.TS. Ngô Hiệu, PGS.TS. Phó Đức Hòa; ThS. Nguyễn Huyền Trang; PGS.TSKH. Nguyễn Kế Hào; TS. Phan Bích Ngọc - hà nội - Viện Phát triển Công nghệ và Giáo dục, 2020; 04/2014 - 05/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của dạy học khám phá trong dạy học ở tiểu học; Nghiên cứu cơ sở thực tiễn của việc sử dụng dạy học khám phá trong dạy học tiểu học ở Hà Nội; Đề xuất mô hình dạy học khám phá trong dạy học tiểu học ở Hà Nội; Thực nghiệm tác động mô hình dạy học khám phá (thực nghiệm tác động tiến hành ở 02 trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội); Tập huấn cho CBQL và GV tiểu học thành phố Hà Nội về sử dụng mô hình dạy học khám phá; Thực nghiệm triển khai dạy học khám phá

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-30/ĐK-TTTT&TK

81715. 08-2022 **Dạy học tương tác ở các trường tiểu học tại Hà Nội/** PGS.TS. Phó Đức Hòa, ThS. Phạm Thị Thúy Hồng; PGS.TS. Ngô Hiệu; PGS.TSKH. Nguyễn Kế Hào; ThS. Nguyễn Huyền Trang - Hà Nội - Viện Phát triển Công nghệ và Giáo dục, 2020; 04/2014 - 05/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của đề tài ;Nghiên cứu cơ sở thực tiễn của đề tài; Nghiên cứu, đề xuất mô hình dạy học tương tác ở tiểu học tại Hà Nội;Thực nghiệm tác động mô hình sư phạm tương tác để nghiên cứu

ảnh hưởng của mô hình sư phạm tương tác; Tập huấn cho CBQL và GV tiểu học sử dụng mô hình dạy học tương tác; Thực nghiệm triển khai mô hình sư phạm tương tác

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-31/ĐK-TTTT&TK

82086. 08-2022 **Nghiên cứu đề xuất phương án giáo dục khởi nghiệp tại các trường THPT của Hà Nội/** TS. Nguyễn Thành Khải, ThS. Bùi Thị Hồng Hà; PGS.TS. Lê Thị Thục; TS. Nguyễn Văn Lượng; TS. Nguyễn Mạnh Hải; TS. Bùi Kim Thanh; TS. Trương Thị Mỹ Nhân; ThS. Mai Thu Giang; ThS. Đào Xuân Lộc; ThS. Lương Thu Trang - hà nội - Viện Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Lãnh đạo, quản lý, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lí luận về giáo dục khởi nghiệp; Đánh giá thực trạng và xác định các điều kiện, khả năng triển khai giáo dục khởi nghiệp tại các trường THPT của Hà Nội; Đề xuất phương án giáo dục khởi nghiệp cho học sinh các trường THPT của Hà Nội; Đề xuất các giải pháp, kiến nghị tổ chức triển khai giáo dục khởi nghiệp tại các trường THPT của Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-61/ĐK-TTTT&TK

82087. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên THCS về đánh giá năng lực của học sinh/** TS. Đỗ Hồng Cường, TS. Nguyễn Thị Thuần TS. Phạm Ngọc Sơn; PGS.TS. Bùi Văn Quân; TS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Kiều Văn

Minh; ThS. Nguyễn Hồng Chiến; TS. Phan Thị Hồng The; TS. Lê Hồng Hạnh; TS. Phạm Lan Anh; TS. Tạ Thị Thủy; GS.TS. Đỗ Hương Trà; PGS.TS. Phan Thị Thanh Hội; PGS.TS. Trần Trung Ninh; TS. Nguyễn Lan Phương; TS. Nguyễn Thị Liễu; ThS. Đinh Khánh Quỳnh - hà nội - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2020; 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá năng lực của học sinh trong dạy học ở trường THCS; Phân tích thực trạng về đánh giá năng lực học sinh trong dạy học ở trường THCS hiện nay; Nghiên cứu xây dựng tài liệu bồi dưỡng giáo viên về đánh giá năng lực của học sinh trong dạy học ở trường THCS; Nghiên cứu xây dựng bộ bài giảng e-learning bồi dưỡng cho giáo viên về đánh giá năng lực học sinh; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp triển khai bồi dưỡng cho giáo viên về đánh giá năng lực của học sinh trường THCS; Thử nghiệm tài liệu bồi dưỡng giáo viên về đánh giá năng lực của học sinh trường THCS

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-64/ĐK-TTTT&TK

82090. 08-2022 **Nghiên cứu triển khai đào tạo ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nhằm tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống ngành đào tạo tại nhà trường./** TS. Nguyễn Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thư Hòa; ThS. Vương Khả Anh; ThS. Nguyễn Minh Huy; ThS. Lê Chí Chung; ThS. Nguyễn

Nguyễn Hương - hà nội - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2020; 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn của đào tạo Toán ứng dụng; Phân tích thực trạng đào tạo Toán ứng dụng tại các trường Đại học và nhu cầu đào tạo chuyên ngành trên địa bàn Thành phố; Nghiên cứu xây dựng chương trình chi tiết đào tạo Toán ứng dụng tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Nghiên cứu đề xuất phương án triển khai đào tạo Toán ứng dụng tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Tổ chức khảo nghiệm phương án triển khai đào tạo Toán ứng dụng tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Số hồ sơ lưu: HNI - 2020-02/ĐK-TTTT&TK

82199. 08-2022 **Nghiên cứu giải pháp bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân của Hà Nội/ PGS.TS. Nguyễn Thị Toan, ThS. Nguyễn Ngọc Dung; PGS.TS. Bùi Văn Quân; TS. Nguyễn Thu Hạnh; TS. Nguyễn Văn Bình; PGS.TS. Phạm Việt Thắng; TS. Trần Thị Thu Hường; TS. Nguyễn Hồng Thuận; PGS.TS. Trần Thị Mai Phương; TS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Dương Thị Thúy Nga; ThS. Bùi Ngọc Mai; TS. Nguyễn Thị Xiêm; ThS. Vũ Thị Hà; ThS. Nguyễn Văn Tuyên; ThS. Vũ Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Thị Thành - hà nội - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2021; 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân ở Hà Nội; Phân tích thực trạng năng lực đội ngũ và nhu cầu bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân của Hà Nội hiện nay; Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng phát triển năng lực đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân của Hà Nội hiện nay; Thử nghiệm hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực giáo viên Giáo dục công dân ở Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-19/ĐK-TTTT&TK

### **50302. Giáo dục chuyên biệt**

82089. 08-2022 **Chuẩn bị đội ngũ giáo viên Trung học cơ sở dạy chương trình giáo dục công dân toàn cầu/ TS. Nguyễn Mạnh Hải, TS. Trần Minh Văn; TS. Hoàng Anh Hoàng; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Trần Văn Anh; TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm; ThS. Lê Thị Huyền Trang; TS. Phạm Văn Tuấn; PGS.TS. Trần Minh Trường; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Lê Thị Thanh Ngân; ThS. Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Thị Yến Phương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Thắng; PGS.TS. Lê Đức Ngọc; TS. Ngô Văn Vụ; TS. Đoàn Thị Thanh Thúy; TS. Ngô Thị Thu Nga; TS. Nguyễn Thị Ánh; ThS. Bùi Thị Hồng Hà; ThS. Bùi Thị Bích Thảo; ThS. Lưu Quang Đà; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Phạm Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Đàm Bích Thủy; TS. Nguyễn Văn Tuấn - hà nội - Viện Thông tin Khoa học,**

2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề cơ bản về giáo dục công dân toàn cầu; Đánh giá thực trạng giáo dục công dân toàn cầu ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề xuất phương án chuẩn bị đội ngũ giáo viên trung học cơ sở dạy chương trình giáo dục công dân toàn cầu cho Hà Nội hiện nay

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-73/ĐK-TTTT&TK

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

81710. 08-2022 **Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội trong giai đoạn hiện nay/** TS. Vũ Tuấn Dũng, TS. Phạm Văn Hải; ThS. Nguyễn Tố Quyên; TS. Nguyễn Thanh Sơn; PGS.TS. Phạm Duy Hòa; ThS. Trương Thị Dung; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hải Ninh; PGS.TS. Phạm Việt Thắng; TS. Đặng Thị Thanh Trâm; ThS. Phạm Thị Mai Vui; TS. Đinh Quang Thành; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Lê Hương Ly; CN. Nguyễn Thị Huệ; CN. Đặng Hương Liên - Hà Nội - Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, 2020; 08/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên – một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Đánh giá thực trạng lý tưởng cách mạng, giáo dục lý tưởng cách mạng, hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh

viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối và những vấn đề đặt ra. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong Khối. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, bồi dưỡng giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong Khối.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-41/ĐK-TTTT&TK

82089. 08-2022 **Chuẩn bị đội ngũ giáo viên Trung học cơ sở dạy chương trình giáo dục công dân toàn cầu/** TS. Nguyễn Mạnh Hải, TS. Trần Minh Văn; TS. Hoàng Anh Hoàng; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Trần Văn Anh; TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm; ThS. Lê Thị Huyền Trang; TS. Phạm Văn Tuấn; PGS.TS. Trần Minh Trường; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Lê Thị Thanh Ngân; ThS. Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Thị Yến Phương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Thắng; PGS.TS. Lê Đức Ngọc; TS. Ngô Văn Vụ; TS. Đoàn Thị Thanh Thúy; TS. Ngô Thị Thu Nga; TS. Nguyễn Thị Ánh; ThS. Bùi Thị Hồng Hà; ThS. Bùi Thị Bích Thảo; ThS. Lưu Quang Đà; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Phạm Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Đàm Bích Thủy; TS. Nguyễn Văn Tuấn - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề cơ bản về giáo dục công dân toàn cầu; Đánh giá thực trạng giáo dục công dân toàn cầu ở các trường THCS trên địa bàn thành

phố Hà Nội; Đề xuất phương án chuẩn bị đội ngũ giáo viên trung học cơ sở dạy chương trình giáo dục công dân toàn cầu cho Hà Nội hiện nay

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-73/ĐK-TTTT&TK

82198. 08-2022 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp trước những bất cập về cơ cấu và số lượng của giáo viên THCS ngoại thành Hà Nội/** TS.Ngô Văn Vụ, ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Trần Văn Thế; ThS. Lê Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Xuân Khuê; ThS. Phùng Thị Huyền Trang; Ông Đoàn Việt Dũng; Ông Nguyễn Văn Vững; Ông Dương Quốc Công - Hà Nội - Trường Cao đẳng sư phạm Hà Tây, 2021; 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Những vấn đề lí luận liên quan đến số lượng và cơ cấu đội ngũ giáo viên THCS; Cơ cấu và số lượng đội ngũ giáo viên tại các trường THCS ngoại thành Hà Nội – thực trạng và những vấn đề đặt ra; Đề xuất giải pháp quy hoạch, đào tạo và sử dụng giáo viên THCS ngoại thành Hà Nội; Đề xuất, kiến nghị với các cấp, ngành có liên quan

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-18/ĐK-TTTT&TK

82736. 08-2022 **Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và giảng dạy tại trường tiểu học Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định/** ThS. Phạm Thành Công, CN. Tống Thị Bình - Nam Định - Trường Tiểu học Xuân Hòa,

2020; 08/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu nâng cấp hệ thống mạng LAN và đầu tư thiết bị, máy móc công nghệ thông tin của nhà trường đảm bảo đường truyền tốt phục vụ công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường. Tiến hành ứng dụng phần mềm quản lý thư viện và thiết bị dạy học giúp lãnh đạo nhà trường nâng cao công tác quản lý, điều hành các hoạt động trên phần mềm mọi lúc, mọi nơi và chất lượng trong công tác giảng dạy qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện.

Số hồ sơ lưu: NDH-005-2021

82758. 08-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy tại trường THCS Giao Lạc - xã Giao Lạc - huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định/** CN. Bùi Văn Nam, CN. Đặng Thị Thắm - Giao Thủy - Trường THCS Giao Lạc, 2020; 07/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành nâng cấp hệ thống mạng LAN của nhà trường đảm bảo đường truyền tốt phục vụ công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường. Đầu tư thiết bị, máy móc công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và học tập tại nhà trường. Đồng thời ứng dụng phần mềm xếp thời khóa biểu và phần mềm quản lý thư viện, thiết bị dạy học giúp lãnh đạo nhà trường trong công tác quản lý chuyên môn.

Số hồ sơ lưu: NDH-010-2021

82761. 08-2022 **Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và**

**giảng dạy tại trường THPT Nguyễn Khuyến, TP Nam Định/** ThS. Lê Thị Phương Dung, Nguyễn Trọng Phú; Nguyễn Thị Thu Thủy; Mai Thị Lùng; Lê Thị Hiền; Vũ Văn Dương - Nam Định - Trường THPT Nguyễn Khuyến, 2020; 07/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu nâng cấp, bổ sung hệ thống mạng LAN, hệ thống mạng wifi phủ sóng ở khu vực nhà lớp học bằng 3 bộ phát Wifi diện rộng được lắp đặt tại các vị trí tầng 1, tầng 2, tầng 3 nhà lớp học khu A. Tiến hành đầu tư mua sắm các trang bị công nghệ thông tin nhằm nâng cao các tính năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Đồng thời tiến hành ứng dụng các phần mềm Thư viện và thiết bị dạy học và phần mềm chấm thi trắc nghiệm trên điện thoại di động.

Số hồ sơ lưu: NDH-008-2021

**82822. 08-2022 Nghiên cứu thiết kế và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang/ TS.** Nguyễn Văn Hòa, ThS. Huỳnh Phước Hải; TS. Đào Thanh Nghị; TS. Huỳnh Thanh Tiến; TS. Trần Thị Thanh Huế; TS. Lê Việt Phương; ThS. Huỳnh Thanh Việt; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Văn Thu Phương - An Giang - Trường đại học An Giang, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát hiện trạng của các cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ thống thông

tin (HTTT) hiện có của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang. Nghiên cứu xác định xu hướng phát triển trong tương lai về yêu cầu lưu trữ, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trong ngành Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất và xây dựng CSDL dùng chung cho ngành Giáo dục và Đào tạo với 10 lớp dữ liệu nền và phân tích yêu cầu truy vấn, lưu trữ của CSDL. Tiến hành xây dựng HTTT quản lý trực tuyến CSDL dùng chung cho ngành Giáo dục và công cụ hỗ trợ việc nhập/xuất, tích hợp dữ liệu từ các CSDL hiện có của ngành. Qua đó, đề xuất và triển khai các cơ chế bảo mật CSDL và các nguyên tắc dữ liệu an toàn và toàn vẹn cho các hoạt động tác nghiệp trong ngành Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng quy định quản lý, vận hành, khai thác và tập huấn sử dụng hệ thống quản lý CSDL dùng chung cho 60 cán bộ quản lý, kỹ thuật viên và giáo viên.

Số hồ sơ lưu: AGG-013-2021

#### **50404. Dân tộc học**

**82584. 08-2022 Dân tộc Hrê ở Việt Nam: Tiếp cận dưới góc nhìn nhân học/ TS.** Mai Thanh Sơn, ThS. Lê Văn Hà; ThS. Phan Thị Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên; TS. Nguyễn Tiến Đông; TS. Đào Thế Đức; CN. Lê Hồng Khánh - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021; 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan về lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hóa của người Hrê trong bối cảnh biến đổi lịch sử và hiện đại. Nghiên cứu các quá

trình lịch sử và đương đại ở người Hrê theo quan điểm tiếp cận nhân học: khảo cổ học, ngôn ngữ học, nhân học kinh tế, nhân học xã hội và nhân học văn hóa.

Số hồ sơ lưu: 19771

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

81684. 08-2022 **Thực trạng và các giải pháp nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay/** TS. Lưu Sơn Hà, TS. Phạm Văn Tư; GS.TS. Nguyễn Hữu Minh; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa; PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Huyền; ThS. Trịnh Hà My; ThS. Nguyễn Phương Chi; TS. Nguyễn Thị Thu Hoài - Hà Nội - Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh đề tài; Xây dựng cơ sở lý luận về quấy rối tình dục ở nữ giới; Xây dựng cơ sở lý luận về năng lực phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới; Thiết kế bộ công cụ đánh giá thực trạng quấy rối tình dục, thực trạng năng lực phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới; Đánh giá thực trạng quấy rối tình dục ở nữ giới trên địa bàn thành phố Hà Nội - ở công sở, trong trường học và tại các khu vực nội, ngoại thành Hà Nội; Đánh giá thực trạng năng lực phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới

trên địa bàn thành phố Hà Nội - ở công sở, trong trường học và tại các khu vực nội, ngoại thành Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới trên địa bàn thành phố Hà Nội; Xây dựng bộ tài liệu về kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục ở nữ giới trên địa bàn thành phố Hà Nội; Xây dựng các báo cáo, kiến nghị

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-44/ĐK-TTTT&TK

81689. 08-2022 **Xây dựng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại các Câu lạc bộ, nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Thành phố Hà Nội hiện nay/** TS.BSCK I Nguyễn Thị Liễu, ThS.BS. Nguyễn Thùy Anh; ThS.BS. Lê Thu Nga; ThS. Phan Thị Hồng Thắm; ThS. Hoàng Minh Hiền; ThS.BS. Phạm Đăng Hưng; CN. Đỗ Minh Huệ; BS. Phạm Thùy Linh; BS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; CN. Nguyễn Phương Trà; BSCK I. Phạm Thị Liên; ThS. Hoàng Thị Ánh Ngọc; ThS. Vũ Thị Kiều Oanh - Hà Nội - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Hà Nội, 2020; 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu; Cơ sở khoa học về chất lượng cuộc sống và hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS; Phân tích thực trạng chất lượng cuộc sống và nhu cầu hỗ trợ xã hội để cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội; Xác định một số

yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống và phân tích các rào cản hỗ trợ xã hội nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS sinh hoạt tại CLB/NTL tại thành phố Hà Nội; Xây dựng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội; Thí điểm và đánh giá kết quả thực hiện mô hình hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS sinh hoạt tại câu lạc bộ/nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS (cá nhân, gia đình, cộng đồng-xã hội, nhà nước) khuyến khích áp dụng nhằm nhân rộng mô hình hỗ trợ xã hội cho người nhiễm HIV/AIDS tại các CLB/NTL người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-59/ĐK-TTTT&TK

81720. 08-2022 **Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế/** ThS. Trần Đức Hải, TS. Nguyễn Văn Lưu; TS. Trương Sỹ Vinh; TS. Phạm Hồng Long; TS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Phạm Diễm Hảo; CN. Phan Huy Cường; CN. Bùi Đức Thuận; CN. Đôn Ngọc Thúy - Hà Nội - Sở Du lịch thành phố Hà Nội, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực du lịch nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế; Thực trạng phát triển nguồn nhân

lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế giai đoạn 2012 đến nay; Đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong bối cảnh hội nhập quốc tế để đạt mục tiêu phát triển du lịch bền vững thành ngành kinh tế mũi nhọn

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-38/ĐK-TTTT&TK

82731. 08-2022 **Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025/** PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Nguyễn Huyền Lê; TS. Đào Quang Vinh; TS. Trần Sỹ Luận; ThS. Nguyễn Hoàng Nguyên; CN. Văn Đình Tri; TS. Lê Hữu Thọ; ThS. Trần Thị Ngọc Thùy; CN. Nguyễn Thành Sơn; ThS. Trần Thị Diệu - Hà Nội - Sở Lao động Thương binh và Xã hội Khánh Hòa, 2019; 06/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận về hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất. Tiến hành đánh giá thực trạng thực hiện chính sách và kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất trong giai đoạn 2010-2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Qua đó, đề xuất chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: KHA-046-2021



82741. 08-2022 **Xây dựng mô hình tập luyện thể dục thể thao phục vụ cộng đồng dân cư tại các khu vực công viên, vườn hoa trên địa bàn thành phố Nam Định/** CN.Trần Minh Toàn, KS. Cao Hải Thụy; CN. Vũ Đại Sáng; KS. Nguyễn Hồng Thủy; KS. Trần Phi Long; KS. Nguyễn Văn Tiến - Nam Định - Phòng Văn hoá và thông tin thành phố Nam Định, 2019; 10/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành xây dựng 06 mô hình tập luyện thể dục thể thao, mỗi mô hình có 8 dụng cụ : gồm như xà đơn 2 bậc, xà kép, đạp xe tựa lưng, lưng eo, tập tay vai đôi, tập toàn thân, lưng bụng, đi bộ trên không. Đồng thời, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật của các đơn vị quản lý, vận hành. Sau khi được đơn vị thi công tập huấn hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị những học viên sẽ là những huấn luyện viên trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong quá trình tập luyện và phối hợp với đơn vị thi công theo dõi, xử lý các sự cố liên quan đến thiết bị máy móc và hướng dẫn người dân sử dụng các trang thiết bị thể dục, thể thao tập luyện ngoài trời đúng cách.

Số hồ sơ lưu: NDH-001-2021

82765. 08-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm xây dựng bền vững nông thôn mới tỉnh Nam Định/** Mai Thanh Long, - Nam Định - Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nam Định, tìm hiểu về kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới cũng như các chính sách để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tại tỉnh Nam Định. Nghiên cứu kết quả xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, xã, huyện tại Nam Định qua đó đưa ra một số đề xuất giải pháp trong xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Số hồ sơ lưu: NDH-011-2021

### **50499. Xã hội học khác**

81649. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh kế bền vững gắn với quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội/** PGS.TS Đoàn Hương Mai, TS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Phan Xuân Bình Minh; TS. Đỗ Thị Xuyên; PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; ThS. Mai Minh Hương; PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; PGS.TS. Lê Thu Hà; TS. Bùi Thị Hoa; ThS. Nguyễn Anh Đức - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu phù hợp với vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đánh giá thực trạng mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng

đến mô hình sinh kế của vùng nông thôn ven đô Hà Nội đến năm 2025 – tầm nhìn đến năm 2030; Đề xuất mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đề xuất giải pháp đảm bảo phát triển mô hình sinh kế bền vững của vùng nông thôn ven đô Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-33/ĐK-TTTT&TK

81688. 08-2022 **Các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn đến 2025, định hướng đến 2030/** TS. Nguyễn Hồng Sơn, PGS.TS. Nguyễn Thành Công; TS. Vũ Thúy Anh; TS. Võ Hải Long; CN. Nguyễn Tất Vinh; ThS. Nguyễn Hồng Dương; ThS. Lê Thanh Thắng; ThS. Lê Hồng Dân; PGS.TS. Bê Trung Anh; ThS. Đỗ Thị Liên Vân; ThS. Sên Thị Hiền; ThS. Hoàng Thị Thúy An; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Phan Quốc Khánh; TS. Lê Hồng Huyền; PGS.TS. Lê Thị Anh Vân; PGS.TS. Trần Đức Hiệp; ThS. Lê Ngọc Châm; CN. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Đặng Thị Huyền; ThS. Nguyễn Ngọc Ánh - hà nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng cuộc sống và nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số; Thực trạng về chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội; Định hướng và giải pháp

nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025 và đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-57/ĐK-TTTT&TK

81690. 08-2022 **Thực trạng, giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2030/** TS. Đoàn Xuân Hậu, PGS.TS. Lê Hà Thanh; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Vũ Thu Trang; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; TS. Nguyễn Diệu Hằng; ThS. Nguyễn Minh Hiền; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; ThS. Bùi Thị Phương Thảo; ThS. Phạm Tùng Lâm; Cn. Mai Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Đoàn Thị Thêu; TS. Chu Thị Bích Ngọc - hà nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về khởi nghiệp và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua; Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-60/ĐK-TTTT&TK

81716. 08-2022 **Xây dựng mô hình kết nối việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp cao đẳng và đại học ở Hà Nội/** TS. Trần Nho Thìn, TS. Nguyễn Thị Đông, ThS. Đỗ Thị Liên Vân; TS. Phùng Thảo; GS.TS Mai Ngọc Chừ; ThS.Vũ Quang Thành; TS. Nguyễn Thị Như; KS. Đỗ Trung Bình; ThS. Đặng Phương Hải; TS. Vũ Thúy Hiền; ThS. Phan Quốc Khánh; ThS. Bùi Xuân Tiến; TS. Hoàng Thu Thảo; ThS. Hoàng Thị Thúy An; KS. Trần Thị Hằng Nga; CN. Phạm Thị Phương Hòa - Hà Nội - Viện Khoa học Chính sách và Pháp luật, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Một số vấn đề lý luận cơ bản về việc làm của sinh viên tốt nghiệp cao đẳng và đại học; Phân tích thực trạng có việc làm và không có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp cao đẳng, đại học trên địa bàn Hà Nội và thực trạng của những giải pháp kết nối việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp; Xây dựng và thử nghiệm bước đầu mô hình kết nối việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp cao đẳng và đại học ở Hà Nội; Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kết nối việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp cao đẳng và đại học ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-34/ĐK-TTTT&TK

82197. 08-2022 **Nghiên cứu hệ thống dịch vụ xã hội dành cho người dân khu vực nông thôn của Thành phố Hà Nội/** TS. Tô Hiến Thà, TS. Đoàn Thị Thu Hương; GS.TS. Nguyễn Thiết Sơn; TS.

Nguyễn Xuân Sang; TS. Đoàn Xuân Viên; TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS. Bùi Văn Lâm; PGS.TS. Phạm Quốc Thành; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Đàm Thế Vinh; ThS. Đỗ Đức Toàn; PGS. TS. Trần Văn Riễn; TS. Nguyễn Đức Long; ThS. Nguyễn Lê Hương; ThS. Lại Trần Tùng; ThS. Lưu Hoàng Tùng; ThS. Nguyễn Trọng Luật; ThS. Cao Trung Hà; TS. Nguyễn Duy Quỳnh; CN. Lê Văn Tuyên; ThS. Phạm Văn Phú; ThS. Vũ Cảnh Lâm; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Vũ Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Đình Nguyên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội và Công nghệ, 2021; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận về phát triển dịch vụ xã hội cho người dân trên địa bàn nông thôn; Thực trạng phát triển hệ thống dịch vụ xã hội dành cho người dân khu vực nông thôn của thành phố Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển hệ thống dịch vụ xã hội dành cho người dân khu vực nông thôn của thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay

Số hồ sơ lưu: HNI-2021-09/ĐK-TTTT&TK

### **50501. Luật học**

82513. 08-2022 **Các giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định trong hoạt động xây dựng pháp luật/** ThS. Nguyễn Hồng Tuyên, CN. Trần Anh Đức; TS. Dương Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Bạch Quốc An; PGS. TS. Tô Văn Hòa; ThS. Lê Thị Thiều Hoa; ThS. Trần Văn Lợi; CN.

Nguyễn Thị Phương Liên; ThS. Đàm Quang Ngọc; ThS. Phạm Thị Ninh; ThS. Đỗ Thị Mai; ThS. Đinh Thị Thanh Hà; CN. Cao Lê Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Lý - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 03/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về thẩm định trong công tác xây dựng pháp luật được rất nhiều học giả quan tâm, nghiên cứu trên toàn thế giới. Mặc dù, không phải tất cả các quốc gia trên thế giới đều ban hành một đạo luật riêng, trong đó quy định về quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL nói chung, về công tác thẩm định nói riêng (chủ thể, nội dung, trình tự, thủ tục thẩm định). Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia đều có các quy định pháp luật về việc đánh giá, kiểm soát chất lượng của dự án, dự thảo VBQPPL đề xuất, trình ban hành.

Số hồ sơ lưu: 19478

82766. 08-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Bánh nhãn Hải Hậu” cho sản phẩm bánh nhãn của huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định/ ThS. Đặng Phúc Giang, CN. Hà Thị Ngọc Bích; TS. Đào Đức Huân; ThS. Ngô Sỹ Đạt; CN. Bùi Tuấn Anh; CN. Nguyễn Văn Ba; ThS. Bùi Quang Nguyên; CN. Hoàng Thị Tâm - Hà Nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2020; 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Bánh nhãn Hải Hậu” và được cấp văn bằng bảo hộ và xây dựng cơ chế quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Bánh nhãn Hải

Hậu” có hiệu quả sau khi được cấp văn bằng bảo hộ. Phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Bánh nhãn Hải Hậu” thông qua các hoạt động giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm đặc sản, phát triển làng nghề gắn với du lịch truyền thống, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế, xã hội huyện Hải Hậu. Tiến tới xây dựng, phát triển thành công nhãn hiệu chứng nhận “Bánh nhãn Hải Hậu” cho sản phẩm bánh nhãn của huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là cơ sở, kinh nghiệm, mô hình để nhân rộng cho các sản phẩm đặc sản, truyền thống của tỉnh Nam Định trong thời gian tới. Đặc biệt là định hướng mỗi làng một sản phẩm, một thương hiệu.

Số hồ sơ lưu: NDH-007-2021

### **50599. Các vấn đề pháp luật khác**

81711. 08-2022 **Các giải pháp đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế/ ThS. Đỗ Thị Liên Vân, CN. Bùi Thị Yến; TS. Phan Đăng Long; ThS. Võ Tuấn Dũng; ThS. Phạm Xuân Tiên; ThS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Đặng Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Hồ Nguyệt Yến; ThS. Đặng Thị Thu Mai; ThS. Nguyễn Quang Sơn; CN. Trần Đình Trí - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2020; 01/2015 - 06/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Cơ sở lý luận và thực tiễn về đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thực trạng tình hình đảo bảo an ninh văn

hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Các giải pháp đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-43/ĐK-TTTT&TK

### **50601. Khoa học chính trị**

82620. 08-2022 **Nghiên cứu, đề xuất quy trình lồng ghép nội dung của Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển (CQK) của Việt Nam/** ThS. Lưu Lê Hường, TS. Nguyễn Sỹ Linh; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Trung Thắng; CN. Lê Nam Thành; TS. Lương Quang Huy; ThS. Hoàng Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Lê Trọng Hải - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan về quy trình lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào chính sách phát triển trên thế giới. Thực trạng lồng ghép biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch ở Việt Nam và các nội dung đóng góp do quốc gia tự quyết định đã có trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch của Việt Nam. Xây dựng quy trình lồng ghép các nội dung đóng góp do quốc gia tự quyết định vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của Việt Nam. Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn lồng ghép các nội dung

đóng góp do quốc gia tự quyết định vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19792

82625. 08-2022 **Hợp tác an ninh của Mỹ với Ấn Độ trong bối cảnh mới/** TS. Nguyễn Lan Hương, TS. Lộc Thị Thủy; TS. Lê Thị Thu; ThS. Trần Minh Nguyệt; ThS. Vũ Thị Hưng; ThS. Lê Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện bối cảnh thế giới mới tác động tới hợp tác an ninh của Mỹ với Ấn Độ. Tìm hiểu lựa chọn chính sách của Mỹ và Ấn Độ trong tình hình mới. Xem xét thực trạng hợp tác an ninh của Mỹ với Ấn Độ trong bối cảnh Mỹ điều chỉnh chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Đánh giá tác động của những diễn biến quan hệ này tới tình hình an ninh khu vực để từ đó đưa ra một số đối sách giúp Việt Nam duy trì hòa bình và phát triển trong cục diện an ninh mới.

Số hồ sơ lưu: 19781

82626. 08-2022 **Vấn đề nhập cư của Mỹ hiện nay: Thực trạng và tác động/** TS. Lê Thị Thu, ThS. Vũ Thị Hưng; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Lê Thị Thu Hằng; TS. Bùi Thị Phương Lan; TS. Nguyễn Khánh Vân; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát về các vấn đề nhập cư ở Mỹ, ảnh hưởng của nhập cư đối với nước Mỹ và các chính sách nhập cư của Mỹ. Thực trạng vấn đề nhập cư của nước Mỹ dưới thời tổng thống Donald Trump. Tác động từ chính sách nhập cư của Tổng thống Donald Trump, xu hướng giải quyết vấn đề nhập cư ở Mỹ và hàm ý chính sách về người nhập cư đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19791

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

82830. 08-2022 **Đánh giá cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang/** ThS. Hà Trung Kiên, CN. Đặng Thị Mai Phương; CN. Vũ Việt Chung; CN. Đinh Thị Thu Giang; TS. Tôn Thu Hiền; TS. Lê Thu Huyền; ThS. Vũ Thúy Mai; ThS. Tô Thị Phương Bình; ThS. Chu Thị An Trang; CN. Dương Bích Ngọc - Tuyên Quang - Sở Tài Chính Tuyên Quang, 2020; 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công tại tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015-2019 theo tinh thần của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công; Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công và giá dịch vụ khám

bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công. Qua đó, đề xuất mục tiêu, quan điểm, giải pháp và lộ trình hoàn thiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công tại tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025 và tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: TQG-002-2021

82831. 08-2022 **Những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang/** Đỗ Văn Toán, Nguyễn Ngọc Việt; Vũ Đức Thọ; Nguyễn Việt Hải; Hà Doãn Hàn; Phạm Ngọc Thanh; Phạm Ngọc Thoan; Hồ Thị Ái Hằng; Nguyễn Thị Đăng; Nguyễn Thu Trang - Tuyên Quang - Thanh tra tỉnh Tuyên Quang, 2020; 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo và tìm hiểu về cơ sở pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2012-2019. Qua đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành trên địa

bàn tỉnh Tuyên Quang trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: TQG-001-2021

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

82662. 08-2022 **Những nhân tố ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp**/ TS. Nguyễn Phước Dũng, TS. Nguyễn Phước Dũng; TS. Võ Thị Tuyết Hoa; ThS. Võ Thị Thủy; TS. Nguyễn Việt Thanh; ThS. Phan Thị Minh Hiền; TS. Bùi Văn De; TS. Nguyễn Quốc Trung - Trường Chính trị Đồng Tháp - Trường Chính trị Đồng Tháp, 2021; 08/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến chủ đề nghiên cứu hệ thống chính trị và hệ thống chính trị cấp xã. Xu thế thời đại ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Thể chế chính trị Việt Nam hiện nay ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã. Truyền thống lịch sử - văn hóa của tỉnh Đồng Tháp ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã. Vai trò của nhân dân ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Năng lực hoạt động của các tổ chức thành viên trong hệ thống ảnh hưởng đến sự vận động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Phương hướng tác động đến những

nhân tố nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Nhóm giải pháp tác động đến năng lực hoạt động của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp. Nhóm giải pháp tác động đến năng lực thực thi quyền làm chủ của nhân dân. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của nhân tố truyền thống lịch sử - văn hóa trong phát triển hệ thống chính trị cấp xã.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-004

### **50699. Khoa học chính trị khác**

81710. 08-2022 **Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội trong giai đoạn hiện nay**/ TS. Vũ Tuấn Dũng, TS. Phạm Văn Hải; ThS. Nguyễn Tô Quyên; TS. Nguyễn Thanh Sơn; PGS.TS. Phạm Duy Hòa; ThS. Trương Thị Dung; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hải Ninh; PGS.TS. Phạm Việt Thắng; TS. Đặng Thị Thanh Trâm; ThS. Phạm Thị Mai Vui; TS. Đinh Quang Thành; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Lê Hương Ly; CN. Nguyễn Thị Huệ; CN. Đặng Hương Liên - Hà Nội - Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, 2020; 08/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên – một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Đánh giá thực trạng lý tưởng cách mạng, giáo dục lý tưởng cách mạng, hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh

viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối và những vấn đề đặt ra. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong Khối. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, bồi dưỡng giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong Khối.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-41/ĐK-TTTT&TK

81712. 08-2022 **Vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay - Thực trạng và giải pháp/** TS. Lê Quang Long, ThS. Hà Kiều Oanh; ThS. Phạm Khắc Tuấn; ThS. Phùng Thị Huyền; TS. Nguyễn Văn Phong; TS. Nguyễn Thị Tuyền; PGS.TS. Nguyễn Xuân Phong; PGS.TS. Vũ Quang Vinh; PGS.TS. Nguyễn Chí Hiếu; ThS.NCS. Nguyễn Mạnh Thắng; ThS.NCS. Đoàn Minh Đức; CN Ngô Tiến Hùng; CN. Vũ Thu Hương; ThS.NCS. Nguyễn Phương Lan; ThS. Lê Thị Huyền Trang; CN. Nguyễn Thị Mộng Hoa; CN. Phạm Ngọc Thu - Hà Nội - Đảng ủy các Khu công nghiệp & Chế xuất Hà Nội, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động; Thực trạng chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và những vấn đề đặt

ra; Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội; Bản kiến nghị với các cấp, ngành liên quan; Xây dựng bộ tài liệu bồi dưỡng về giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-45/ĐK-TTTT&TK

### **50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

75901. 08-2022 **Nghiên cứu giải pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội/** Thiếu tướng Đỗ Thái Sơn, Đại tá Hoàng Đức Sinh; Thiếu tướng Bùi Trọng Quỳnh; Thiếu tướng Nguyễn Xuân Yên; Đại tá Phạm Thanh Hải; Đại tá Phùng Chí Cao; Trung tá Phan Mạnh Cường; Đại tá Nguyễn Hữu Lan; Đại tá Phạm Xuân Nguyên; Đại tá Nguyễn Thanh Liêm; Thượng tá Lê Hồng Hải; Thượng tá Nguyễn Văn Long; Thượng tá Nguyễn Văn Bông; Thượng tá Nguyễn Mạnh Hùng; Trung tá Dư Văn Thịnh - Hà Nội - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, 2019; 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về thảm họa, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa; Đánh giá tác động của các yếu tố nguy cơ gây thảm họa; Đánh giá thực trạng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các



sự cố rủi ro trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; Biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, huấn luyện về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; Tổ chức diễn tập phòng, chống; tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả lụt bão cấp huyện

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-09/ĐK-TTTT&TK

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

82600. 08-2022 **Xây dựng cơ chế và mô hình liên kết vùng Tây Nam Bộ trên cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế nông hộ nông thôn: thí điểm vùng Đồng Tháp Mười/ ThS. Nguyễn An Bình, PGS.TS. Phạm Việt Hòa; TS. Nguyễn Thọ; GS.TS. Nguyễn Khanh Vân; GS.TS. Võ Quang Minh; ThS. Giang Thị Phương Thảo; CN. Huỳnh Song Nhựt; CN. Trần Anh Phương; CN. Nguyễn Ngọc Ân; CN. Vũ Quang Huy; ThS. Nguyễn Cao Hanh; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Phạm Việt Hồng - Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ và tiểu vùng Đồng Tháp Mười. Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp đánh giá hiện trạng và diễn biến tài nguyên đất, nước trong phát triển bền vững vùng Đồng Tháp Mười. Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội,

cơ chế liên kết vùng và các mô hình sinh kế hiện có ở vùng Đồng Tháp Mười. Xây dựng các mô hình sinh kế trên cơ sở liên kết vùng và đánh giá hiệu quả các mô hình sinh kế thực nghiệm. Tập huấn xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho nông hộ - cán bộ khuyến nông. Xây dựng cơ chế, khuyến nghị chính sách và đề xuất giải pháp cần thiết cho liên kết vùng Đồng Tháp Mười.

Số hồ sơ lưu: 19793

82607. 08-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình, bộ tiêu chí cơ sở hạ tầng, cảnh quan đồng ruộng đa năng, đa mục tiêu, áp dụng thí điểm tại huyện Nam Đàn, phục vụ xây dựng huyện, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch/ PGS.TS. Đoàn Doãn Tuấn, ThS. Trần Việt Dũng; PGS.TS. Trần Chí Trung; ThS. Võ Thị Kim Dung; ThS. Phạm Duy Anh Tuấn; TS. Lê Văn Minh; ThS. Vi Thanh Hoài; ThS. Trịnh Duy Đỗ; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Trần Hưng - Hà Nội - Trung tâm Tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân, 2021; 12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Điều tra, khảo sát, nghiên cứu lập đề án hạ tầng, cảnh quan đồng ruộng đa năng, đa mục tiêu phù hợp các tiểu vùng về địa hình, sinh thái phục vụ huyện nông thôn mới kiểu mẫu huyện Nam Đàn theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch và xây dựng mô hình điểm tại Kim Liên. Nghiên cứu Xây dựng bộ tiêu chí và giải pháp triển khai cơ sở hạ tầng, cảnh quan đồng ruộng đa năng, đa

mục tiêu, cấp huyện theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch.

Số hồ sơ lưu: 19770

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

81617. 08-2022 **Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, khai thác các công trình cầu trên địa bàn Thành phố Hà Nội do Sở Giao thông vận tải Hà Nội quản lý/ PGS.TS. Ngô Văn Minh, ThS. Nguyễn Đình Chiểu; ThS. Nguyễn Chí Thanh; KS. Trương Kiều Anh; KS. Lương Văn Mạnh; ThS. Nguyễn Chí Cường; TS. Lê Bá Anh; TS. Nguyễn Xuân Tùng; ThS. Lê Hà Linh; KS. Trần Mạnh Cường; ThS. Trần Văn Thanh; ThS. Phạm Quốc Đạt - Hà Nội - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, khai thác các công trình cầu trong và ngoài nước; Nghiên cứu xây dựng tiêu chí quản lý, khai thác cầu trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với việc quản lý hệ thống cầu; Khảo sát thực trạng và thu thập các thông số kỹ thuật của các cầu. Đề xuất hệ thống quan trắc và quy trình kiểm tra cầu tại thành phố Hà Nội; Đề xuất quy trình đánh giá cầu sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu số; Xây dựng hệ thống quản lý cầu sử dụng cơ sở dữ liệu số (GIS) để quản lý các cầu trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề xuất quy trình quản lý, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, khai

thác các công trình cầu trên địa bàn thành phố Hà Nội do Sở Giao thông vận tải Hà Nội quản lý; Áp dụng thí điểm chương trình quản lý cầu sử dụng cơ sở dữ liệu số trên địa bàn thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-65/ĐK-TTTT&TK

81649. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh kế bền vững gắn với quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội/ PGS.TS Đoàn Hương Mai, TS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Phan Xuân Bình Minh; TS. Đỗ Thị Xuyên; PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; ThS. Mai Minh Hương; PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; PGS.TS. Lê Thu Hà; TS. Bùi Thị Hoa; ThS. Nguyễn Anh Đức - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu phù hợp với vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đánh giá thực trạng mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình sinh kế của vùng nông thôn ven đô Hà Nội đến năm 2025 – tầm nhìn đến năm 2030; Đề xuất mô hình sinh kế bền vững trong quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng nông thôn ven đô Hà Nội; Đề xuất giải pháp đảm bảo phát triển mô hình sinh kế bền vững của vùng nông thôn ven đô Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-33/ĐK-TTTT&TK

82264. 08-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đất ven biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững/** ThS. Trịnh Thị Hải Yến, CN. Phạm Kim Long; TS. Nguyễn Thắng, CN. Lê Nam Thành; ThS. Phan Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Sỹ Linh; ThS. Nguyễn Văn Hiền; ThS. Nguyễn Đình Chiêu; ThS. Đinh Thu Trang; ThS. Ngân Ngọc Vỹ - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2020; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về sử dụng hiệu quả đất ven biển cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong việc sử dụng hiệu quả đất ven biển theo hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất ven biển theo hướng phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất ven biển Nam Trung Bộ từ 2004 đến nay và dự báo các yếu tố tác động đến việc sử dụng đất ven biển Nam Trung Bộ. Qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất ven biển Nam Trung Bộ theo hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19675

### **50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác**

81685. 08-2022 **Giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội/** TS. Trịnh Quang Thoại, TS. Hồ Ngọc Ninh; PGS.TS. Trần Đình Thao; TS. Đỗ Trường Lâm; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Trần Hương Giang; ThS. Lại Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Chu Thị Hồng Phượng; TS. Đặng Vũ Hòa - Hà Nội - Viện Kinh tế và Phát triển, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; Thực trạng thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội trong thời gian qua (tính đến 6 tháng đầu năm 2019); Xác định nhu cầu và tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội; Định hướng và giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-54/ĐK-TTTT&TK

### **50802. Thông tin học**

75921. 08-2022 **Nghiên cứu xây dựng giải pháp hỗ trợ quản lý, khai thác và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô/** ThS. Đinh Văn Hưng, ThS. Đinh Văn Hưng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Như Thắng;

ThS. Nguyễn Ngọc Bích; ThS. Kiều Thúy Thịnh; ThS. Đinh Hữu Quyền; ThS. Tạ Văn Hiếu; CN. Lê Thu Hằng; CN. Phạm Vương Minh; KS. Nguyễn Mai Nga; CN. Đỗ Quang Minh; KS. Bùi Thị Lợi; KS. Lê Thành Trung; CN. Nguyễn Thị Thanh; CN. Đồng Thị Sáu Hương - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ, 2020; 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội; Xây dựng quy trình giải pháp hỗ trợ quản lý, khai thác và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ; Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý, khai thác và cung cấp thông tin KH&CN của thành phố Hà Nội; Thu thập, cập nhật thông tin, thử nghiệm kết nối và vận hành hệ thống thông tin và báo cáo kết quả thử nghiệm hệ thống (giai đoạn 2010-2015); Xây dựng Quy chế quy định quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác hệ thống thông tin KH&CN.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-16/ĐK-TTTT&TK

## 6. Khoa học nhân văn

### 60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

82587. 08-2022 **Từ thư tịch Nôm Công giáo thế kỷ XVII, khảo về vai trò của J. Maiorica trong sự phát triển của văn hóa Việt Nam/ PGS.TS. Lã Minh Hằng, TS. Đỗ Thị Bích Tuyền; TS. Trần Thị Giáng Hoa; TS. Cao Việt Anh; TS. Vũ Thị**

Lan Anh; TS. Vũ Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2021; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về thư tịch, văn bản Nôm Công giáo và các tài liệu ghi chép tiếng Việt thế kỷ XVII. Nghiên cứu về chữ Nôm trong văn bản Nôm của Maiorica và ngôn ngữ văn hóa Việt được thể hiện trong tác phẩm của Maiorica. Khảo sát từ vựng nghĩa cổ, từ đó chỉ ra những từ ngữ cổ đã không còn được sử dụng trong tiếng Việt hiện đại hoặc những từ vựng đã bị mờ nghĩa trong tiếng Việt hiện đại. Khảo sát từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt qua cách phân tích tổ chức kết cấu từ, phân tích cấu trúc ngữ pháp của các ngữ vị từ.

Số hồ sơ lưu: 19766

### 60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

82768. 08-2022 **Phát triển du lịch văn hóa tỉnh Trà Vinh ở khu di tích thắng Ao Bà Om/ Trần Bình Trọng, - Trà Vinh - Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Trà Vinh., 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu những đặc trưng về văn hóa các dân tộc ở Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long về ăn mặc ở đi lại từ đó xây dựng khu văn hóa du lịch văn hóa tại khu danh lam thắng cảnh Ao Bà Om với các phân khu: Khu văn hóa dân tộc Khmer bao gồm các khu chức năng : Văn hóa sản xuất vật chất ; văn hóa ẩm thực ; làng nghề truyền thống ; Văn hóa lễ hội. Xây dựng khu văn hóa các dân tộc Việt Nam trong đó có một số dạng nhà đặc trưng của các dân tộc

thiếu số ở các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc của Việt Nam, mô phỏng bảo tàng dân tộc Việt Nam. Xây dựng cảnh quan khu du lịch Ao Bà Om trở thành khu du lịch trọng điểm của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Số hồ sơ lưu: TVH-003-2021

82824. 08-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Chăm trong phát triển du lịch tỉnh An Giang/ PGS. TS. Võ Văn Thắng, TS. Nguyễn Hữu Trí; ThS. Mai Thị Minh Thủy; ThS. Dương Phương Đông; ThS. Trương Chí Hùng; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thơ; ThS. Hồ Bạch Nhật; ThS. Đoàn Vinh Thăng; ThS. Đỗ Thị Thanh Hà; Mohamed Lâm Minh Trí - An Giang - Trường đại học An Giang, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa của người Chăm tại An Giang (có so sánh với Chăm ở miền Trung) và hiện trạng đời sống văn hóa của người Chăm. Đánh giá thực trạng hoạt động du lịch, mô hình du lịch đang khai thác ở vùng có người Chăm cư trú, xác định những giá trị văn hóa tộc người Chăm cần bảo tồn và khai thác phục vụ phát triển du lịch. Tiến hành xây dựng, vận hành một mô hình du lịch mẫu dự trên văn hóa ở vùng đồng bào Chăm An Giang kết nối với các tuyến, điểm du lịch trọng điểm trong khu vực, đồng thời xây dựng một bộ tài liệu quảng bá, giới thiệu văn hóa tộc người Chăm, đặc biệt là các giá trị văn hóa cần được bảo tồn nhằm phát triển du lịch tỉnh An Giang một cách bền vững.

Số hồ sơ lưu: AGG-010-2021

### **60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác**

81711. 08-2022 **Các giải pháp đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế/ ThS. Đỗ Thị Liên Vân, CN. Bùi Thị Yên; TS. Phan Đăng Long; ThS. Võ Tuấn Dũng; ThS. Phạm Xuân Tiên; ThS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Đặng Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Hồ Nguyệt Yên; ThS. Đặng Thị Thu Mai; Ths. Nguyễn Quang Sơn; CN. Trần Đình Trí - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2020; 01/2015 - 06/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Cơ sở lý luận và thực tiễn về đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thực trạng tình hình đảo bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay - Nội dung 3: Các giải pháp đảm bảo an ninh văn hóa – tư tưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-43/ĐK-TTTT&TK

### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

82371. 08-2022 **Đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng cho các cán bộ làm công tác tiêu chuẩn hóa và chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, đánh giá Giải thưởng chất lượng**

**quốc gia của các bộ, ngành, địa phương năm 2020./** ThS. Đặng Thanh Huyền, ThS. Mãn Thùy Giang; TS. Ngô Thị Ngọc Hà; ThS. Phùng Mạnh Trường; ThS. Bùi Ngọc Bích; ThS. Trần Minh Khánh; ThS. Nguyễn Thùy Khánh; ThS. Mai Thu Phương; Phạm Thị Hải Yến; Đặng Thùy Linh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và các báo cáo chuyên đề. Đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá giải thưởng chất lượng quốc gia. Tổ chức 05 khóa đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý cho 125 cán bộ của các Bộ, ngành, chi cục và doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn ISO 45001, ISO 50001 và ISO 22000 tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức 03 khóa đào tạo chuyên gia đánh giá GTCLQG tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cho 90 cán bộ của các Bộ, ngành, Chi cục địa phương và doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19689

**82616. 08-2022 Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sâm nam Núi Dành, tỉnh Bắc Giang/** ThS. Đinh Võ Sỹ, Nguyễn Văn Hồng; Đàm Thế Chiến; Nguyễn Hải Hòa; Thân Thị Thái; Nguyễn Thị Tám; Trương Xuân Cường; Ngô Thanh Lộc; Lê Thị Hương; Nguyễn Thành Long; Nguyễn Thị Nhài; Nguyễn Hồng Nhung - Bắc Giang - Trung tâm Nghiên cứu Đất và Phân bón vùng

Trung du, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát đánh giá vùng xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sâm nam núi Dành tỉnh Bắc Giang. Xây dựng hồ sơ và hoàn thiện hồ sơ chỉ dẫn địa lý. Xây dựng công cụ quản lý chỉ dẫn địa lý "Núi Dành" cho sản phẩm sâm nam huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tổ chức kiểm soát nguồn gốc chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 19785

**82627. 08-2022 Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm trứng bào xác Artemia Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng/** ThS. Đặng Phúc Giang, ThS. Phạm Thế Bảo; TS. Đào Đức Huân; TS. Phạm Duy Khánh; ThS. Đặng Đức Chiến; TS. Nguyễn Mai Hương; KS. Nguyễn Văn Ba; KS. Hà Ngọc Bích; CN. Đào Tiến Dũng; PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Ngô Việt Thắng - Hà Nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và thương mại Artemia Vĩnh Châu. Xây dựng hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý Vĩnh Châu cho sản phẩm Artemia. Xây dựng văn bản quản lý và các công cụ phục vụ công tác quản lý, khai thác và quảng bá chỉ dẫn địa lý Vĩnh Châu. Hỗ trợ thử nghiệm mô hình quản lý chỉ dẫn địa

lý Vĩnh Châu gắn với liên kết chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 19784

### **60305. Nghiên cứu tôn giáo**

81713. 08-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” trên địa bàn Hà Nội hiện nay/** TS. Lưu Minh Trị, TS. Nguyễn Thị Đơn; PGS.TS. Từ Thị Loan; PGS.TS. Nguyễn Thị Yên; CN. Phạm Tú; TS. Nguyễn Ngọc Mai; TS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Trần Quang Dũng; CN. Bùi Ngọc Quý; ThS. Trần Thị Minh Thu; CN. Đặng Hoàn Loan; Ông Đặng Văn Bài; Bà Giang Nguyệt Ánh; Bà Lê Thị Minh Lý; Bà Mai Thị Hạnh; Ông Ngô Đức Thịnh; ThS. Vũ Duy Hiên; Bà Phạm Lan Anh; CN. Lưu Ngọc Đức; ThS. Lê Khánh Ly - Hà Nội - Hội Di sản Văn hóa Thăng long – Hà Nội, 2020; 08/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan đến thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt; Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt – Một số vấn đề lý luận; “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” trên địa bàn Hà Nội – Thực trạng và một số vấn đề đặt ra; Đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới; Kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài, đề xuất nội dung cơ bản của Quy chế quản lý hoạt động thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-68/ĐK-TTTT&TK

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu



cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*